

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẬU GIANG**

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẬU GIANG
NĂM 2022**

Hậu Giang, tháng năm 2022

CÁC TỪ VIẾT TẮT

AUN:	ASEAN University Network (mạng lưới các trường đại học hàng đầu của khu vực Đông Nam Á)
VC:	Viên chức
CĐCĐ:	Cao đẳng Cộng đồng
CNTT:	Công nghệ thông tin
CTCT:	Công tác chính trị
GDNN:	Giáo dục nghề nghiệp
HĐ:	Hội đồng
HSSV:	Học sinh, sinh viên
KĐCL:	Kiểm định chất lượng
KTX:	Ký túc xá
NCKH:	Nghiên cứu khoa học
QCCTNB:	Quy chế chi tiêu nội bộ
TDTT:	Thể dục thể thao
TKĐ:	Tự kiểm định
VSEP:	Vietnam Skill Employment Project (Dự án Kỹ năng nghề nghiệp Việt Nam)

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẬU GIANG

Mục 1. Thông tin chung về trường

Tên trường (tiếng Việt và tiếng Anh):

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẬU GIANG

HAU GIANG COMMUNITY COLLEGE

Tên viết tắt: CĐCĐHG

Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Đường 19/8, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Số điện thoại liên hệ: 02933870190, số fax: 02933876175

E-mail: hgcc@hgcc.edu.vn

Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): Năm 2005 là Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.

Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 2006

Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa thứ nhất: Năm 2009

Loại hình trường đào tạo: Công lập: ☒

Mục 2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển nhà trường

Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang được thành lập vào năm 2005, theo Quyết định số: 4128/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/8/2005 của Bộ Giáo dục và Đào Tạo, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang đã từng bước hoạt động và phát triển không ngừng và chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cuối năm 2005 UBND tỉnh Hậu Giang có Công văn số 2837/UBND, ngày 13/12/2005 về việc ủy quyền cho Sở GD&ĐT Hậu Giang quản lý trường CĐCĐ Hậu Giang về 04 mặt:

1. Quản lý công tác tổ chức-cán bộ của Trường
2. Quản lý về Kế hoạch đào tạo của Trường
3. Kiểm tra công tác thu, quản lý và sử dụng các nguồn tài chính
4. Chỉ đạo về công tác xây dựng cơ bản của Trường.

Đến cuối năm 2011 khi có Thông tư số **47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV**, ngày 19/10/2011 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ ra đời; thì UBND tỉnh Hậu Giang có công văn số **1192/UBND-TH**, ngày **30/7/2012** về việc chuyển Trường CĐCĐ Hậu Giang từ trực thuộc UBND tỉnh thành trực thuộc sở Giáo dục và Đào tạo.

Đến cuối năm 2015 UBND tỉnh Hậu Giang có Công văn số: **1658/UBND-TH**, ngày 06/10/2015 về việc chuyển trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang từ trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đến đầu năm 2017 Bộ Lao động Thương binh Xã hội có Công văn 205/BLĐTBXH, ngày 18/01/2017 bàn giao chức năng quản lý nhà nước về Giáo dục nghề nghiệp đối với các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp từ Bộ GD&ĐT sang Bộ LĐTB-XH. Riêng ngành cao đẳng Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học vẫn trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đầu tháng 3 năm 2020 Bộ Lao động Thương binh Xã hội có Quyết định số 281/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang. Trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang, quản lý nhà nước thuộc Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

2.2. Thành tích nổi bật

Trong 17 năm qua, bằng sự nỗ lực phấn đấu không ngừng nhà trường đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc.

Đối với tập thể: nhiều năm liên được công nhận Tập thể Lao động xuất sắc, được tặng nhiều bằng khen của UBND tỉnh Hậu Giang, Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Công an, Thủ tướng Chính phủ; Biểu tượng vàng “nguồn nhân lực Việt Nam” do Hội đồng TW Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam công nhận; bằng khen của BCH Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam.

Đối với cá nhân: Huân chương hạng Nhì: 01, Huân chương Lao động hạng Ba: 04; Nhà giáo ưu tú: 01, Giáo viên dạy giỏi toàn quốc: 04 và nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Hậu Giang; Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2019, 2022 đạt 05 Giải Ba được tặng Bằng khen của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

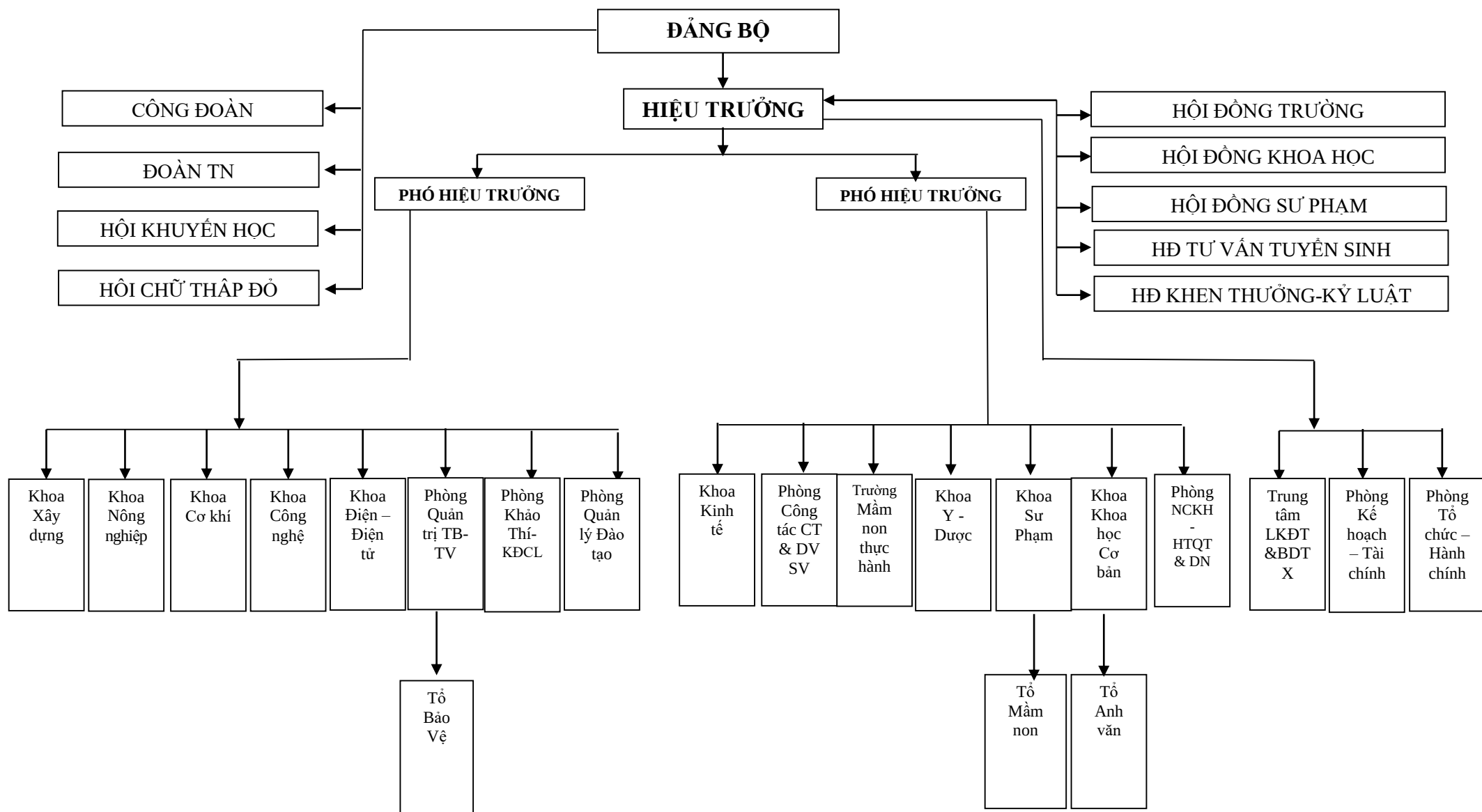
Mục 3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

3.1. Cơ cấu tổ chức

Trường hiện có 18 Phòng, khoa chức năng gồm:

- Phòng Tổ chức - Hành chính.
- Phòng Quản lý Đào tạo.
- Phòng Khảo thí - Kiểm định chất lượng.
- Phòng Kế hoạch - Tài chính.
- Phòng Công tác chính trị và Dịch vụ sinh viên.
- Phòng Quản trị - Thiết bị - Thư viện.
- Phòng Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế và Doanh nghiệp.
- Trung tâm Liên kết đào tạo và Bồi dưỡng thường xuyên.
- Khoa Sư phạm.
- Khoa Khoa học Cơ bản.
- Khoa Y - Dược.
- Khoa Kinh tế.

- Khoa Nông nghiệp.
 - Khoa Điện - Điện tử.
 - Khoa Xây dựng.
 - Khoa Cơ khí.
 - Khoa Công nghệ.
 - Trường Mầm non thực hành.
- * Sơ đồ tổ chức:**



3.2. Nhân sự

- Tổng số Viên chức, người lao động: **196** người, nữ **92**. Trong đó (Ban Giám hiệu: **03** người; lãnh đạo phòng khoa chức năng: **38** người; giảng viên: **104** người; giáo viên dạy mầm non thực hành: **03** người; viên chức hành chính: **25** người; nhân viên hợp đồng theo Nghị định 68: **26** người).

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tiến sĩ: **01**, Chuyên khoa I: **02**, CKII: **01**, Thạc sĩ: **85** (đang nghiên cứu sinh: **07**); Đại học: **80** (đang học Thạc sĩ: **06**); Trung cấp: **03**, chuyên môn khác: **24**.

- Đội ngũ lãnh đạo nhà trường gồm có: **01** Hiệu trưởng, **02** Phó hiệu trưởng.

- **Tổ chức Đảng, đoàn thể:**

- Đảng bộ có: **09** chi bộ trực thuộc, với **153** đảng viên, nữ **72**, dự bị **04**.

- Công đoàn có: **09** tổ công đoàn, với: **196** đoàn viên, nữ: **92**.

- Đoàn Thanh niên: **379** người; Trong đó, đoàn viên cán bộ, viên chức: **11** người.

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.

4.1 Các ngành nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cấp (Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 44/2022/GCNDKHD-TCGDNN ngày 08/6/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp):

a) Tại trụ sở chính: Đường 19 tháng 8, ấp 6, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ nghề đào tạo	Quy mô tuyển sinh /năm	Trình độ đào tạo
1	Tiếng Anh	6220206	30	Cao đẳng
2	Kế toán	6340301	30	Cao đẳng
3	Kế toán doanh nghiệp	5340302	35	Trung cấp
4	Tin học ứng dụng	6480205	30	Cao đẳng
5	Thiết kế và quản lý Website	5480215	30	Trung cấp
6	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	35	Trung cấp
7	Quản trị mạng máy tính	5480209	35	Trung cấp
8	Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm	5540108	50	Trung cấp
9	May thời trang	5540205	35	Trung cấp
10	Dịch vụ thú y	5640201	30	Cao đẳng
11	Thú y	5640101	30	Trung cấp
12	Dược	6720201	60	Cao đẳng

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/ nghề đào tạo	Quy mô tuyển sinh /năm	Trình độ đào tạo
13	Điều dưỡng	6720301	60	Cao đẳng
		5720301	30	Trung cấp

b) Tại địa điểm đào tạo: Đường 19 tháng 8, ấp 6, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (địa điểm đào tạo 1)

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Công nghệ ô tô	6510216	35	Cao đẳng
		5510216	35	Trung cấp
2	Cắt gọt kim loại	5520121	30	Trung cấp
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	30	Trung cấp
4	Điện Công nghiệp	6520227	30	Cao đẳng
		5520227	35	Trung cấp
5	Kỹ thuật xây dựng	6580201	30	Cao đẳng
		5580201	60	Trung cấp
6	Quản lý đất đai	5850102	15	Trung cấp

c) Tại địa điểm đào tạo: Khu vực 4, phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang (địa điểm đào tạo 2)

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Kế toán doanh nghiệp	5340302	20	Trung cấp
2	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	30	Trung cấp
3	Quản trị mạng máy tính	5480209	30	Trung cấp
4	Cắt gọt kim loại	5520121	30	Trung cấp
5	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	30	Trung cấp
6	Quản lý đất đai	5850102	15	Trung cấp

4.2 Quy mô tuyển sinh, đào tạo:

- Phương thức tổ chức đào tạo

Theo niên chế

Theo tích lũy tín chỉ

Có

☒
☒

Không

☐
☐

- Hình thức tổ chức đào tạo

	Có	Không
Chính quy tập trung	☒	☐
Vừa làm vừa học	☒	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☒	☐

Trình độ đào tạo	Khóa 15 Tuyển sinh năm 2020	Khóa 16 Tuyển sinh năm 2021	Khóa 17 Tuyển sinh năm 2022
Cao đẳng	521	308	291
Trung cấp	192	363	547
Tổng cộng	713	671	838 <i>(tính đến 08/12/2022)</i>

Tổng số học sinh, sinh viên (tính đến tháng 11/2022): 1.258 HSSV (gồm khóa 14, 15, 16, 17).

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Cơ sở vật chất, thư viện

- Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): **338.493,8**
- Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):
 - + Nơi làm việc: **5.281** Nơi học: **33.356** Nơi vui chơi giải trí: **2.444**
- Diện tích phòng học (tính bằng m²): Tổng diện tích phòng học: 30.337.
- Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường 6.388 cuốn
- Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: 4.396 cuốn.
- Tổng số máy tính của trường: Dùng cho hệ thống văn phòng: **80**; Dùng cho sinh viên học tập: **120**

5.2. Tài chính

Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 03 năm gần đây:

+ Năm 2020: 39.352.671.171 đồng.

+ Năm 2021: 26.717.000.000 đồng.

+ Năm 2022: 39.443.910.000 đồng

- Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 3 năm gần đây:

+ Năm 2020: 3.881.200.000 đồng.

+ Năm 2021: 3.301.660.000 đồng.

+ Năm 2022: 4.100.000.000 đồng

PHẦN II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẬU GIANG

1. Đặt vấn đề

Hiện nay với xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội phát triển kinh tế - xã hội cho tất cả các nước nói chung, trong đó có Việt Nam nói riêng.

Ở nước ta hiện nay Đảng và Nhà nước chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

Hậu Giang là tỉnh ở trung tâm châu thổ sông Mê Kông, thành phố tỉnh lỵ Vị Thanh cách thành phố Hồ Chí Minh 240km về phía Tây Nam theo các tuyến quốc lộ, thủy lộ quốc gia; cách thành phố Cần Thơ 60km theo quốc lộ 61 và chỉ cách 40km theo đường nối thành phố Vị Thanh – Thành phố Cần Thơ với qui mô 4 làn xe cơ giới bê tông nhựa.

Xác định vị trí địa lý của Hậu Giang là trung tâm tiểu vùng Tây Sông Hậu, cửa ngõ của Bắc bán đảo Cà Mau, có lợi thế đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp, nhiều vị lãnh đạo cơ quan Trung ương đến thăm, khảo sát thực tế và đã khẳng định vai trò, vị trí kinh tế của tỉnh mới Hậu Giang đối với khu vực châu thổ sông Mê Kông, đồng thời hoạch định chiến lược phát triển tương lai nhằm vực dậy kinh tế vùng đất Tây sông Hậu.

Dựa vào thế tiền sông, hậu lộ của hệ thống giao thông thủy sông Hậu, cầu Cần Thơ và các trục lộ chính đi qua, tỉnh Hậu Giang đã xây dựng Khu đô thị Công nghiệp sông Hậu quy mô diện tích 3.275 ha; Cụm công nghiệp Tân Phú Thạnh quy mô diện tích 201 ha; Cụm công nghiệp Vị Thanh quy mô diện tích 53 ha; Cụm công nghiệp Ngã Bảy quy mô diện tích 25 ha. Hiện các Khu – Cụm công nghiệp trên địa bàn đã thu hút nhiều nhà đầu tư đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước lấp kín địa bàn.

Từ đó đòi hỏi Tỉnh phải có nguồn nhân lực lớn, có tay nghề để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà. Vì vậy trong những năm tới cần phấn đấu tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề hàng năm; giảm tỷ lệ lao động trong nông nghiệp...

Từ tình hình thực tế và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà, Nhà trường phải nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, nhu cầu xã hội và người học.

Như chúng ta biết, tự kiểm định là quá trình trường tự xem xét, nghiên cứu trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác làm cơ sở để trường tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn đã quy định.

Tự kiểm định (TKĐ) không chỉ tạo cơ sở cho đánh giá ngoài mà là cơ sở nhằm tìm ra được những ưu điểm, những mặt còn tồn tại, thực trạng nhà trường và đề ra được các kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của nhà trường trong từng giai đoạn cụ thể.

Đối với trường Cao đẳng Cộng đồng (CĐCĐ) Hậu Giang, ngay từ những năm đầu thành lập, nhà trường luôn xác định chất lượng đào tạo là yếu tố căn bản và quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Do đó vào các năm 2009 và năm 2012 nhà trường đã hai lần thực hiện tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 nhà trường tiếp tục thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp để đánh giá toàn diện các hoạt động của nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng cho phù hợp với bộ tiêu chuẩn do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.

Thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp năm 2022. Đây là dịp Nhà trường tiếp tục tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất. Từ kết quả tự đánh giá và đánh giá bên ngoài, lãnh đạo các cấp trong Nhà trường sẽ nhận thức đầy đủ hơn và khách quan hơn về mức độ chất lượng các hoạt động đạt được, cũng như các tồn tại để xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp thời gian tới.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

2.1.1. Quy trình tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá theo quy trình được quy định tại Mục 2 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2.1.2. Tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2.1.3. Hướng dẫn đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

2.2. Mục đích tự đánh giá

- Nhằm xác định mức độ đạt của trường theo bộ tiêu chí đánh giá.
- Xây dựng kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.
- Nâng cao nhận thức của viên chức, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

nghề nghiệp của nhà trường theo các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì các tiêu chí, tiêu chuẩn đạt được, đưa ra các giải pháp, kế hoạch khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, từ đó tạo điều kiện cho chất lượng giáo dục nghề nghiệp tại nhà trường ngày càng hoàn thiện và bền vững.

- Giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường.

- Làm cơ sở cho người học lựa chọn trường và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Quá trình thực hiện tự đánh giá phải thực hiện đúng quy trình, đảm bảo tính khoa học và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường

- Đánh giá trung thực, khách quan hiện trạng của nhà trường theo nội dung bộ tiêu chí.

- Báo cáo kết quả tự đánh giá theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai rộng rãi trong toàn trường.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Sử dụng phương pháp thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng.

3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.

4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

Mẫu 3.1. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt chuẩn chất lượng
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định	1	1
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	16
	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết		
	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết	1	1
	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định	1	0
	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả	1	1
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	15
	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo		
	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo	1	1
	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ	1	1
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15	12
	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề	1	0

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định		
	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học	1	0
	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	0
	Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định	1	1
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	15
	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định		
	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường	1	1
	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng	1	1
	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in	1	1
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học	1	1
	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo	1	1
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	5
	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng)	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường	1	1
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường	1	1
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9	9
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	1	1
	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường	1	1
	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp	1	1
	Tiêu chuẩn 9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng	1	1
9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động	1	1
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động	1	1
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường	1	1
	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định	1	1
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có	1	1
	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp	1	1

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

1. Mở đầu:

Trường cao đẳng cộng đồng Hậu Giang là trường cao đẳng công lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có hoạt động giáo dục và đào tạo đa cấp, đa ngành với chương

trình và kế hoạch đào tạo mềm dẻo phục vụ nhu cầu học tập đa dạng của cộng đồng, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương.

Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý theo đúng quy định Điều lệ trường cao đẳng; hoạt động tuân thủ nghiêm túc trên cơ sở mục tiêu, sứ mạng nhà trường đề ra và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Phân công, phân cấp đúng chức năng, nhiệm vụ rõ ràng cho các cá nhân, đơn vị được cụ thể hóa trong: “Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐCD Hậu Giang”. Tất cả viên chức quản lý đều thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ được giao. Tổ chức đoàn thể thực hiện và phát huy đầy đủ, có tác dụng, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển của nhà trường.

2. Những điểm mạnh:

Hàng năm, nhà trường thường xuyên rà soát, sắp xếp lại các vị trí việc làm cho phù hợp tình hình thực tế; điều chuyển giáo viên dạy thiếu giờ về làm việc hành chính tại các phòng chức năng.

Trường bổ nhiệm đầy đủ viên chức quản lý các phòng, khoa chức năng ổn định đi vào hoạt động. Thành lập đầy đủ các Hội đồng tư vấn, Hội đồng trường theo quy định. Sắp xếp, phân công đội ngũ đúng chuyên môn, nghiệp vụ. Ban hành mới, rà soát, bổ sung, sửa đổi đầy đủ, kịp thời các Quy chế, quy định để quản lý mọi hoạt động nhà trường theo đúng chức năng nhiệm vụ. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách có liên quan đến viên chức và người Lao động.

Năm 2021 Trường CĐCD Hậu Giang đã ban hành quyết định số 490/QĐ-CĐCD, ngày 11 tháng 10 năm 2021 của trường CĐCD Hậu Giang về Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện rà soát vị trí việc làm, sắp xếp tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy phòng, khoa chức năng thuộc trường CĐCD Hậu Giang.

Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ được giao đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong các Quy chế, Quy định của nhà trường ban hành; làm căn cứ pháp lý trong quản lý, điều hành, kiểm tra và xử phạt khi vi phạm.

Thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung, điều chỉnh các quy chế, quy định và cơ cấu tổ chức nhà trường theo hoạt động thực tế.

Phát huy được sức mạnh của tập thể trong kiểm tra, giám sát, thực hiện tập trung dân chủ, công khai, minh bạch các hoạt động của nhà trường trên trang Webs của nhà trường.

Lưu trữ đầy đủ các minh chứng làm cơ sở trong đánh giá, kiểm định chất lượng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế nhất định; sẽ được nhà trường rà soát, điều chỉnh, khắc phục và kiện toàn trong thời gian tới. Bên cạnh đó nhà trường sẽ thường xuyên cải tiến phương thức hoạt động để phát huy được nguồn nhân lực hiện có và để nhà trường ngày càng phát triển.

3. Những tồn tại:

Tổ chức lấy kiến của viên chức của viên chức và người Lao động phòng, khoa chức năng về các lĩnh vực bằng văn bản chưa đầy đủ, chưa kịp thời.

Các Hội đồng hoạt động hiệu quả chưa cao.

Việc thực hiện tuyển sinh hằng năm chưa đạt chỉ tiêu được giao.

Chưa tổ chức lấy ý kiến các đồng chí Trưởng phòng, khoa chức năng và giảng viên về hoạt động của nhà trường bằng văn bản.

Đội ngũ nhà giáo thừa, thiếu cục bộ.

Công tác thanh tra, pháp chế hoạt động chưa đi vào chiều sâu. Chưa rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Các cán bộ chủ chốt của trường chưa được đào tạo qua lớp kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Hàng năm, tổ chức lấy ý kiến của viên chức và người Lao động về các lĩnh vực bằng văn bản kịp thời, đầy đủ như hướng dẫn.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nhà trường theo quy định.

Tiến hành rà soát lại vị trí việc làm để có sự phân công đúng chuyên môn, nghiệp vụ cho từng CBVC; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, thỉnh giảng đảm bảo hoạt động của nhà trường.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, pháp chế trong nhà trường.

Củng cố, kiện toàn lại cơ cấu, tổ chức bộ máy cho phù hợp với từng giai đoạn hoạt động thực tế.

Điều chỉnh và triển khai thực hiện các quy trình của phòng, kế hoạch xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường

Có kế hoạch cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo kiểm định viên chất lượng giáo dục và giáo dục nghề nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	12
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm triển khai tốt văn bản chỉ đạo của Trung ương và Chương trình của Tỉnh ủy Hậu Giang đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp UBND tỉnh xây dựng Đề án sáp nhập và báo cáo hiệu quả đề án sau sáp nhập [1.1.01]; được Bộ LĐTB&XH thống nhất sáp nhập 02 Trường Trung cấp vào Trường CĐCD Hậu Giang [1.1.02]; Trên cơ sở Thông tư 47/2016/TT- BLĐTBXH ngày 28/12/2016 quy định về điều lệ trường cao đẳng, Trường đã xây dựng Quy chế tổ chức hoạt động của Trường [1.1.03]; trên cơ sở phát triển nguồn nhân lực của địa phương Trường được giao đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển tỉnh nhà [1.1.04]; được Tổng cục GDNN cấp phép hoạt động dạy nghề theo đúng quy định của cấp trên [1.1.05]; Trường xây dựng mục tiêu sứ mạng phù hợp với chức năng nhiệm vụ và được đăng trên website của trường [1.1.06].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Quyết định số 2068/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2011-2020 xác định mục tiêu tổng quát phát triển nhân lực: Đảm bảo yêu cầu phát triển nhân lực, thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng theo chuẩn quốc gia và từng bước tiến tới chuẩn khu vực (quốc tế); Xây dựng nguồn lực đã qua đào tạo và bồi dưỡng nhân tài trọng tâm và định hướng phát triển chiến lược của công tác đào tạo phát triển nhân lực. Đồng thời, phương hướng phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020 xác định giai đoạn 2016 – 2020 đào tạo lao động hệ dạy nghề: khoảng 70.243 người (trong đó: dạy nghề dưới 3 tháng và sơ cấp nghề là 64.350 người, đào tạo trung cấp nghề là 5.303 người, đào tạo cao đẳng nghề là 590 người) [1.1.04].

Trong 11 chỉ tiêu chủ yếu Chương trình Thực hiện chính sách an sinh, phúc lợi xã hội; giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang có 02 chỉ tiêu liên quan đến việc làm và đào tạo nghề: (1) Tạo việc làm trong 5 năm cho 75.000 lao động (bình quân mỗi năm 15.000 lao động. Trong đó, có 250 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động. (2) Đào tạo nghề cho 33.488 lao động (trong đó, Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề là 3.488 lao động; dạy nghề cho lao động nông thôn là 30.000 lao động) [1.1.05].

Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang đã đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, tạo nhiều điều kiện cho người học, góp phần đào tạo nguồn nhân lực thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trường đáp ứng đủ về cơ sở vật chất và đội ngũ nhà giáo đối với từng ngành nghề đào tạo. Nên các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN năm 2022 [1.1.06].

Nhằm đáp ứng nhu cầu người học và nhu cầu sử dụng lao động ở các ngành nghề, nhà trường căn cứ vào kết quả nhu cầu lao động của địa phương để đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022 [1.2.01], [1.2.02], [1.2.03], [1.2.04], [1.2.05], [1.2.06].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Bộ LĐTB&XH thống nhất sáp nhập 02 Trường Trung cấp vào Trường CĐCD Hậu Giang [1.1.02]; Trên cơ sở Thông tư 47/2016/TT- BLĐTBXH ngày 28/12/2016 quy định về điều lệ trường cao đẳng, Trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [1.1.03]; Bộ máy tổ chức của Trường gồm 18 các phòng, khoa chức năng các đơn vị thuộc Trường để quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong Trường theo quy định [1.3.01].

Công tác quản lý của trường thực hiện theo chế độ thủ trưởng và dựa vào qui chế dân chủ cơ sở, đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm một phần theo quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm [1.3.02].

Trên cơ sở đó, nhà trường đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền lợi và chế độ chính sách cho viên chức và người lao động của trường như: Quy chế Thi đua - Khen thưởng [1.3.03]; chế độ làm việc của nhà giáo [1.3.04]; quy chế đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động [1.3.05]; quy định về hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị cho viên chức người lao động [1.3.06]; quy chế nâng bậc lương đối với viên chức [1.3.07]; quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra trường [1.3.08]; quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động trường [1.3.09]; quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học [1.3.10].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện, điều chỉnh (nếu) cần thiết.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế, hằng năm Trường rà soát các văn bản quản lý của trường khi có thay đổi nhân sự, bổ sung, thay thế để ban hành bổ sung kịp thời, đảm bảo phù hợp, đúng với chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ.

Đầu tháng 3 năm 2020 Bộ Lao động Thương binh Xã hội có Quyết định số 281/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.

Trường ban hành các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường, trên cơ sở đó trường thực hiện công tác rà soát và thực hiện điều chỉnh, đúng quy trình như Quy định về việc rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý [1.4.01], kế hoạch tổ chức rà soát các văn bản, quy định và quy chế của trường [1.4.02], biên bản rà soát các văn bản, quy định và quy chế của trường [1.4.03], báo cáo kết quả rà soát các văn bản, quy định và quy chế của trường [1.4.04]; qua đó, các văn bản được điều chỉnh, sửa đổi bổ sung theo kết quả rà soát [1.4.05].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ phận các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Các phòng, khoa, bộ phận các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường theo đúng quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang [1.1.03]; Trường tổ chức đào tạo các ngành nghề theo giấy phép đăng ký hoạt động GDNN do Tổng cục GDNN cấp [1.1.05].

Trên cơ sở báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của các đơn vị trực thuộc trường [1.5.01], nhà trường báo cáo về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường tạo được sự phối hợp nhịp nhàng trong công việc giữa các phòng, khoa chức năng với nhau và phát triển theo định hướng của Trường [1.5.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Sau khi Hội đồng trường được thành lập [1.6.01], Hội đồng trường đã xây dựng quy chế hoạt động [1.6.02], bên cạnh đó, còn có các Hội đồng tư vấn khác để giúp Trường hoạt động tốt như: Hội đồng tuyển sinh, Ban tư vấn tuyển sinh [1.6.03].

Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của nhà trường [1.5.01]; Với sự lãnh đạo của Ban Giám hiệu và sự nỗ lực của tập thể viên chức nhà trường đã đạt thành tích thi đua xuất sắc năm học 2021 - 2022:

- Kết quả xét thi đua - khen thưởng năm học 2021 - 2022.

+ Danh hiệu Lao động tiên tiến: **189/200** cá nhân. (Có **11** cá nhân không đủ điều kiện xét).

+ Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: **25** cá nhân.

+ Giấy khen cấp trường: **08** tập thể và **56** cá nhân.

+ Danh hiệu Lao động tập thể tiên tiến: **18** tập thể.

*** Trình cấp trên xem xét khen thưởng, kết quả:**

+ Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc: **08** tập thể.

+ Bằng khen của UBND tỉnh: **04** tập thể và **04** cá nhân [1.6.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có thành lập phòng Khảo thí-kiểm định chất lượng thực hiện chức năng, nhiệm vụ về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng của trường [1.7.01]. Công tác báo cáo tổng kết công tác hàng năm của các phòng, khoa, bộ môn, các đơn vị trực thuộc trường và của toàn trường được thực hiện hàng năm [1.5.01], [1.5.02].

Năm 2022, nhà trường đã ban hành kế hoạch và tiến hành kiểm tra các quy trình đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội [1.7.02],

[1.7.03], [1.7.04]. Đã tiến hành kiểm và có báo cáo đầy đủ [1.7.05]. Trường đã có quyết định ban hành Chính sách chất lượng; Mục tiêu chất lượng; Sổ tay chất lượng và Hệ thống các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng của trường CĐCD Hậu Giang [1.7.06], [1.7.07], [1.7.08].

Trường đã xây dựng và ban hành Hệ thống Quy trình bảo đảm chất lượng [1.7.10], có quy định về việc sử dụng Quy trình, Công cụ bảo đảm chất lượng [1.7.11], ban hành Quy chế quản lý, vận hành Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng của Trường [1.7.12], [1.7.13].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thực hiện chức năng đánh giá bảo đảm chất lượng (BDCL) trong nhà trường theo quy định của Điều lệ trường Cao đẳng; Phòng Khảo thí - KĐCL được thành lập nhằm chuyên trách công tác khảo thí - KĐCL của trường [1.7.01]. Chức năng và nhiệm vụ của phòng Khảo thí - KĐCL được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường [1.1.02].

Hằng năm, phòng Khảo thí - KĐCL đều báo cáo tổng kết hoạt động, trong đó có báo cáo về công tác kiểm định chất lượng [1.5.01] và báo cáo tổng kết công tác của trường cũng đều được thực hiện hàng năm [1.5.02].

Hằng năm, Phòng Khảo thí - KĐCL luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và được tặng thưởng nhiều danh hiệu thi đua như: Tập thể lao động xuất sắc, bằng khen của UBND tỉnh Hậu Giang [1.8.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng Điều lệ và theo quy định của Hiến Pháp và Pháp luật

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đảng ủy Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang là tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Hậu Giang, Đảng bộ hiện tại có 09 Chi ủy chi bộ trực thuộc, với 151 đảng viên (trong đó, nữ 71 đồng chí; dự bị 0 đồng chí); Ủy viên BCH Đảng bộ 11 đồng chí; Cấp ủy chi bộ trực thuộc Đảng bộ 39 đồng chí.

Đảng ủy Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang được chuẩn y theo Quyết định số 4291-QĐ/ĐUK ngày 06/7/2015 của Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh Hậu Giang và Quyết định số 424-QĐ/ĐUK ngày 04/6/2020 của Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Hậu Giang [1.9.01]

Chuẩn y kết quả bầu cử 9 cấp ủy chi bộ lần thứ I, nhiệm kỳ 2022 - 2025 trực thuộc Đảng bộ Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang [1.9.02]

Hằng năm, Cấp ủy phối hợp với lãnh đạo cơ quan, đơn vị đề ra Nghị quyết/Chương trình công tác năm sao cho phù hợp với cơ quan, đơn vị để lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các mặt hoạt động chuyên môn, chính trị của nhà trường [1.9.03], [1.9.04]

Đảng ủy Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang thường xuyên, định kỳ tổ chức báo cáo tổng kết năm để đánh giá những mặt làm được, những mặt chưa làm được nhằm có biện pháp điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển của nhà trường [1.9.05], [1.9.06], [1.9.07], [1.9.08] và kết quả hoạt động của Đảng bộ [1.9.09], [1.9.10], [1.9.11], [1.9.12]

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang là tổ chức trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh Hậu Giang, Công đoàn hiện tại có 09 Tổ Công đoàn.

Hàng năm Công đoàn trường căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của trường theo Quyết định số 158/QĐ-CĐCĐ ngày 14/4/2017; Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 14/01/2021; Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 06/01/2022 để đề ra quy chế hoạt động của Công đoàn cơ sở [1.10.02]

Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang được chuẩn y theo Quyết định số 353/QĐ-LĐLĐ ngày 09/10/2017 của Chủ tịch LĐLĐ tỉnh Hậu Giang v/v chuẩn y BCH, BTV, CT, PCT, UBKT CĐCS trường CĐCĐ Hậu Giang lần thứ IV, nhiệm kỳ 2017-2022 [1.10.01]

Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang được chuẩn y bầu bổ sung ủy viên BCH Công đoàn theo Quyết định số 486/QĐ-LĐLĐ ngày 03/3/2020 của Chủ tịch LĐLĐ tỉnh Hậu Giang v/v công nhận kết quả bầu bổ sung UVBCH CĐCS trường CĐCĐ Hậu Giang lần thứ IV, nhiệm kỳ 2017-2022 [1.10.02]

Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-CĐ ngày 04/3/2019 của BCH Công đoàn trường CĐCĐ Hậu Giang v/v kiện toàn Ban Nữ công quản chúng CĐCS trường CĐCĐ Hậu Giang [1.10.03]

Hàng năm Ban Chấp hành Công đoàn đã đề ra Kế hoạch hoạt động theo hướng dẫn của Liên đoàn Lao động tỉnh và tình hình thực tế của trường. [1.10.05].

Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang hàng năm đều có báo cáo tổng kết năm để đánh giá những mặt làm được, những mặt chưa làm được nhằm có biện pháp điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường [1.10.08].

Hàng năm Công đoàn trường đều được Liên đoàn Lao động tỉnh Hậu Giang khen thưởng cho tập thể và cá nhân [1.10.10].

Các hoạt động nổi bật của Đoàn thanh niên là công tác tình nguyện tại các địa phương trên địa bàn tỉnh, công tác này được đoàn trường quan tâm thường xuyên định kỳ; Các quyết định công nhận BCH Đoàn trường theo nhiệm kỳ [1.10.04].

Hàng năm Đoàn Trường đều ban hành chương trình hoạt động cụ thể, các kế hoạch và báo cáo của một số hoạt động tiêu biểu đều được thực hiện nghiêm túc [1.10.06].

Sau mỗi kỳ đại hội, Đoàn trường đều ban hành quy chế hoạt động và thực hiện phân công nhiệm vụ theo từng vị trí cụ thể [1.10.07].

Hàng năm đoàn trường đều có báo cáo tổng kết công tác Đoàn nhằm đánh giá chất lượng các phong trào và khắc phục những hạn chế cho các hoạt động năm tiếp theo [1.10.09].

Kết quả thi đua hàng năm đoàn trường đều đạt danh hiệu xuất sắc và nhiều khen thưởng khác [1.10.11].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định; có thành lập hệ thống thanh tra, pháp chế như: Thanh tra nhân dân hoạt động trực thuộc công đoàn trường; Bộ phận Thanh tra, pháp chế thuộc Phòng Tổ chức - Hành chính, thành lập Đoàn kiểm tra giám sát các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo [1.11.01]; ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra trường [1.11.02].

Năm 2022, Bộ phận Thanh tra pháp chế có thực hiện **01** cuộc kiểm tra, giá sát nội bộ của trường về hoạt động tuyển sinh và quy trình cấp xét học bổng của trường [1.11.03]; chưa tổ chức Thanh tra hết các lĩnh vực trong nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ quy định. Hàng năm, rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát; có đầy đủ biên bản về kiểm tra, giám sát nội bộ [1.11.04] và báo cáo đầy đủ kết quả về Ban Giám hiệu trường [1.11.05].

Phối hợp phòng Khảo thí - Kiểm định chất lượng kiểm tra, giám sát các Hội đồng thi Học kỳ các lớp trung cấp và cao đẳng hệ chính quy của trường. Khi tổ chức thanh tra đều ghi đầy đủ biên bản khi làm việc và báo cáo kết quả lại cho tập thể nhà Trường.

Triển khai đến **43** người phải kê khai minh bạch tài sản năm 2021 (đối tượng là BGH và lãnh đạo phòng, khoa chức năng). Đã niêm yết công khai và Báo cáo về Thanh tra tỉnh Hậu Giang đúng quy định [1.11.06].

Có quyết định thành lập Ban thanh tra nhân dân và quy chế hoạt động nhiệm kỳ 2021-2023 [1.11.07]; Ban thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm theo đúng quy định [1.11.08].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác quản lý của trường thực hiện theo chế độ thủ trưởng và dựa vào qui chế dân chủ cơ sở, đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm một phần theo quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm [1.3.02].

Trường có đầy đủ các văn bản thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng như: Quy chế Thi đua - Khen thưởng [1.3.03], Ban hành quy định về việc hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và lý

luận chính trị cho viên chức người lao động [1.3.06], quy chế nâng bậc lương trước thời hạn [1.3.07], báo cáo đầy đủ việc thực hiện chế độ chính sách cho viên chức và người lao động của Trường [1.12.01]; các chế độ ưu đãi như phụ cấp thâm niên, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp nặng nhọc, độc hại [1.12.02]; ban hành và thực hiện kế hoạch và kết quả công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ [1.12.03]; kế hoạch hoạt động của công đoàn [1.12.04]; báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện nhiệm vụ của năm trước và phương hướng nhiệm vụ năm sau [1.12.05].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu

Tự kiểm định là một khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng trường Đại học, Cao đẳng nói chung và Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang nói riêng. Để đạt được mục tiêu trong chiến lược phát triển, trường cần nhiều yếu tố khác nhau, trong đó hoạt động đào tạo cũng là một trong những yếu tố đóng vai trò thiết yếu, góp phần phát triển nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo của trường. Hiện nay, các hoạt động đào tạo của trường phát huy tính tích cực của sinh viên, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo toàn diện, các hoạt động đào tạo của trường được tổ chức đa ngành, đa lĩnh vực theo các phương thức và bậc học đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, sinh viên và thị trường lao động. Phương pháp giảng dạy của các giáo viên, giảng viên ngày càng được đa dạng, tiếp cận được với các phương pháp giảng dạy tiên tiến, phù hợp.

Trong quá trình tìm hiểu trường theo từng giai đoạn, qui trình phát triển, bên cạnh những điểm mạnh chủ lực, trường còn có những tồn tại cần được cải tiến, khắc phục theo từng yêu cầu của mỗi tiêu chí trong hoạt động đào tạo cũng như có định hướng cho việc đề ra các kế hoạch hành động.

*** Những điểm mạnh**

Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang đã đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, tạo nhiều điều kiện cho người học, góp phần đào tạo nguồn nhân lực thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trường đã áp dụng các quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu đối với từng ngành nghề đào tạo. Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan. Trường đã có hướng dẫn riêng về công tác tuyển sinh, cụ thể hóa quy định tuyển sinh tại Thông tư. Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng học kỳ, môn học phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định. Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt. Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành (nếu có). Phương pháp đào tạo được

thực hiện kết hợp rèn luyện và năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Bên cạnh đó, trường cũng đã tích cực triển khai ý kiến chỉ đạo của cấp trên về thực hiện đổi mới phương pháp và quy trình đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo tính công bằng khách quan và sự phù hợp trong kiểm tra đánh giá, đáp ứng mục tiêu đào tạo từng học phần, môn học đồng thời tăng khả năng tự học, làm chủ quá trình học tập của sinh viên. Có hệ thống sổ sách và cơ sở dữ liệu giúp lưu giữ kết quả học tập của người học rõ hơn, đầy đủ, chính xác và an toàn.

*** Những tồn tại**

Cơ sở vật chất, trang thiết bị nhìn chung chưa đủ đáp ứng cho tất cả giảng viên, giáo viên khi cần thiết áp dụng phương pháp giảng dạy mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Công tác kiểm tra, giám sát nhà giáo việc thực hiện quy chế đào tạo, quy định về thực hiện hồ sơ, sổ sách; công tác dự giờ, thao giảng chưa thực hiện thường xuyên.

*** Kế hoạch**

Tăng cường đầu tư trang thiết bị đáp ứng cho tất cả giảng viên, giáo viên khi cần thiết áp dụng phương pháp giảng dạy mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát nhà giáo việc thực hiện quy chế đào tạo, quy định về thực hiện hồ sơ, sổ sách; các Khoa chủ động thực hiện dự giờ, thao giảng.

Trường sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý đào tạo, đảm bảo thuận lợi cho việc quản lý, truy cập, thông báo và tổng hợp báo cáo. Cập nhật thường xuyên tình hình học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp để kịp thời điều chỉnh, đa dạng hóa loại hình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương.

Tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về hiệu quả của các phương pháp giảng dạy qua phiếu điều tra.

Thiết lập kênh liên lạc với học sinh, sinh viên ra trường hiệu quả hơn cho việc điều tra thông kê có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo vào thời gian thích hợp. Trong một chu kỳ kiểm định, trường sẽ lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, doanh nghiệp một lần về các mặt, trong đó có cả việc đánh giá chất lượng học sinh, sinh viên, trong công việc thực tế. Trên cơ sở đó, nhà trường sẽ tiến hành điều chỉnh lại nội dung chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, ngành nghề đào tạo để tăng số lượng học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm ngay và phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 2:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	16
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1
Tiêu chuẩn 16	0
Tiêu chuẩn 17	1

Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Tính đến năm học 2022 - 2023, Trường có tổng cộng 23 ngành đào tạo (gồm 09 ngành đào tạo ở trình độ Cao đẳng; 14 ngành đào tạo trình độ Trung cấp). Cụ thể như sau:

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/ngề	Trình độ đào tạo
I/ Trình độ đào tạo Cao đẳng gồm 09 ngành, nghề			
1	Tiếng Anh	6220206	Cao đẳng
2	Kế toán	6340301	Cao đẳng
3	Tin học ứng dụng	6480205	Cao đẳng
4	Dịch vụ thú y	6640201	Cao đẳng
5	Dược	6720201	Cao đẳng
6	Điều dưỡng	6720301	Cao đẳng
7	Công nghệ ô tô	6510216	Cao đẳng
8	Điện Công nghiệp	6520227	Cao đẳng
9	Kỹ thuật xây dựng	6580201	Cao đẳng
II/ Đào tạo trình độ Trung cấp gồm 14 ngành, nghề			
1	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Trung cấp
2	Thiết kế và quản lý Website	5480215	Trung cấp
3	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	Trung cấp
4	Quản trị mạng máy tính	5480209	Trung cấp
5	Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm	5540108	Trung cấp
6	May thời trang	5540205	Trung cấp
7	Thú y	5640101	Trung cấp
8	Điều dưỡng	6720301	Trung cấp
9	Công nghệ ô tô	5510216	Trung cấp

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/ngành	Trình độ đào tạo
10	Cắt gọt kim loại	5520121	Trung cấp
11	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	Trung cấp
12	Điện Công nghiệp	5520227	Trung cấp
13	Kỹ thuật xây dựng	5580201	Trung cấp
14	Quản lý đất đai	5850102	Trung cấp

Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN [1.1.06]; Có đầy đủ và cụ thể danh mục các ngành, nghề đào tạo của trường được cấp phép, 100% chương trình đào tạo đã có quyết định ban hành đáp ứng yêu cầu về chuẩn đầu ra [2.1.01], [2.1.02], [2.1.03]

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, trường đều có kế hoạch cập nhật, bổ sung các quy định mới về công tác tuyển sinh vào quy chế tuyển sinh của nhà trường. Nhằm kịp thời phục vụ cho công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt, với phương châm: “Tạo điều kiện thuận lợi nhất, cơ hội học tập tốt nhất cho mọi người học theo đúng quy định của pháp luật”.

Phòng Quản lý đào tạo thường xuyên theo dõi, cập nhật các thông tư, văn bản hướng dẫn và các quy định mới của các cơ quan có thẩm quyền các cấp về các hoạt động liên quan đến công tác tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp. Kịp thời tham mưu lên lãnh đạo nhà trường tiến hành điều chỉnh, bổ sung và ban hành quy chế tuyển sinh hàng năm theo quy định.

Trên cơ sở Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/03/2017 của Bộ LĐTBXH quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng, Thông tư 07/2019/TT-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/03/2017 của Bộ LĐTBXH quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng; Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 Thông tư Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng và Quy chế tuyển sinh năm 2022. Quy chế này áp dụng kể từ mùa tuyển sinh các ngành cao đẳng và trung cấp hệ chính quy năm học 2022-2023 [2.2.01]. Năm 2022 nhà trường ban hành Quy chế đào tạo thường xuyên năm 2022, từ đó có phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh đào tạo các lớp May thời trang [2.2.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Trường lập bản đăng ký chỉ tiêu đào tạo của Trường [2.3.01] và được Quyết định của Sở lao động thương binh và xã hội về việc phê duyệt Kế hoạch đăng ký chỉ tiêu đào tạo năm 2022 [2.3.02], Quyết định của Hiệu trưởng về xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022 [2.3.03], từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh [2.3.04], thông báo

tuyển sinh và các tờ rơi, tài liệu tuyên truyền năm 2022 [2.3.05], thành lập Hội đồng tuyển sinh [2.3.06], Quyết định thành lập Ban tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp [2.3.07], Quyết định thành lập Ban thư ký tuyển sinh [2.3.08]. Công tác tuyển sinh được thực hiện theo đúng quy định đảm bảo nghiêm túc, công bằng và khách quan ở tất cả các bước từ nhận hồ sơ tuyển sinh, lập danh sách người đăng ký học [2.3.09], [2.3.10], Biên bản họp xét tuyển của Ban thư ký và Hội đồng tuyển sinh năm 2022 [2.3.11], Quyết định trúng tuyển các đợt tuyển sinh năm 2022 [2.3.12], danh sách HSSV trúng tuyển năm 2022 [2.3.13], các quyết định thành lập lớp kèm danh sách năm 2022 [2.3.14], Kế hoạch thanh kiểm tra công tác tuyển sinh của nhà trường năm 2022 [2.3.15], biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh của nhà trường năm 2022 [2.3.16], Báo cáo kết quả thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2022 [2.3.17], Kế hoạch về tổ chức Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh năm 2022 [2.3.18], Báo cáo và kết luận Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh năm 2022 [2.3.19], Báo cáo định kỳ hàng quý về tuyển sinh gửi cơ quan chủ quản, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hậu Giang năm 2022 [2.3.20].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp [1.1.06] và ban hành quy chế đào tạo trình độ Sơ cấp và đào tạo thường xuyên năm 2022 [2.2.02]. Quyết định ban hành Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy các ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp [2.4.01]. Đề đáp ứng nhu cầu học tập của người học và đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh, trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang đã ra Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung [2.4.02]. Kế hoạch đào tạo năm học 2021 - 2022 [2.4.03]. Tiến độ đào tạo năm học 2021 - 2022 [2.4.04]. Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2021 - 2022 [2.4.05]. TKB các lớp năm học 2021 - 2022 [2.4.06]. Sổ lên lớp các lớp năm học 2021 - 2022 [2.4.07]. Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2021 - 2022 [2.4.08]. Danh sách điểm kết thúc học phần của các lớp năm học 2021 - 2022 [2.4.09]. Danh sách người học và phương thức tổ chức đào tạo của trường: ngành/ngành, trình độ, số lượng tuyển sinh năm học 2021 - 2022 [2.4.10]. Quyết định ban hành quy định hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp [2.4.11].

Trường tổ chức đào tạo theo 02 phương thức: đào tạo theo niên chế và đào tạo theo tích lũy tín chỉ.

Hầu hết người học tham gia học tập tại trường là các em học sinh vừa mới tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học cơ sở hoặc những người đã có việc làm ổn định có nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp để đáp ứng theo yêu cầu thực tiễn công việc và sản xuất.

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/ngành	Phương thức đào tạo
I/ Trình độ đào tạo Cao đẳng gồm 09 ngành, nghề			
1	Tiếng Anh	6220206	Tích lũy tín chỉ
2	Kế toán	6340301	Tích lũy tín chỉ

3	Tin học ứng dụng	6480205	Tích lũy tín chỉ
4	Dịch vụ thú y	5640201	Tích lũy tín chỉ
5	Dược	6720201	Tích lũy tín chỉ
6	Điều dưỡng	6720301	Tích lũy tín chỉ
7	Công nghệ ô tô	6510216	Tích lũy tín chỉ
8	Điện Công nghiệp	6520227	Tích lũy tín chỉ
9	Kỹ thuật xây dựng	6580201	Tích lũy tín chỉ
II/ Đào tạo trình độ Trung cấp gồm 14 ngành, nghề			
1	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Tích lũy tín chỉ
2	Thiết kế và quản lý Website	5480215	Tích lũy tín chỉ
3	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	Tích lũy tín chỉ Niên chế
4	Quản trị mạng máy tính	5480209	Tích lũy tín chỉ Niên chế
5	Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm	5540108	Tích lũy tín chỉ Niên chế
6	May thời trang	5540205	Niên chế
7	Thú y	5640101	Tích lũy tín chỉ Niên chế
8	Điều dưỡng	6720301	Tích lũy tín chỉ
9	Công nghệ ô tô	5510216	Tích lũy tín chỉ Niên chế
10	Cắt gọt kim loại	5520121	Tích lũy tín chỉ Niên chế
11	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	Tích lũy tín chỉ Niên chế
12	Điện Công nghiệp	5520227	Tích lũy tín chỉ Niên chế
13	Kỹ thuật xây dựng	5580201	Tích lũy tín chỉ Niên chế
14	Quản lý đất đai	5850102	Tích lũy tín chỉ

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Xác định công tác tuyển sinh và đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Sau khi thực hiện xong nhiệm vụ công tác tuyển sinh và mở lớp trình độ trung cấp, cao đẳng [1.1.06], [2.3.11], [2.3.12], [2.3.14]. Trước khi bắt đầu mỗi khóa học, trường đã xây dựng và phê duyệt tiến độ đào tạo cho từng lớp học của từng ngành/ngành cụ thể thuộc khóa học đó căn cứ theo khung chương trình đào tạo của các ngành/ngành đã ban hành [2.4.02], [2.4.03], [2.4.04].

Căn cứ chương trình đào tạo của từng ngành, nghề và tiến độ đào tạo, các Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể cho các ngành/ngành, xác định rõ nội dung chương trình, khối lượng kiến thức theo từng học kỳ, từng năm học được thể hiện chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo [2.4.05], [2.4.06], [2.4.07], [2.4.08].

Cuối năm có Báo cáo tổng kết hoạt động phòng đào tạo năm học 2021 - 2022 [2.5.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Nhằm đảm bảo kế hoạch đào tạo được thực hiện theo đúng tiến độ, phòng Quản lý đào tạo kết hợp với các Khoa tiến hành xây dựng kế hoạch và phân công nhà giáo phụ trách giảng dạy từng môn học trong từng học kỳ, năm học [2.4.03], [2.4.04], [2.4.05], [2.6.01]. Đối với tất cả các môn học được phân công phụ trách giảng dạy, nhà giáo chuẩn bị đầy đủ tài liệu tham khảo, chương trình môn học và bài giảng phục vụ giảng dạy theo quy định. Các hoạt động trên lớp học của nhà giáo và người học được thể hiện trên các Sổ lên lớp/Sổ đầu bài được phòng Quản lý đào tạo kiểm tra thường xuyên và tổng kết vào cuối mỗi học kỳ theo từng năm học [2.4.06], [2.4.07], [2.4.08], [1.11.03], [1.11.05], [1.11.06], [2.5.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Các hoạt động đào tạo trong nhà trường luôn được thực hiện theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt [2.4.02]. Căn cứ chương trình đào tạo toàn khóa của các ngành/ngành, kết hợp với kế hoạch đào tạo chi tiết của từng học kỳ, năm học, trường luôn chủ động liên hệ và phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động tổ chức các đợt thực hành, thực tập thực tế tại các cơ sở. Trường định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá mức độ phù hợp giữa các hoạt động đào tạo so với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo.

Các hợp đồng đã ký kết: Hợp đồng thực tập tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hậu Giang, Hợp đồng thực tập tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Hậu Giang [2.7.01].

Hàng năm, trường lập kế hoạch và ra quyết định giới thiệu cho nhà giáo, người học đi thực tập thực tế tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất [2.7.02], [2.7.03], [2.7.04], [2.7.05], [2.7.06], [2.7.07],

Trong quá trình thực tập nhà giáo, người học có cơ hội tiếp xúc thực tiễn và tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu. Chính vì thế, kết quả sau mỗi đợt thực hành, thực tập đều đạt yêu cầu và đã được các đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao [2.7.08], [2.7.09], [2.7.10], [2.7.11].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Xuất phát từ nhu cầu của xã hội là cần nguồn nhân lực năng động, chất lượng cao cùng với việc áp dụng phương thức tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, công tác đào tạo của nhà trường là luôn hướng đến việc kết hợp vừa rèn luyện kỹ năng thực hành vừa trang bị kiến thức chuyên môn nhằm phát huy tính tích cực, năng động, tự học, tự nghiên cứu của người học. Qua đó, rèn luyện cho người học khả năng làm việc độc lập và khả năng tổ chức làm việc theo nhóm.

Công tác đào tạo của trường được triển khai thực hiện luôn đảm bảo khối lượng kiến thức và nội dung chương trình có sự kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn, trường đã mạnh dạn đổi mới và đa dạng hóa các phương pháp dạy học như: thuyết trình, báo cáo semina, làm việc theo nhóm, viết tiểu luận, làm bài tập nghiên cứu khoa học, ...

Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức cho sinh viên học tập theo hình thức tham quan thực tế, giảng dạy thực tế tại cơ sở. Tùy theo đặc trưng của từng ngành/nghề, từng môn học và cả năng lực học tập của người học mà nhà giáo áp dụng các phương pháp dạy học phù hợp.

Đa số các môn học đang được giảng dạy trong trường đều có biên soạn chương trình môn học chi tiết, giáo án điện tử phục vụ việc giảng dạy. Trong các buổi học trên lớp, nhà giáo luôn tạo được không khí học tập sinh động, phát huy tính tích cực, tự giác, năng động nhằm rèn luyện cho người học khả năng làm việc độc lập. Trong các buổi thực hành/bài tập, nhà giáo tổ chức lớp học thành từng nhóm và áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm rèn luyện cho người học khả năng tổ chức và làm việc nhóm [2.4.02], [2.4.03], [2.4.04], [2.4.05], [2.4.06], [2.4.07], [2.4.08].

Hàng năm, Trường tổ chức Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường, Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm, Hội thi thiết kế dạy học trực tuyến, cử nhà giáo tham gia Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh. Qua đó, đánh giá nội dung và phương pháp giảng dạy của nhà giáo về việc kết hợp năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học [2.8.01], [2.8.02], [2.8.03], [2.5.01].

Hàng năm, Trường có Kế hoạch kiểm tra, giám sát về hồ sơ, sổ sách, giờ giảng trong năm học và có báo cáo đầy đủ [2.8.04], [2.8.05], [2.8.06].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Lao động-TB&XH về việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác quản lý và giảng dạy nhà trường đã ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT trong hoạt động của đơn vị.

Hiện tại tất cả các Khoa đều có sử dụng phần mềm quản lý của Trường trong việc quản lý quá trình đào tạo như lên điểm, thông tin giảng viên, thi tốt nghiệp, ... tại trang web của trường www.hgcc.edu.vn [2.9.01], [2.9.02], [2.9.03].

Bên cạnh đó, từng khoa chuyên môn còn sử dụng chung phòng máy Vi tính với Khoa Công nghệ (gồm 03 phòng với số lượng trên 60 máy) để sử dụng giảng dạy môn Tin học. Ngoài ra, nhà trường luôn khuyến khích giảng viên của các khoa ứng dụng công nghệ trong giảng dạy cho người học, thiết kế bài giảng điện tử bằng phần mềm PowerPoint, sử dụng các phần mềm chuyên ngành như: phần mềm ứng dụng là HitoSoft; các phần mềm đồ họa như: AutoCad, Sketchup; phần mềm Inventor, Carmin STD, Auto Codes, Cade-Simu, Protues, S7-200 Simulator, Festo Fluidsim,... để thiết kế bài giảng và trong mô phỏng, từ đó giúp người học được tiếp thu bài giảng một cách trực quan. Các giảng viên đều tự trang bị máy tính xách tay và các máy chiếu Projecter dùng chung của Trường để giảng dạy các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo

Đào tạo trực tuyến là một phương thức đào tạo mới trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (GDNN). Tuy nhiên, về cơ bản việc đào tạo trực tuyến đã có những quy định pháp luật thể hiện tại Thông tư số 09/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và Thông tư số 33/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn và nhiều văn bản hướng dẫn khác của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, cụ thể như:

Công văn số 345/TCGDNN-ĐTCQ 21/02/2020 về việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong tuyển sinh, tổ chức đào tạo trong bối cảnh dịch COVID-19;

Công văn số 587/TCGDNN-ĐTCQ 17/3/2020 về việc hướng dẫn ứng dụng CNTT trong tổ chức đào tạo trước bối cảnh dịch bệnh COVID-19;

Công văn số 1301/LĐTBXH-TCGDNN 14/4/2020 V/v hướng dẫn thực hiện quản lý, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá trong đào tạo trực tuyến;

Công văn số 1673/LĐTBXH-TCGDNN 15/5/2020 V/v tiếp tục tổ chức giảng dạy, học tập bằng hình thức trực tuyến;

Công văn số 1819/TCGDNN-ĐTCQ 11/8/2020 V/v tuyển sinh, đào tạo trong tình hình dịch bệnh COVID-19 bùng phát trở lại.

Từ những quy định của tổng cục GDNN trường đã ban hành quy chế đào tạo, học tập, thi trực tuyến [2.9.04], [2.9.05], [1.5.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Nhằm đảm bảo các hoạt động dạy và học trong nhà trường được thực hiện theo đúng kế hoạch và tiến độ đào tạo của các ngành/nghề. Ban Giám hiệu nhà trường đã giao phòng Quản lý đào tạo kết hợp với các Khoa tiến hành kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các hoạt động dạy và học trong trường xuyên suốt từ khi bắt đầu đến khi kết thúc mỗi học kỳ, năm học.

Căn cứ kế hoạch đào tạo chi tiết của các ngành/nghề kết hợp với tình hình thực tế tuyển sinh hằng năm, phòng Quản lý đào tạo kết hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động dạy và học trong nhà trường. Vì thế, các

hoạt động dạy và học trong nhà trường luôn được tổ chức thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định và đúng với kế hoạch, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt [1.11.01], [1.11.02], [1.11.03], [1.11.04], [1.11.05], [1.11.06], [2.8.04], [2.8.05], [2.8.06].

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học phản ánh trung thực về tình hình thực hiện các quy định, chủ trương của nhà trường về công tác đào tạo. Chính vì thế, phòng Quản lý đào tạo rất quan tâm trong quá trình thực hiện, luôn sẵn sàng báo cáo đột xuất về tình hình dạy và học khi lãnh đạo nhà trường yêu cầu hoặc báo cáo định kỳ vào cuối mỗi năm.

Tuy chưa xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát cụ thể cho từng năm học nhưng công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học vẫn được thực hiện thường xuyên, phòng Quản lý đào tạo tiến hành kiểm tra, giám sát các hoạt động như: giờ giấc lên lớp, thời lượng giảng dạy, số đầu bài/số lên lớp và tiến độ giảng dạy; các Khoa phụ trách kiểm tra, giám sát về chuyên môn như: tác phong sư phạm của nhà giáo, nội dung giảng dạy, chương trình môn học, tài liệu tham khảo; phòng Quản lý HSSV phụ trách kiểm tra, giám sát về việc thực hiện quy định của trường đối với người học [2.8.04], [2.8.05], [2.8.06], [1.5.02]. Từ đó nhà trường đưa ra các biện pháp, đề xuất cải tiến chất lượng dạy và học của cơ sở và báo cáo kết quả thực hiện [2.11.01], [2.11.02].

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp [2.2.02], [2.4.01], đánh giá kết quả học tập, rèn luyện [2.12.01] và ban hành quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng theo quy định [2.12.02], phê duyệt mẫu phôi chứng chỉ đào tạo, mẫu phôi giấy chứng nhận [2.12.03], các báo cáo xác nhận phôi bằng, chứng chỉ với cơ quan quản lý nhà nước [2.12.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại nhà trường có danh sách các ngành nghề đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đã được Bộ Lao động cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp [1.1.06], [2.4.02], [2.1.02].

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, Trường đã thực hiện đa dạng hóa các

phương thức tổ chức đào tạo, học đi đôi với hành để đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động. Nhà trường giao cho Khoa chủ động liên hệ với các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn do khoa phụ trách để cho học sinh thực tập, học tập trên công trình thực tế. Qua đó doanh nghiệp cùng với nhà trường đánh giá quá trình học tập, thực tập, của học sinh trong các đợt thực tập cuối khóa.

Bên cạnh đó, hàng năm nhà trường giao cho các Khoa tham mưu, xây dựng kế hoạch đưa giáo viên thực tập tại doanh nghiệp để nắm bắt kịp thời những thay đổi của ngành nghề để cập nhật kiến thức mới kịp thời cho học sinh trong quá trình giảng dạy. Sau khi kết thúc đợt thực tập doanh nghiệp giáo viên của khoa đều thực hiện báo cáo kết quả thực tập và có ý kiến nhận xét của đơn vị nơi giáo viên thực tập.

Trong quá trình thực tập, các giáo viên cùng với học sinh cũng đã tạo được mối quan hệ gắn bó với các công ty, doanh nghiệp. Thông qua đó, các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động đặt hàng học sinh sau khi tốt nghiệp liên hệ với Khoa để thông báo tuyển dụng học sinh cho doanh nghiệp [2.7.01], [2.7.07], [2.7.08], [2.7.09], [2.7.10], [2.13.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ theo quy định.

Công tác tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan. Trường có quyết định thành lập Hội đồng thi, ban coi thi học kỳ, tốt nghiệp theo đúng quy chế [2.14.01], [2.14.02];

Cuối mỗi học phần nhà trường có lập danh sách và tổ chức thi cho HSSV [2.14.03], [2.14.04]. Hàng năm nhà trường có thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện năm học và cuối khóa cho HSSV [2.14.05], [2.14.06], [2.14.07], [2.14.08], đến cuối khóa học, nhà Trường thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp, hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp để xét tốt nghiệp và thi tốt nghiệp cho HSSV đủ điều kiện theo quy chế [2.14.09], [2.14.10], [2.14.11], [2.14.12], [2.14.13], [2.14.14], [2.14.15].

Căn cứ vào kết quả xét tốt nghiệp và thi tốt nghiệp, trường ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp hàng năm và cấp phát các văn bằng, chứng chỉ theo quy định [2.14.16]. Công tác in ấn, cấp phát văn bằng chứng chỉ cũng được lưu sổ để báo cáo hàng năm [2.14.17], [2.14.18], [2.14.19].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ, và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Trường có thực hiện việc nhận xét, đánh giá, rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học. Sau khi sáp nhập, trường đã rà soát, cập nhật, điều chỉnh bổ sung ban hành Quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và Quy định in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng theo quy định [1.04.01], [1.04.02], [1.04.03], [1.04.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ theo Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp thì hiện tại nhà trường chưa có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp về đào tạo liên thông.

2. Điểm tự đánh giá: 0 điểm.

Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Từ năm 2011, trường đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ và theo niên chế. Tất cả cơ sở dữ liệu của trường về các hoạt động đào tạo từ khi thành lập đến nay đều được lưu trữ trong hệ thống phần mềm này.

Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo được tổ chức quản lý thành phần mềm quản lý đào tạo với nhiều chức năng như: Số liệu tuyển sinh hằng năm, thông tin của sinh viên đang tham gia học tại trường, kết quả học tập của sinh viên, số liệu sinh viên đã tốt nghiệp, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các hoạt động dạy học, các sổ sách theo dõi, các báo cáo thống kê,

Ngoài ra, cơ sở dữ liệu của người học từ hồ sơ nhập học, sổ theo dõi quá trình học tập, bảng điểm, quyết định tốt nghiệp, ... được lưu trữ cẩn thận [2.17.01] [2.17.02] [2.17.03] [2.17.04] [2.17.05] [2.17.06] [2.17.07].

Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo được tổ chức, quản lý một cách khoa học và được khai thác sử dụng hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu về công tác quản lý đào tạo của nhà trường theo đúng quy định qua các báo cáo tổng kết hàng năm của các phòng, khoa, trường [1.5.01], [1.5.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

1. Mở đầu:

Trường cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang là trường công lập, trực thuộc UBND tỉnh Hậu Giang về cơ cấu tổ chức bộ máy; trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Giáo dục & Đào tạo về chuyên môn; có hoạt động giáo dục và đào tạo đa cấp, đa ngành với chương trình và kế hoạch đào tạo mềm dẻo phục vụ nhu cầu học tập đa dạng của cộng đồng, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương.

Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý theo đúng quy định Điều lệ trường cao đẳng; hoạt động tuân thủ nghiêm túc trên cơ sở mục tiêu, sứ mạng nhà trường đề ra và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Phân công, phân cấp đúng chức năng, nhiệm vụ rõ ràng cho các cá nhân, đơn vị được cụ thể hóa trong: “Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐCD Hậu Giang”. Công chức, viên chức quản lý thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ được giao. Tổ chức đoàn thể thực hiện và phát huy đầy đủ, có tác dụng, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển của nhà trường.

*** Những điểm mạnh:**

Hàng năm, nhà trường thường xuyên rà soát, sắp xếp lại các vị trí việc làm cho phù hợp tình hình thực tế; điều chuyển giáo viên dạy thiếu giờ về làm việc hành chính tại các phòng chức năng.

Trường bổ nhiệm đầy đủ viên chức quản lý các phòng, khoa chức năng ổn định đi vào hoạt động. Thành lập đầy đủ các Hội đồng tư vấn, Hội đồng trường theo quy định. Sắp xếp, phân công đội ngũ đúng chuyên môn, nghiệp vụ. Ban hành mới, rà soát, bổ sung, sửa đổi đầy đủ, kịp thời các Quy chế, quy định để quản lý mọi hoạt động nhà trường theo đúng chức năng nhiệm vụ. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách có liên quan đến viên chức và người Lao động.

Hàng năm, Trường thực hiện rà soát vị trí việc làm, sắp xếp tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy phòng, khoa chức năng thuộc trường CĐCD Hậu Giang.

Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ được giao đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong các Quy chế, Quy định của nhà trường ban hành; làm căn cứ pháp lý trong quản lý, điều hành, kiểm tra và xử phạt khi vi phạm.

Thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung, điều chỉnh các quy chế, quy định và cơ cấu tổ chức nhà trường theo hoạt động thực tế.

Phát huy được sức mạnh của tập thể trong kiểm tra, giám sát, thực hiện tập trung dân chủ, công khai, minh bạch các hoạt động của nhà trường trên trang Webs của nhà trường.

Lưu trữ đầy đủ các minh chứng làm cơ sở trong đánh giá, kiểm định chất lượng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế nhất định; sẽ được nhà trường rà soát, điều chỉnh, khắc phục và kiện toàn trong thời gian tới. Bên cạnh đó nhà trường sẽ thường xuyên cải tiến phương thức hoạt động để phát huy được nguồn nhân lực hiện có và để nhà trường ngày càng phát triển.

*** Những tồn tại:**

Tổ chức lấy kiến của viên chức của viên chức và người Lao động phòng, khoa chức năng về các lĩnh vực bằng văn bản chưa đầy đủ, chưa kịp thời.

Các Hội đồng hoạt động hiệu quả chưa cao.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Hằng năm, tổ chức lấy ý kiến của viên chức và người Lao động về các lĩnh vực bằng văn bản kịp thời, đầy đủ như hướng dẫn.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nhà trường theo quy định.

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào các văn bản pháp quy của nhà nước như: Luật viên chức, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Nghị định 106/2020/NĐ-CP, ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở Thông tư 47/2016/TT- BLĐTBXH ngày 28/12/2016 quy định về điều lệ trường cao đẳng, Trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của trường [1.1.03]; Trường xây dựng Quy trình tuyển dụng [3.1.01]; rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ quản lý theo từng giai đoạn, được Ban tổ chức Tỉnh ủy phê duyệt, bổ sung quy hoạch A1 giai đoạn 2020 - 2025 [3.1.02]; ban hành quy định định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức quản lý và viên chức trực thuộc trường [3.1.03], quy chế đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động [1.3.05].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xây dựng Quy trình tuyển dụng [3.1.01], thông báo tuyển dụng rộng rãi khi có nhu cầu [3.2.01], có đầy đủ hồ sơ thủ tục tuyển dụng theo quy định [3.2.03], hợp đồng lao động và phân công nhiệm vụ cụ thể [3.2.03].

Nhà trường tổ chức rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ quản lý theo từng giai đoạn [3.1.02]. Căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn của từng chức danh quy hoạch, nhà trường rà soát, ra quyết định bổ nhiệm khi có nhu cầu [3.2.04].

Xây dựng Quy trình đào tạo, bồi dưỡng viên chức [3.2.05]; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, LLCT cho viên chức người lao động theo từng giai đoạn [3.2.06]; đồng thời, hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cụ thể để đáp ứng nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của viên chức người lao động [3.2.07].

Trường thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại viên chức năm 2021-2022 [3.2.08]. Kết quả đánh giá phân loại viên chức năm học 2021 - 2022: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: **30**, hoàn thành tốt nhiệm vụ: **152**, hoàn thành nhiệm vụ: **06**, không hoàn thành nhiệm vụ: **04** [3.2.09].

Đánh giá xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ (theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH): 74 nhà giáo. Trong đó đạt chuẩn loại A: **52**, không đạt chuẩn: **26**.

Ban hành quy chế làm việc của trường [3.2.10]; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm [1.3.02].

Trường thực hiện báo cáo đầy đủ chế độ chính sách đối với viên chức, người lao động [1.12.01], về phụ cấp ưu đãi 25% và 40% đối với giảng viên ngành sư phạm [3.2.12] và chính sách về phụ cấp thâm niên, trách nhiệm, nặng nhọc, độc hại [1.1.2.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn 100% về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác [3.3.01], hồ sơ của viên chức đầy đủ và được quản lý theo đúng quy định [3.3.02], báo cáo về việc trình độ chuyên môn của viên chức (kèm danh sách trích ngang của đội ngũ nhà giáo) [3.3.03].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà giáo, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy chế tổ chức và hoạt động nhà trường [1.1.03], có báo cáo về việc trình độ chuyên môn của viên chức (kèm danh sách trích ngang của đội ngũ nhà giáo) [3.3.03], hồ sơ của viên chức đầy đủ và được quản lý theo đúng quy định [3.3.02].

Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường. Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2021 - 2022: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: **30**, hoàn thành tốt nhiệm vụ: **152**, hoàn thành nhiệm vụ: **06**, không hoàn thành nhiệm vụ: **04** [3.2.09], có đầy đủ biên bản họp đánh giá, xếp loại viên chức [3.4.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi theo đạt chuẩn 100% về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác [3.3.01], nhà trường ban hành quy định về chế độ làm việc của nhà giáo [1.3.04], có kế hoạch đào tạo hàng năm [2.4.03], thực hiện theo đúng tiến độ của năm học [2.4.04] và kế hoạch giảng dạy của giảng viên hàng năm [2.4.05].

Trường có số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận tương đối đầy đủ khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định, phân công giảng dạy phù hợp với năng lực chuyên môn của từng giáo viên và đảm bảo số giờ chuẩn và vượt giờ [3.5.01] và được thanh toán vượt giờ [3.5.02]; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định [3.5.03]. Trường hiện có đội ngũ nhà giáo có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tiến sĩ **01**, Chuyên khoa I **02**, CKII **01**, Thạc sĩ **85** (nghiên cứu sinh **07**), Đại học **80** (đang học Thạc sĩ **06**), Trung cấp **03**, chuyên môn khác **24**.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ chương trình đào tạo các ngành/ngành đã được Hiệu trưởng phê duyệt, phòng Quản lý đào tạo kết hợp với các Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng ngành/ngành theo từng học kỳ, năm học có kế hoạch phân công nhà giáo phụ trách giảng dạy từng môn học cụ thể [2.4.03], [2.4.04], [2.4.05]

Nhằm giám sát các hoạt động giảng dạy của nhà giáo, trường có sổ lên lớp để theo dõi các hoạt động dạy và học trên lớp [2.4.07], tuy chưa có đầy đủ giáo án giảng dạy nhưng tất cả nhà giáo đều có bài giảng và tài liệu tham khảo khi lên lớp, nhà giáo phải thực hiện giảng dạy đúng theo thời khóa biểu, trường hợp nhà giáo muốn thay đổi lịch giảng dạy thì phải được sự đồng ý cho phép của Ban Giám hiệu nhà trường [2.4.08], [3.6.01].

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi theo đạt chuẩn 100% về chuyên

môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác [3.3.01] và có quy định về chế làm việc của nhà giáo [1.3.04].

Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho viên chức của, Trường đã xây dựng quy trình đào tạo, bồi dưỡng viên chức [3.2.05]; Trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giai đoạn 2020 - 2030 và những năm tiếp theo [3.2.06]; có kế hoạch cử viên chức đi học tập, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị đầy đủ, kịp thời, chính xác [3.2.07]; xây dựng quy định về hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức để đáp ứng nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của viên chức; đầu năm, nhà trường ra thông báo cho viên chức đăng ký tham gia đào tạo, bồi dưỡng [3.7.02], Thành lập Hội đồng xét duyệt từng đối tượng cụ thể, gửi UBND tỉnh phê duyệt [3.7.03]; thông báo kết quả xét duyệt cho viên chức đi học tập, nâng cao trình độ chuyên môn [3.7.05].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giai đoạn 2020-2030 và những năm tiếp theo [3.2.06]. Hằng năm, thành lập Hội đồng xét duyệt từng đối tượng cụ thể, gửi danh sách cho UBND tỉnh phê duyệt và ra quyết định cử đi học theo quy định [3.7.04]; viên chức tham gia học tập, bồi dưỡng có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ, hình ảnh (tập huấn) gửi về trường đúng quy định [3.8.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp và tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ nhà giáo của Trường đạt chuẩn 100% về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác [3.3.01]; Trường lập kế hoạch cử 100% nhà giáo đến các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức thực tế, nắm bắt công nghệ mới, phương pháp tổ chức sản xuất theo quy trình, quy định [3.9.01]; ra quyết định cử đi học và danh sách gửi đến các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động theo quy định [3.9.02].

Báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của nhà trường [1.5.02], các nhà giáo ngành Sư phạm và Y - Dược được đào tạo bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu khắc khe của các ngành đào tạo có tính chất đặc biệt [3.9.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo:

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có báo cáo về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của nhà trường đúng quy định [1.5.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm được giao:

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường CDCĐ Hậu Giang hiện có 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định về học vị, phẩm chất đạo đức, lý luận chính trị, có uy tín và kinh nghiệm trong công tác quản lý đúng theo quy định tại Điều lệ trường cao đẳng [3.3.01], hồ sơ được lưu trữ đầy đủ tại phòng Tổ chức - Hành chính [3.3.02].

Trường xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động theo đúng quy định [1.1.02], căn cứ vào đó, trường phân công nhiệm vụ từng thành viên Ban Giám hiệu cụ thể [3.11.01].

Ban Giám hiệu chủ trì hội đồng đánh giá, xếp loại viên chức hàng năm [3.4.01]; kết quả đánh giá phân loại viên chức năm 2021 - 2022 là: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: **30**, hoàn thành tốt nhiệm vụ: **152**, hoàn thành nhiệm vụ: **06**, không hoàn thành nhiệm vụ: **04** [3.2.09]. Kết quả đánh giá, xếp loại thành viên Ban Giám hiệu do UBND tỉnh thực hiện và gửi về trường hàng năm [3.11.02].

Trường có báo cáo về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau theo quy định [1.5.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị trực thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động theo đúng quy định [1.1.02]; đội ngũ viên chức quản lý có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực đáp ứng công việc được giao [3.3.01]; số lượng viên chức quản lý được bố trí theo từng đơn vị đúng và đủ số lượng theo yêu cầu [1.1.01]; Đội ngũ quản lý của các đơn vị trực thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đúng quy trình [3.12.01], Căn cứ vào hoạt động thực tế của nhà trường theo từng giai đoạn. Hiệu trưởng ra Quyết định bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức vụ quản lý của các đơn vị trực thuộc trường đúng theo quy trình mà Điều lệ trường Cao đẳng quy định [3.2.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn được giao.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ viên quản lý của trường hiện có: **38** người, về chuyên môn, nghiệp vụ, đạt chuẩn **100%** (trong đó trên chuẩn: **26/38**, tỷ lệ: **68.4%**); có đầy đủ hồ sơ cá nhân, thực hiện đúng quyền hạn được giao theo Quy chế tổ chức và hoạt động nhà trường [3.2.04], hồ sơ được quản lý theo đúng quy định [3.3.02].

Thực hiện báo cáo năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của nhà trường [1.5.01]. Ban Giám hiệu chủ trì hội đồng đánh giá, xếp loại viên chức hàng năm [3.4.01]; kết quả đánh giá phân loại viên chức năm 2021 - 2022 [3.2.09].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ viên chức quản lý có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực đáp ứng công việc được giao [3.3.01]. Trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giai đoạn 2020-2030 và những năm tiếp theo [3.2.06]. Năm học 2021 - 2022, trường thành lập Hội đồng xét duyệt từng đối tượng cụ thể, lập danh sách và ra quyết định cử đi học theo quy định [3.7.04]; viên chức tham gia học tập, bồi dưỡng có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ, hình ảnh (tập huấn) gửi về trường đúng quy định [3.8.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng công việc được giao, định kỳ bồi dưỡng trình độ.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đầy đủ, đồng bộ về cơ cấu đội ngũ viên chức, người lao động có năng lực chuyên môn đáp ứng công việc được giao [3.3.01]; hồ sơ được quản lý theo đúng quy định [3.3.02]; có kế hoạch cử viên chức đi học tập, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị đầy đủ, kịp thời, chính xác [3.2.07]; Năm học 2021 - 2022, trường thành lập Hội đồng xét duyệt từng đối tượng cụ thể, lập danh sách và ra quyết định cử đi học theo quy định [3.7.04]; viên chức tham gia học tập, bồi dưỡng có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ, hình ảnh (tập huấn) gửi về trường đúng quy định [3.8.01].

Nhà trường thực hiện báo cáo tổng kết năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau đúng quy định [1.5.01].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

3.2.4. Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

1. Mở đầu:

Từ khi thực hiện đề án mở mã ngành đào tạo, nhà trường đã rất quan tâm đến việc xây dựng chương trình, giáo trình phục vụ cho Đào tạo của nhà trường. Từ khi có luật dạy nghề quy định đào tạo nghề ở 02 cấp trình độ: Trung cấp và cao đẳng và các văn bản hướng dẫn về việc xây dựng chương trình nghề trên cơ sở chương trình khung các nghề do Bộ Lao động TB&XH ban hành, Ban Giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo các phòng, khoa tiến hành xây dựng, thẩm định và ban hành các chương trình mà nhà trường có đào tạo. Tiến hành biên soạn giáo trình, lựa chọn giáo trình giảng dạy phù hợp với ngành nghề và điều kiện của địa phương.

Các chương trình đào tạo (CTĐT) được xây dựng đều phù hợp với quy định của Bộ Lao động TB&XH về mục tiêu, nội dung, quy trình đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo, còn có sự tham khảo từ những chương trình tiên tiến, đặc biệt chú trọng đến việc đảm bảo tính chủ động của người học, sự đáp ứng nhu cầu đào tạo của tỉnh và vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Các chương trình được xây dựng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đảm bảo tính thực hành ứng dụng. Hằng năm, hoặc theo chu kỳ đào tạo chương trình đào tạo của trường

được rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với khoa học công nghệ mới cũng như đáp ứng yêu cầu của xã hội. Mỗi chương trình dạy nghề có đủ mô đun, môn học theo mẫu định dạng chung và được xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Đến nay nhà trường có đầy đủ chương trình, giáo trình và tài liệu tham khảo phù hợp với mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng. Chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động, đảm bảo được tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp và thể hiện được các quy định về chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp. Chương trình đào tạo thường xuyên được cập nhật, bổ sung những kiến thức mới có liên quan đến ngành, nghề đào tạo và có tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ chương trình đào tạo, giáo trình các môn học, mô đun của tất cả các ngành nghề được cấp phép đào tạo.

Các chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo phù hợp thực tiễn và đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và thị trường lao động trong tỉnh và trong khu vực.

Việc xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo, có sự tham gia của những giảng viên, cán bộ kỹ thuật ngoài trường tham gia thẩm định.

Các chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế để phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội theo đúng quy định.

3. Những tồn tại:

Việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo còn hạn chế vì nhiều nguyên nhân khác nhau, như: kinh phí thực hiện còn nhiều khó khăn, nhân lực trong một số khoa còn hạn chế về số lượng.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trường sẽ tiếp tục cập nhật, điều chỉnh các chương trình đào tạo đã ban hành theo định kỳ hằng năm và tổ chức các buổi Hội thảo về điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm thu thập được nhiều ý kiến đánh giá từ các chuyên gia, các đơn vị sử dụng lao động.

Trong những năm tới, nhà trường sẽ xây dựng và triển khai chiến lược đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học và phù hợp với mục tiêu, nhu cầu phát triển của địa phương, đơn vị sử dụng lao động trên cơ sở liên kết với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động từ khâu mở mã ngành đào tạo, xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo, tuyển sinh, đào tạo và đánh giá kết quả học tập và việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Trong thời gian tới, trường sẽ nghiên cứu thực hiện về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

Có kế hoạch cụ thể về việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình đào tạo

Điểm đánh giá tiêu chí 4:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	13
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	0
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	0
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hầu hết các Khoa trong trường có đầy đủ các chương trình cho tất cả các ngành nghề hiện nay đang đào tạo mà Nhà trường giao Khoa quản lý. Nhà trường đăng ký các ngành đào tạo đúng theo tên ngành, nghề trong chương trình đào tạo theo Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTĐ ngày 02/3/2017 về Ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo Cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Hiện tại nhà trường đang đào tạo các ngành nghề thể hiện trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - TB&XH [2.1.01], [2.1.02], [1.1.06]. Tất cả các CTĐT được xây dựng trên cơ sở chương trình khung và các quy định do Bộ ban hành, đảm bảo đáp ứng được chuẩn đầu ra theo Thông tư số 51/2018/TT - BLĐTĐ ngày 28/12/2018 và có thiết kế phù hợp với mục tiêu, sứ mạng phát triển cũng như đào tạo nguồn nhân lực của Trường.

Trường đã chú trọng việc xây dựng các CTĐT dựa trên nhu cầu của xã hội đảm bảo đào tạo nguồn nhân lực phục vụ theo đúng chuyên ngành có đủ năng lực, theo chuẩn, có đạo đức nghề nghiệp, ngoại ngữ chuyên ngành và kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và khả năng học tập nâng cao trình độ về sau [4.1.01], [2.4.02], [4.1.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Các chương trình đào tạo của nhà trường được xây dựng theo đúng trình tự và

quy định của Bộ LĐTB&XH. Các chương trình đào tạo của nhà trường có đầy đủ Quyết định thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo [4.2.01], [4.2.02], [4.2.03].

Trong quá trình biên soạn và thẩm định chương trình đào tạo có đầy đủ các biên bản để ghi nhận kết quả biên soạn và thẩm định chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo của nhà trường có đầy đủ các Quyết định ban hành chương trình đào tạo [4.2.04], [4.2.05], [4.2.06], [4.2.07], [4.2.08], [4.2.09].

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng của nhà trường được xây dựng và ban hành nói chung đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 12/2017/TT - BLĐTBXH [2.4.02], [4.1.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng đào tạo của Nhà trường. Trong từng chương trình đào tạo của Nhà trường đã thể hiện rõ mục tiêu đào tạo; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập của người học đạt được sau tốt nghiệp đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành và từng trình độ theo quy định của thông tư 03/2017/TT-BLĐTB&XH đối với chương trình cao đẳng, trung cấp và thông tư 42/2015/TT- BLĐTB&XH đối với chương trình sơ cấp [4.2.02], [4.1.02].

Mỗi CTĐT đều có cấu trúc rõ ràng, hợp lý bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm HSSV cần đạt được cũng như vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, có quy định rõ thời lượng từng môn học/mô đun theo quy định trong từng nhóm kiến thức. Các môn học/mô đun trong từng khối kiến thức được phân bố hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, theo từng đối tượng và từng học kỳ, năm học, đảm bảo các yêu cầu về kiến thức, trình độ, và các kỹ năng cần thiết của người học trước khi ra trường, đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của đào tạo trình độ trung cấp [2.1.01], [2.1.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành (nếu có).

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, nhà trường ban hành đầy đủ các quyết định thành lập tổ biên soạn, lựa chọn chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo của nhà trường khi xây dựng có sự tham gia thẩm định của các nhà giáo và đơn vị sử dụng lao động ngoài nhà trường thể hiện trong các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo [4.2.02], [4.1.02].

Các chương trình đào tạo của nhà trường được thực hiện đúng theo hướng dẫn của Bộ LĐTB&XH, có đầy đủ các biên bản trong quá trình biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo [4.2.06], [4.2.07] và Quyết định ban hành chương trình đào tạo [2.1.01].

Việc xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động tham gia quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo để phù hợp với nhu cầu làm việc sau khi ra trường [4.4.01], [4.2.09].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của trường xây dựng đều có mục tiêu tổng quát của nghề thể hiện rõ những mức độ kiến thức chuyên môn cần phải đạt; kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần phải rèn luyện trong lúc thực hành cũng như thực tế làm việc, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm của người học.

Ngoài ra, Chương trình đào tạo định kỳ được bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc tham khảo các chương trình tương ứng từ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác, đánh giá và nhận xét của người sử dụng lao động và người tốt nghiệp đã đi làm về chương trình dạy nghề đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Trong chương trình đào tạo của nhà trường được xây dựng và thẩm định các mô đun, môn học giáo viên có thể vừa giảng dạy tại trường và trên công trình thực tế và có mô đun để học sinh thực tập tốt nghiệp trên công trình tại công ty, doanh nghiệp sử dụng lao động để học sinh tiếp thu và tiếp cận thực tế các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong thời đại mới [4.2.02], [4.2.06], [4.2.07], [4.4.01], [4.2.09], [2.4.02], [4.1.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ theo Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ LĐ-TBXH quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp thì hiện tại nhà trường chưa có chương trình đào tạo liên thông.

2. Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với chương trình đào tạo đã ban hành.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Cập nhật và điều chỉnh các chương trình đào tạo đã ban hành đáp ứng theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, phù hợp với nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của xã hội được xác định là hoạt động quan trọng nhất trong tất cả các hoạt động đào tạo của trường.

Năm học 2021 - 2022, trường có kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng mục tiêu đào tạo và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của xã hội. Các tiểu ban xây dựng chương trình đào tạo theo từng ngành/ nghề tiến hành thu thập ý kiến đóng góp của tập thể nhà giáo đang trực tiếp tham gia giảng dạy, của những sinh viên đang tham gia học tập tại trường, của cựu sinh viên các khóa, của các chuyên gia trong cùng lĩnh vực và ý kiến đánh giá của các đơn vị sử dụng lao động, ... về mức độ phù hợp giữa chương trình đào tạo so với yêu cầu thực tiễn của vị trí việc làm. Trên cơ sở đó, các tiểu ban tiến hành xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng theo yêu cầu của xã hội [2.4.02], [4.1.02], [1.1.10], [4.2.03].

Việc xây dựng các chương trình đào tạo đã ban hành được thực hiện theo thông tư hướng dẫn của Bộ LĐTBXH kết hợp với các chương trình khung của từng ngành/ngành do Bộ LĐTBXH ban hành [4.7.01], [4.2.01], [4.7.02], [4.7.03], [4.7.04], [4.7.05], [4.2.09].

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của trường thực hiện cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo đúng theo quy định tại Điều 9 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, giáo viên một số nghề của trường trong quá trình xây dựng còn tham khảo chương trình đào tạo từ các nước khu vực lân cận có giáo dục nghề nghiệp tốt như Malaysia (trường có 02 giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng xây dựng chương trình đào tạo nghề tại Malaysia).

Chương trình đào tạo của nhà trường thường xuyên được đánh giá, cập nhật và điều chỉnh. Việc cập nhật điều chỉnh chương trình được thực hiện có đầy đủ quyết định ban hành lần đầu, quyết định ban hành chương trình chỉnh sửa, bổ sung. Việc cập nhật và điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo của nhà trường đảm bảo cập nhật đầy đủ những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Theo quy định và trong quá trình thực hiện có sự đóng góp ý kiến từ doanh nghiệp trong lúc giáo viên tham gia giảng dạy trên công trình thực tế của doanh nghiệp và học sinh tham gia thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp [2.4.02], [4.1.02], [4.2.03], [4.8.01], [4.8.02], [4.8.03], [4.8.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các môn, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các môn, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ theo Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 21/9/2017 của Bộ LĐ-TBXH quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp thì hiện tại nhà trường chưa có chương trình đào tạo liên thông.

2. Điểm tự đánh giá: 0 điểm.

Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Trường đào tạo theo các giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Các môn học được nhà trường lựa chọn sử dụng các giáo trình của các trường Đại học, Cao đẳng làm nguồn tài liệu phục vụ cho giảng dạy, cho nghiên cứu, tài liệu học tập cho sinh viên [1.1.06], [1.1.07], [1.1.08], [4.10.01], [4.10.02], [4.10.03], [4.10.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Hiện nay, trong việc triển khai giảng dạy các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo tại trường được sử dụng 02 nguồn tài liệu. Giáo trình tham khảo bên ngoài và giáo trình, bài giảng do giảng viên biên soạn. Công tác biên soạn tài liệu giảng dạy, hệ thống hoá kiến thức cần dạy, đã được lãnh đạo nhà trường quan tâm và chỉ đạo thực hiện đến các Khoa, Bộ môn, ưu tiên trước việc biên soạn tài liệu cho các môn chuyên ngành, việc biên soạn và nghiệm thu tài liệu giảng dạy đã được tổ chức tại Khoa, bộ môn. Các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng được xây dựng, lựa chọn đúng theo quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐBXH [4.10.01], [4.10.02], [4.10.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Các giáo trình đã được nghiệm thu và đưa vào giảng dạy và tài liệu giảng dạy đều đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình đào tạo, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Các giáo trình dạy học được biên soạn phù hợp với chương trình đào tạo, về mục tiêu đào tạo, nội dung kiến thức, kỹ năng cần đạt trong quá trình đào tạo. Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định giáo trình của giảng viên khoa, tổ bộ môn biên soạn. Các chương trình đào tạo của nhà trường được ban hành có đầy đủ các nội dung của chương trình chi tiết các mô-đun, môn học, được phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình được lựa chọn sử dụng và có bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo [1.1.06], [1.1.07], [1.1.08], [4.10.01], [4.10.02], [4.10.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Giáo trình, bài giảng đưa lựa chọn biên soạn giảng dạy nhằm mục tiêu hướng đến người học, phát huy tính tích cực trong quá trình giảng dạy. Các chương trình đào tạo của nhà trường được ban hành có đầy đủ các nội dung của chương trình chi tiết các mô-đun, môn học, được phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình được lựa chọn sử dụng và có bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Tuy việc biên soạn giáo trình của nhà trường còn hạn chế, hiện nay chỉ được một số giáo trình đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng, còn lại tất cả các mô-đun, môn học khác được giảng dạy bằng việc lựa chọn sử dụng các giáo trình của các trường khác. Nhưng việc lựa chọn sử dụng các giáo trình luôn đảm bảo đúng theo quy định, có phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình, đảm bảo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực [4.10.01], [4.10.02], [4.10.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Việc thu thập ý kiến đánh giá của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động và người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo là nội dung rất quan trọng trong đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường. Tuy nhiên, việc đánh giá này đòi hỏi tốn nhiều thời gian và nguồn lực khác nên trong những năm qua việc đánh giá này của nhà trường mới chỉ lấy ý kiến về chương trình đào tạo của một vài ngành khi tổ chức hội thảo về điều chỉnh chương trình đào tạo.

2. Điểm tự đánh giá: 0 điểm

Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Từ khi có sự chuyển đổi quản lý nhà nước từ Bộ Giáo dục & Đào tạo sang Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội đối với các trường trung cấp và cao đẳng, cùng với việc chuyển đổi chương trình đào tạo, trường đã thực hiện việc lựa chọn giáo trình cho mỗi ngành nghề đào tạo theo đúng quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH [4.10.01], [4.10.02], [4.10.04].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

1. Mở đầu:

Mặt bằng tổng thể của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang được bố trí tại Trụ sở chính, địa điểm đào tạo 1, địa điểm đào tạo 2, địa điểm đào tạo 3 và địa điểm

đào tạo 4 với tổng diện tích đất là 338.493,8m², cụ thể diện tích các khu vực như sau:

1.1. Tại Trụ sở chính (trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang):

Trụ sở chính của trường, địa chỉ: đường 19 tháng 8, ấp 5, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Cơ sở vật chất gồm:

- **Về đất:** Trụ sở chính có diện tích 178.635m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT07023.

- **Về nhà và các công trình phụ trợ:** Trong phần diện tích đã san lấp mặt bằng, nhà trường đã được đầu tư xây dựng các hạng mục công trình như sau:

+ **Khối nhà học C1:** Diện tích sàn 5.880m², cao 3-4-5 tầng, gồm có: 10 phòng học 72 chỗ, 16 phòng học 36 chỗ, 1 phòng máy vi tính, 9 phòng nghỉ giữa giờ của giáo viên, 7 phòng thí nghiệm cơ bản, 2 giảng đường 200 chỗ và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Khối nhà học A1 và B1:** Diện tích sàn 7.336m², cao 4 tầng, gồm có: 6 phòng học 80 chỗ, 20 phòng học 48 chỗ, 6 phòng thí nghiệm cơ bản, 6 phòng nghỉ giữa giờ của giáo viên, 1 giảng đường 200 chỗ và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Thư viện trung tâm:** Diện tích sàn 2.454 m², cao 3 tầng, gồm có: Kho sách kín 180m², kho sách hở 300m², phòng đọc lớn 210m², phòng đọc nghiên cứu 270m², phòng đọc thư viện điện tử 90m², phòng trưng bày và giới thiệu sách 60m², phòng thư mục và chỗ mượn sách 60m², phòng chủ nhiệm 24m², phòng phục vụ sản xuất 90m² và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Ký túc xá Sinh viên:** Diện tích sàn 5.886m², 2 dãy, cao 5 tầng, gồm có 116 phòng ở và các khu vực phụ trợ khác, đáp ứng cho 940 sinh viên ở nội trú.

+ **Trường Mầm non Thực hành:** Khối nhà chính: bao gồm khối hiệu bộ, lớp học, giáo dục thể chất - nghệ thuật, nhà bếp và các khu vực phụ trợ khác; quy mô 1 trệt, 1 lầu; diện tích xây dựng: 1.113,61m²; diện tích sử dụng: 2.081,13m².

+ **Nhà ăn sinh viên:** Diện tích sàn 2.444m², cao 3 tầng, trong đó: diện tích phòng ăn 480m², diện tích bếp và phụ trợ 240m², diện tích Câu lạc bộ 240m², diện tích phục vụ khác 150m².

+ **Hạ tầng kỹ thuật:** Gồm có: công rào, hệ thống đường nội bộ, nhà để xe, hệ thống thoát nước, hệ thống đèn chiếu sáng khuôn viên, cây xanh, đất dự trữ giai đoạn 1... diện tích khoảng 112.000 m². Trong đó diện tích khu vực trồng cỏ và cây xanh khoảng 68.000m².

1.2. Tại địa điểm đào tạo 1 (trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang cũ):

Địa điểm đào tạo 1 của trường, địa chỉ: đường 19 tháng 8, ấp 6, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Cơ sở vật chất gồm:

- **Về đất:** có diện tích 64.000m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- **Về nhà và các công trình phụ trợ:** nhà trường đã tiếp nhận các hạng mục công trình như sau:

+ **Khối hiệu bộ:** Diện tích sàn 1.159m², cao 2 tầng, gồm có 19 phòng làm việc và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Khu học lý thuyết:** Diện tích sàn 4.122 m², cao 3 tầng, gồm có: 38 phòng học lý thuyết 48 chỗ ngồi và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Khối xưởng thực hành:** Diện tích sàn 4.106m², gồm có 07 xưởng thực hành (trong đó 03 xưởng quy mô 1 trệt 1 lầu) các nghề: May, Điện - Điện tử; Gò hàn - Máy nổ, Tiện - Phay - Bào, Tin học, Xây dựng và Thú y.

+ **Thư viện:** Nhà trệt, diện tích sử dụng 348m².

+ **Hội trường:** Nhà trệt, diện tích sử dụng: 565m², có sức chứa 250 chỗ ngồi.

+ **Ký túc xá sinh viên:** Diện tích sàn 3.120m², 1 trệt 1 lầu, gồm có 60 phòng ở và các khu vực phụ trợ khác, đáp ứng cho 480 sinh viên ở nội trú.

+ **Nhà ở giáo viên:** Nhà trệt, diện tích sử dụng 1.464m², có 20 phòng ở.

+ **Nhà ăn sinh viên:** Nhà trệt, diện tích sử dụng 896m².

+ **Hạ tầng kỹ thuật:** Gồm có: công rào, hệ thống đường nội bộ, nhà để xe, hệ thống thoát nước, hệ thống đèn chiếu sáng khuôn viên, cây xanh.

1.3. Tại địa điểm đào tạo 2 (trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang cũ):

Địa điểm đào tạo 2 của trường, địa chỉ: Số 3567, đường Hùng Vương, khu vực 4, phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Cơ sở vật chất gồm:

- **Về đất:** có diện tích là 28.380,1 m² thuộc trường Trung cấp Nghề Ngã Bảy trước đây. Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số CT04015, diện tích đất là 14.853,9m², phần diện tích còn lại là 13.526m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- **Về nhà và các công trình phụ trợ:** nhà trường đã tiếp nhận các hạng mục công trình như sau:

+ **Khối hiệu bộ:** Diện tích sàn 846,8m², cao 2 tầng, gồm có 17 phòng làm việc và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Khu học lý thuyết:** Diện tích sàn 1.739,4m², cao 3 tầng, gồm có: 23 phòng học lý thuyết 48 chỗ ngồi và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Khối xưởng thực hành:** Nhà trệt, diện tích sử dụng 2.757,44m², gồm có 06 xưởng thực hành các nghề: Cơ khí ô tô, Cơ khí chế tạo, Điện tử - Tin học; Gò hàn, Xây dựng và Thú y.

+ **Hạ tầng kỹ thuật:** Gồm có: công rào, hệ thống đường nội bộ, nhà để xe, hệ thống thoát nước, hệ thống đèn chiếu sáng khuôn viên, cây xanh.

1.4. Tại địa điểm đào tạo 3 (cơ sở 3 của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang):

Địa điểm đào tạo 3 của trường, địa chỉ: Số 3291, đường Hùng Vương, phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Cơ sở vật chất gồm:

- **Về đất:** có diện tích là 8.390 m² thuộc Ban Chỉ huy Quân sự thị xã Ngã Bảy trước đây. Nhà trường đã tiếp nhận và đặt cơ sở đào tạo nhằm đáp ứng mục tiêu nâng cấp đô thị Ngã Bảy lên đô thị loại III, khi tiếp nhận không được bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- **Về nhà và các công trình phụ trợ:** nhà trường đã tiếp nhận các hạng mục công trình cũ Thị đội Ngã Bảy và cải tạo lại để đáp ứng nhu cầu của cơ sở đào tạo như sau:

+ **Khối hiệu bộ:** Diện tích sàn 646,4m², cao 2 tầng, gồm có 5 phòng làm việc, 01 phòng máy vi tính, 03 phòng học 48 chỗ ngồi và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Khu học lý thuyết:** Nhà trệt, diện tích 795,4m², gồm có: 3 phòng học lý thuyết 80 chỗ ngồi và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Hạ tầng kỹ thuật:** Gồm có: cổng rào, hệ thống đường nội bộ, nhà để xe, hệ thống thoát nước, hệ thống đèn chiếu sáng khuôn viên, cây xanh.

1.5. Tại địa điểm đào tạo 4 (trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang cũ):

Địa điểm đào tạo 4 của trường, địa chỉ: Ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Cơ sở vật chất gồm:

- **Về đất:** Diện tích đất là 58.149,7m², đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số: CT07793, CT07794, CT07795, CT07796, CT07797.

- **Về nhà và các công trình phụ trợ:** nhà trường đã tiếp nhận các hạng mục công trình như sau:

+ **Khối hiệu bộ:** Diện tích sàn 2.165,6m², cao 2 tầng, gồm có 16 phòng làm việc, 02 phòng hội trường và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Khối giảng đường:** Diện tích sàn 1.521m², cao 3 tầng, gồm có: 10 phòng học lý thuyết 48 chỗ ngồi, 02 phòng thực hành cơ bản, 02 phòng máy vi tính và các khu vực phụ trợ khác.

+ **Hạ tầng kỹ thuật:** Gồm có: cổng rào, hệ thống đường nội bộ, nhà để xe, hệ thống thoát nước, hệ thống đèn chiếu sáng khuôn viên, cây xanh.

Thư viện của Trường có tổng diện tích sàn 2454 m², với các phòng được bố trí liên kề gồm có: Kho sách kín 180 m²; kho sách hở 320 m²; phòng đọc lớn 210 m²; các phòng đọc nghiên cứu 270 m²; phòng đọc thư viện điện tử 90 m²; phòng trưng bày, giới thiệu sách 60 m²; phòng thư mục, chỗ mượn sách 60 m²; phòng chủ nhiệm 24 m²; các phòng phục vụ sản xuất 90 m², có đủ các kệ để sắp xếp tài liệu theo qui định, bảo quản an toàn thoáng mát thuận tiện việc phục vụ cho cán bộ giảng viên và sinh viên, có 01 nhân viên thư viện chuyên trách.

1. Những điểm mạnh

Vị trí của trường tương đối gần trung tâm thành phố, phù hợp với quy hoạch các điểm dân cư và mạng lưới trường nghề, đảm bảo điều kiện an toàn, yên tĩnh cho hoạt động giảng dạy, học tập và thuận tiện cho việc đi lại.

Khuôn viên trường được quy hoạch hợp lý có đầy đủ các khối công trình thuận tiện cho hoạt động dạy và học.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, đường nội bộ được bê tông hóa) của nhà trường đảm bảo được các hoạt động đào tạo, thực hành, thực nghiệm.

Nhà trường có đủ các trang thiết bị dụng cụ đáp ứng cơ bản cho công tác đào tạo. Các trang thiết bị, dụng cụ có chất lượng cao, hiện đại và đa dạng. Trong mỗi phòng

thực hành đều có kho chứa vật tư, thiết bị nên rất thuận tiện cho việc thường xuyên kiểm tra, bảo quản, bảo vệ. Tất cả các phòng thực hành đều có hệ thống chiếu sáng, chống ẩm mốc đầy đủ. Vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu thực hành luôn được bảo quản tốt và an toàn.

Nhà trường luôn quan tâm đổi mới và đầu tư đủ các trang thiết bị có chất lượng cao để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, hầu hết các máy móc, thiết bị đều đúng chủng loại, có chất lượng và đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật.

Nhà trường có hệ thống phòng học lý thuyết, hội trường, phòng thí nghiệm thực hành đáp ứng được hoạt động đào tạo của trường. Các công trình bảo đảm quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách giữa khu lý thuyết và thực hành, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, vận hành thiết bị. Các công trình được thực hiện đúng công năng và được bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động bình thường.

Thư viện được xây dựng có thiết kế hợp lý với các phòng chức năng được bố trí liền kề thuận tiện trong việc khai thác, có sổ đầu sách và tài liệu tối thiểu phục vụ cho các ngành đào tạo của trường. Với quy mô đào tạo như hiện nay, trang thiết bị của thư viện về cơ bản đáp ứng các nhu cầu phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học. Danh mục tài liệu thư viện được phân loại theo chuẩn nghiệp vụ thư viện.

Hằng năm Trường có bổ sung tài liệu tham khảo cho các ngành học đang đào tạo. Hệ thống thiết bị máy tính tại thư viện luôn hoạt động bình thường, nhờ có sự hỗ trợ cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin.

2. Những tồn tại.

Khuôn viên nhà trường được đầu tư xây dựng theo từng giai đoạn nên các khu vực mới diện tích cây xanh đang trong thời gian trồng nên diện tích phủ kín còn hạn chế; nguồn vốn đầu tư trang thiết bị cho nhà trường còn hạn chế, các trang thiết bị máy móc chưa bổ sung kịp thời.

Các phòng thực hành thí nghiệm của trường chưa được đầu tư chuẩn hoá nên việc bố trí gặp nhiều khó khăn.

Trang thiết bị và dụng cụ chỉ đáp ứng cơ bản cho các ngành nghề đào tạo của nhà trường.

Trang thiết bị tại thư viện còn thiếu, các hoạt động trong thư viện chủ yếu là tra cứu mục lục, đọc tại chỗ và mượn sách về nhà; thư viện chưa hoạt động vào các buổi tối trong tuần. Số lượng sách trong thư viện chưa đáp ứng đủ theo qui định.

Số đầu sách phục vụ các ngành đào tạo của trường; các ngành đào tạo của các trường liên kết và phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên và sinh viên chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu người học; chưa kịp thời bổ sung tài liệu cần thiết, chưa có các dịch vụ thư viện.

3. Kế hoạch nâng cao chất lượng

Xây dựng chiến lược quy hoạch phát triển giai đoạn 2022-2030, tiến hành trồng và chăm sóc cây xanh khu mới xây dựng của nhà trường.

Lập kế hoạch đầu tư thêm trang thiết bị để đáp ứng theo quy định của Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp.

Lập kế hoạch sắp xếp hợp lý và xây dựng thêm phòng thực hành, phòng học chuyên môn trong thời gian tới.

Thực hiện việc bảo dưỡng máy móc trang thiết bị nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các hư hỏng trong quá trình sử dụng.

Tiếp tục hoàn chỉnh và xây dựng thêm hạ tầng kỹ thuật để đảm bảo đáp ứng yêu cầu làm việc và các hoạt động khác cho sự phát triển lâu dài của nhà trường.

Từng bước nâng cao chất lượng phục vụ của Thư viện cũng như các dịch vụ, sản phẩm của Thư viện.

Điểm đánh giá tiêu chí 5:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	15
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện các quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang được thành lập theo Quyết định số 4128/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2020, Sau khi thực hiện sáp nhập trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang vào trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang theo Quyết định số 281/QĐ-BLĐTBXH ngày 12/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Công văn số 605/UBND-NCTH ngày 30/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, giữa 03 trường đã tiến hành việc kiểm tra, bàn giao và tiếp nhận cơ sở vật chất, tài sản của 02 trường Trung cấp [1.1.01], [1.1.03].

Nhà trường được xây dựng phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh và mạng lưới các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề; trục lộ giao thông rộng thuận tiện cho việc đi lại cho người học và cán bộ giảng viên nhà trường. Địa điểm trường nằm ở trung tâm thành phố, cách xa khu công nghiệp nên không bị ảnh hưởng tiếng ồn, bụi bặm, chất thải độc, ô nhiễm không khí, nguồn nước; bảo đảm an toàn, yên tĩnh cho hoạt động giảng dạy và học tập [5.1.01], [5.1.02], [5.1.03], [5.1.03], [5.1.04], [5.1.05], [5.1.06], [5.1.07], [5.1.08], [5.1.09], [5.1.10].

Hệ thống điện của nhà trường được cung cấp từ mạng lưới điện thành phố Vị Thanh và có trạm biến áp riêng nên luôn đảm bảo nhu cầu cung cấp điện ổn định cho nhà trường. Hệ thống giao thông bên ngoài và đường nội bộ bên trong nhà trường thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước. Hệ thống nước của nhà trường được sử dụng từ nguồn nước máy nên đáp ứng được yêu cầu nguồn nước hợp vệ sinh [5.1.02], [5.1.03], [5.1.08].

Hiện tại nhà trường chưa xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường.

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 1 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch mặt bằng tổng thể hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Mặt bằng tổng thể khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý phù hợp với chức năng đào tạo nghề đảm bảo yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc cảnh quan và đảm bảo cảnh giới quy hoạch, khoảng cách và các giải pháp ngăn cách hợp lý các công trình xây dựng trong và ngoài khuôn viên [5.1.01].

Hiện trạng quỹ đất trong khuôn viên nhà trường hiện nay đảm bảo đáp ứng nhu cầu hoạt động. Nhà trường đảm bảo có đủ các khu vực phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động trong nhà trường (các khối công trình được bố trí độc lập không ảnh hưởng nhau) như: dãy phòng học lý thuyết, các phòng thực hành, khu vệ sinh, nhà giữ xe, ký túc xá, hội trường, sân chơi, sân thể dục thể thao. Giữa các khối công trình có hệ thống đường giao thông nên rất thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển thiết bị khi cần. Khu vực trồng cây xanh được nhà trường quy hoạch theo từng cụm khu vực trước sân trường, xung quanh tường rào, khu học lý thuyết, xưởng thực hành, khu sinh hoạt thể dục thể thao... có diện tích khoảng 68.000 m², với kết cấu xây dựng trường hiện nay thuộc nhà kiên cố, nhiều tầng do đó diện tích các tầng dưới được che mát bởi các tầng trên vì thế đảm bảo tiêu chuẩn che mát theo quy định [5.2.01], [5.2.02], [5.2.03], [5.2.04], [5.2.05], [5.2.06], [5.2.07].

Hiện tại nhà trường chưa xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường.

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 5.2 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực

hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường và vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu vực phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống các phòng học lý thuyết và các phòng thực hành được bố trí riêng biệt, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa khu vực lý thuyết và thực hành, các công trình có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đủ và đúng quy chuẩn thể hiện qua hồ sơ thiết kế các công trình của nhà trường [5.1.01], [5.2.04], [5.2.05], [5.2.06].

Khuôn viên của trường có đường giao thông nội bộ thuận tiện, các xưởng bố trí sơ đồ trang thiết bị hợp lý đảm bảo cho việc vận chuyển, lắp đặt và vận hành các thiết bị. Hệ thống các phòng học lý thuyết được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, bố trí các cửa sổ đảm bảo lấy được ánh sáng tự nhiên tối đa. Các phòng thực hành đều có bố trí đèn, quạt đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng để HSSV thực hành, thực tập. So với lưu lượng học sinh hiện nay thì hệ thống các phòng học, phòng thực hành đáp ứng được các hoạt động đào tạo của trường [5.2.02], [5.2.07].

Hiện tại nhà trường chưa xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường.

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 3 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà trường đã được thiết kế xây dựng trong khuôn viên với tổng diện tích đất là 68.000 m² trên nền đất cát, vị trí cao chưa bị ngập lụt, đủ đáp ứng yêu cầu làm việc và các hoạt động giảng dạy, thực nghiệm, thực hành. Trong đó khu nhà làm việc, dãy phòng học lý thuyết, phòng thực hành, hội trường, ký túc xá, căn tin, thư viện được xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp 3. Có đường dây trung hạ thế 3 pha 22/0,4 KV và trạm biến áp 800 KVA riêng đáp ứng công suất tiêu thụ điện cho các hoạt động, có thiết kế lắp đặt đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng và vận hành thiết bị. Trong đó hệ thống đã lắp đặt thiết bị ngắt điện bảo vệ tự động và thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các công trình khi có sự cố xảy ra. [5.1.01], [5.1.02], [5.4.07], [5.4.08].

Hệ thống cấp nước đảm bảo sinh hoạt theo nguồn nước máy. Hệ thống thoát nước từ các công trình có đường cống dẫn đến nơi rút theo thiết kế. Hệ thống xử lý thoát nước được thiết kế đảm bảo, không gây ô nhiễm môi trường, độc hại và ngập úng đặc biệt vào mùa mưa. Đường giao thông nội bộ được bê tông, thiết kế rộng đảm bảo vận chuyển thiết bị, phục vụ phòng cháy chữa cháy... [5.4.01], [5.4.02], [5.4.03], [5.4.04], [5.4.05].

Các công trình phục vụ việc đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt như khu làm việc, phòng học lý thuyết, phòng thực hành... đều thiết kế có hệ thống thông gió, phòng cháy chữa cháy. Trong đó công tác phòng cháy chữa cháy nhà trường được kiểm định

đúng theo tiêu chuẩn và hằng năm đều được phòng Cảnh sát PCCC&CNCH công an tỉnh Hậu Giang kiểm tra đánh giá theo định kỳ [5.4.01], [5.4.02], [5.4.03], [5.4.04], [5.4.06].

Hằng năm nhà trường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng đường dây, trạm biến áp và công tác quản lý và bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà trường được đảm bảo hoạt động đúng chức năng. Tổ Thiết bị thuộc Phòng Quản trị - Thiết bị - Thư viện đảm bảo vận hành đúng quy trình, hoạt động đúng chức năng, công suất theo thiết kế. Bộ phận Thiết bị kết hợp với các khoa kiểm tra các trang thiết bị của các phòng học, phòng thực hành, các hệ thống điện nước để kịp thời phát hiện ra hư hỏng và sửa chữa. Ngoài công tác bảo dưỡng thường xuyên, hằng năm vào dịp nghỉ hè Phòng Quản trị - Thiết bị - Thư viện đều có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng gia cố các hư hỏng như: bàn ghế, lát gạch các phòng học, các nhà vệ sinh, xem xét đề xử lý chống dột vào mùa mưa, khai thông cống rãnh, kiểm tra các hệ thống điện nước [5.4.10], [5.4.11], [5.4.12], 5.4.13].

Các công trình trong nhà trường được sử dụng đúng công năng, khu vực học tập và sinh hoạt vui chơi đều riêng biệt, có đội ngũ bảo vệ, quản lý, thường xuyên kiểm tra các lớp sau giờ học và có nhân viên vệ sinh hàng ngày đảm bảo vệ sinh các khu vực [5.4.09].

Hiện tại nhà trường chưa xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường.

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 4 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống các phòng học lý thuyết và các phòng thực hành được bố trí riêng biệt, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa khu vực lý thuyết và thực hành, các công trình có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đủ và đúng quy chuẩn thể hiện qua hồ sơ thiết kế các công trình của nhà trường. Nhà trường có đường giao thông nội bộ thuận tiện, các xưởng bố trí sơ đồ trang thiết bị hợp lý đảm bảo cho việc vận chuyển, lắp đặt và vận hành các thiết bị. Hệ thống các phòng học lý thuyết được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, bố trí các cửa sổ đảm bảo lấy được ánh sáng tự nhiên tối đa. Các phòng thực hành đều có bố trí đèn, quạt đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng để HSSV thực hành, thực tập [5.1.01], [5.5.02], [5.5.03], [5.5.04], [5.5.05], [5.5.06], [5.5.07].

Các công trình trong nhà trường được sử dụng đúng công năng, khu vực học tập và sinh hoạt vui chơi đều riêng biệt, có đội ngũ bảo vệ, quản lý, thường xuyên kiểm tra các lớp sau giờ học và có nhân viên vệ sinh hằng ngày đảm bảo vệ sinh các khu vực [5.5.01].

Hiện tại nhà trường chưa xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường.

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 5 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong các phòng thực hành đều có nội quy quy định việc thực hành, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, sổ bàn giao các ca thực tập tại các xưởng. Trong các phòng thực hành, thí nghiệm của trường đều có bảng thống kê danh mục thiết bị, các trang thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ đảm bảo hoạt động bình thường [5.5.03].

Nhà trường cũng đã ban hành các quy định về công tác cơ sở vật chất trong trường, bao gồm các quy định về việc đầu tư mua sắm, bảo trì, bảo dưỡng và quản lý sử dụng [5.6.01], [5.6.02], [5.6.03], [5.6.04].

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 6 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành các quy định về việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm thực hành, phòng học chuyên môn hóa. Quy định của trường phù hợp với quy định của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cơ quan quản lý trực tiếp trường. Các phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định của trường [5.6.01], [5.6.03], [5.7.01].

Nhà trường có hệ thống phòng học lý thuyết, hội trường, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn hóa, xưởng thực hành đáp ứng được hoạt động đào tạo của trường, ngoài ra hàng năm nhà trường ký hợp đồng phối hợp đào tạo thực hành thực tế tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. So với lưu lượng học sinh hiện nay là 1.369 học sinh sinh viên thì hệ thống các phòng học, xưởng thực hành và các phòng chuyên môn hóa đáp ứng được các hoạt động đào tạo của trường [5.7.02], [5.7.03], [5.7.04].

Hàng năm, nhà trường đều thực hiện kiểm tra việc sử dụng cơ sở vật chất và báo cáo thống kê hiệu quả sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm thực hành, phòng học chuyên môn hóa [5.7.02], [5.7.06], [5.7.07], [5.7.08].

Hiện tại nhà trường chưa xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường.

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 7 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Các trang thiết bị của nhà trường được đầu tư từ dự án: đầu tư xây dựng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang, dự án VSEP và dự án đầu tư ngành nghề trọng điểm nên các trang thiết bị đảm bảo chất lượng, phù hợp với công nghệ sản xuất, dịch vụ trong giai đoạn hiện nay và đáp ứng nhu cầu tối thiểu danh mục thiết bị đào tạo theo quy định Thiết bị, dụng cụ và tài liệu cho các hoạt động giảng dạy thực hành đáp ứng đúng về chủng loại, công năng, thông số kỹ thuật và đảm bảo các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh và an toàn lao động. Tất cả các máy, trang thiết bị đều có hồ sơ xuất xứ, năm sản xuất đảm bảo tính đồng bộ và được bảo dưỡng đánh giá thường xuyên [5.5.03], [5.7.02], [5.8.01], [5.8.02].

Đối với các chuyên ngành thuộc khối ngành Sư phạm, Y dược và một số ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp chưa được ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó [5.8.03], [5.8.04].

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 8 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trang thiết bị, dụng cụ trong phòng thực hành được bố trí vị trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành cho cả lớp, cả nhóm hoặc cho từng cá nhân [5.8.01], [5.5.07].

Các phòng thực hành bảo đảm các yêu cầu về thẩm mỹ khoa học và sư phạm, có hệ thống thông gió, hệ thống ánh sáng đầy đủ; an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị, dụng cụ trong phòng thực hành [5.9.01], [5.9.02], [5.4.01], [5.1.10].

Hiện tại nhà trường chưa xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường.

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 9 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành các quy định về công tác cơ sở vật chất trong trường, bao gồm các quy định về việc đầu tư mua sắm, bảo trì, bảo dưỡng và quản lý sử dụng. Trong các văn bản của trường quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo [5.6.02], [5.6.03], [5.6.04].

Hàng năm nhà trường thực hiện kế hoạch tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị đánh giá mức độ sử dụng còn lại, phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của nhà trường [5.7.02], [5.7.07].

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 10 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong các phòng thực hành chuyên môn đều có nội quy quy định việc thực hành, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, sổ bàn giao các ca thực tập tại các xưởng, các trang thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ đảm bảo hoạt động bình thường. Trong các phòng thực hành, thí nghiệm của trường đều có bảng thống kê danh mục thiết bị. Tất cả các máy, trang thiết bị đều có hồ sơ xuất xứ, năm sản xuất đảm bảo tính đồng bộ và được bảo dưỡng đánh giá thường xuyên [5.7.05], [5.7.07].

Nhà trường đã ban hành các quy định về công tác cơ sở vật chất trong trường, bao gồm các quy định về việc đầu tư mua sắm, bảo trì, bảo dưỡng và quản lý sử dụng. Trong các văn bản của trường quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo [5.4.10], [5.4.11], [5.4.12], [5.11.01], [5.11.02], [5.11.03].

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 11 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường chưa tổ chức xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cơ sở theo thẩm quyền quy định của Thông tư 07/2020/TT-BLĐTBXH. Tuy nhiên, nhà trường đã ban hành quy định về định mức vật tư tiêu hao thực hành, thí nghiệm phục vụ cho giảng dạy thực hành các ngành nghề của trường [5.12.01], [5.12.02].

Hàng năm, nhà trường luôn có các kế hoạch đề xuất nhu cầu về vật tư, vật liệu phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của các đơn vị liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo. Cuối năm học các khoa đều có báo cáo việc sử dụng vật tư tiêu hao đã được cấp phát [5.12.03], [5.12.04], [5.12.05], [5.12.06].

Nhà trường có xây dựng các văn bản quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo. Có sơ đồ bố trí các kho lưu trữ vật tư phục vụ đào tạo [5.12.07], [5.12.08].

Hiện tại nhà trường chưa xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường.

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 12 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong năm 2010 nhà trường đã được đầu tư xây dựng Thư viện có tổng diện tích sàn 2454 m², với các phòng được bố trí liên kề gồm có: Kho sách kín 180 m²; kho sách hở 320 m²; phòng đọc lớn 210 m²; các phòng đọc nghiên cứu 270 m²; phòng đọc thư viện điện tử 90 m²; phòng trưng bày, giới thiệu sách 60 m²; phòng thư mục, chỗ mượn sách 60 m²; phòng chủ nhiệm 24 m²; các phòng phục vụ sản xuất 90 m². Hiện tại nhà trường đã được đầu tư một số trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của Thư viện như: Giá trưng bày và giới thiệu sách, bàn đọc sách, bàn máy tính, tủ thư mục, máy vi tính.... [5.1.08], [5.5.04], [5.13.09], [5.13.10], [5.13.11].

Nhà trường cũng đã ban hành nội quy hoạt động của Thư viện, quy định về thời gian phục vụ và các hoạt động chuyên môn của Thư viện [5.13.01], [5.13.02], [5.13.03].

Thư viện của trường hiện có các loại sách và tài liệu phục vụ các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường; các loại sách phục vụ nâng cao trình độ chính trị tư tưởng; các loại sách báo phục vụ nhu cầu tìm hiểu về văn học, lịch sử và văn hoá. Đến nay, Thư viện trường có 2.022 đầu sách, giáo trình cho các ngành đào tạo với số lượng 6.388 quyển, được phân loại theo từng lĩnh vực như sau: Tin học, kiến thức tổng quát có 122 đầu sách với 354 quyển; Triết học và tâm lý có 95 đầu sách với 339 quyển; Kinh tế và khoa học xã hội có 719 đầu sách với 1.587 quyển; Ngoại ngữ có 156 đầu sách với 396 quyển; Khoa học tự nhiên có 155 đầu sách với 483 quyển; Công nghệ và khoa học ứng dụng có 578 đầu sách với 1.816 quyển; Nghệ thuật, mỹ thuật có 40 đầu sách với 74 quyển; Văn học có 108 đầu sách với 241 quyển; Lịch sử, địa lý có 43 đầu sách với 84 quyển; còn lại là các loại sách tham khảo khác. Đồng thời trong năm 2020, sau khi sáp nhập trường cũng đã bổ sung kịp thời giáo trình cho các ngành đào tạo và đảm bảo đủ tối thiểu 05 bản in cho mỗi loại giáo trình [1.1.06], [1.1.07], [1.1.08], [5.13.04], [5.13.05], [5.13.06], [5.13.07], [5.13.08].

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 13 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Để quản lý tốt hoạt động của thư viện và đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu học tập, tra cứu của độc giả, nhà trường đã có các quy định cụ thể về hoạt động và nội quy thư viện phù hợp với điều kiện thực tế, thư viện làm việc suốt tuần từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. Thư viện của trường hiện có các loại sách và tài liệu cơ bản phục vụ các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường; các loại sách phục vụ nâng cao trình độ chính trị tư tưởng; các loại sách báo phục vụ nhu cầu tìm hiểu về văn học, lịch sử và văn hoá [5.13.01], [5.13.04], [5.13.05], [5.13.06], [5.13.07], [5.13.08].

Thư viện hiện có 01 chuyên viên trình độ đại học chuyên ngành Thông tin Thư viện thường xuyên phục vụ tốt nhu cầu của độc giả. Thư viện nhà trường luôn hỗ trợ, tư vấn cho học HS-SV trong việc tìm, tham khảo tài liệu, cho học sinh-sinh viên mượn sách đọc tại chỗ hoặc mượn về nhà. Các loại giáo trình được phân loại theo chuyên ngành riêng biệt giúp HS-SV dễ dàng trong việc tìm kiếm [5.13.03], [5.14.01], [5.14.02], [5.14.03], [5.14.04], [5.14.05].

Thư viện còn có các hoạt động giới thiệu các loại sách mới cho người đọc thông qua các thông báo danh mục sách mới, được thông báo tại thư viện. Ngoài ra thông tin về sách mới còn được phổ biến tại các buổi họp lớp trưởng và sinh hoạt chủ nhiệm lớp.

Hằng năm, nhà trường đều thực hiện tổ chức ngày Hội đọc sách theo kế hoạch chung của tỉnh Hậu Giang [5.14.06], [5.14.07], [5.14.08], [5.14.09].

Hiện tại nhà trường chưa xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường.

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 14 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, thư viện của Trường được bổ sung trang bị 01 phòng máy tính với 30 máy tính có kết nối internet để phục vụ nhu cầu tra cứu và tìm tài liệu của người học và được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện trên máy tính [5.15.01], [5.15.02], [5.15.03], [5.15.04].

Đường truyền internet của Trường được hợp đồng với Công ty Viễn Thông tỉnh Hậu Giang lắp đặt, đáp ứng nhu cầu làm việc văn phòng và phòng đọc điện tử. Hệ thống chạy ổn định thu hút nhiều học sinh đến phòng đọc điện tử, giảm tải cho các phòng đọc sách khác, học sinh - sinh viên đến phòng đọc điện tử được nhân viên thư viện kiểm tra giám sát theo nội quy phòng máy, nên không bị ảnh hưởng xấu bởi các trò chơi game, có hiệu quả tốt đến truy cập thông tin học tập [5.13.02], [5.15.03], [5.15.04], [5.15.06], [5.15.07].

Trên địa bàn tỉnh Hậu Giang hiện nay có 1 thư viện Tỉnh, 1 trường Đại học (Đại học Cần Thơ - Khoa Nông nghiệp và phát triển nông thôn), 1 trường Cao đẳng khác (Cao đẳng Luật Miền Nam). Đồng thời nhà trường cũng liên kết phối hợp với các trường Đại học khác để đặt lớp đào tạo với hình thức liên thông, vừa làm vừa học. Thư viện các trường này có nhiều sách và tư liệu học tập tương ứng với các ngành nghề nhà trường đang đào tạo, lãnh đạo các đơn vị này có thỏa thuận để các em HS-SV các trường được tham khảo sách từ các thư viện với nhau [5.15.05].

Các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường chưa được số hóa. Hiện tại nhà trường chưa xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường.

2. Tự đánh giá tiêu chuẩn 15 đạt: 1 điểm

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

1. Mở đầu:

Theo quy định về chế độ làm việc đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang, việc thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là nhiệm vụ bắt buộc đối với nhà giáo. Nhà trường có chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến

cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo. Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường phục vụ thiết thực công tác đào tạo; có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học trong nước. Mặt khác, trường có thiết lập mối quan hệ đối tác với các trường nước ngoài, các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực giáo dục đào tạo nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

2. Những điểm mạnh:

Lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm, khuyến khích và tạo điều kiện cho tập thể cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thông qua việc ban hành các quy định, định mức kinh phí hỗ trợ và hệ thống biểu mẫu hướng dẫn.

Trường đã có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho tập thể cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên thực hiện nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Tập thể cán bộ quản lý và nhà giáo của trường có trình độ chuyên môn cao nên có nhiều thuận lợi trong nghiên cứu, viết báo và các ấn phẩm khoa học.

Có nhiều công trình nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến trong công tác quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo.

Là 1 trong 3 trường trên cả nước được thụ hưởng Dự án Kỹ năng Nghề nghiệp Việt Nam (VSEP), nhà trường có điều kiện trao đổi học tập kinh nghiệm, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, được hỗ trợ về nguồn lực tài chính và trang thiết bị dạy học, chất lượng đào tạo của nhà trường được nâng cao.

3. Những tồn tại:

Trường chưa có chính sách khuyến khích riêng theo từng lĩnh vực trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Chưa có cơ chế giám sát, kiểm tra và tổng hợp kết quả khi ứng dụng các công trình nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến vào thực tiễn công việc.

Chưa có bài báo, ấn phẩm khoa học đăng trên các báo, tạp chí khoa học quốc tế.

Tính ứng dụng thực tiễn phục vụ công việc, sản xuất chưa cao.

Trường chỉ mới thiết lập được mối quan hệ đối tác với trường Cao đẳng Durham và tổ chức Princeton In Asia.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trường sẽ có chính sách khuyến khích riêng theo từng lĩnh vực cụ thể nhằm tạo động lực cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và học sinh viên trong toàn trường tham gia nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Trường sẽ đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến phục vụ thiết thực cho công tác đào tạo của trường. Đồng thời xây dựng cơ chế giám sát, kiểm tra chặt chẽ khi ứng dụng vào thực tiễn và đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn, từng năm học.

Trường sẽ khuyến khích tập thể cán bộ quản lý và nhà giáo nghiên cứu viết bài báo, ấn phẩm khoa học nhiều hơn nữa. Đặc biệt là đăng trên các báo, tạp chí khoa học quốc tế.

Khuyến khích tập trung nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và sáng kiến cải tiến nâng cao chất lượng và phải gắn liền với thực tiễn công việc, lao động sản xuất.

Trong tương lai, trường sẽ tăng cường mở rộng mối quan hệ hợp tác quốc tế để có thể kết giao thêm nhiều đối tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục đào tạo nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	5
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1

Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, trường có chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên trong toàn trường tham gia nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; trường có ban hành quy định về công tác nghiên cứu khoa học và hằng năm nhà trường đều có thông báo đến các phòng khoa chức năng, giảng viên, giáo viên đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, cũng có nhiều chính sách hỗ trợ thực hiện cho 01 đề tài tối đa không quá 10.000.000 đồng để chi trả các chi phí phục vụ công tác nghiên cứu khoa học như: khảo sát, thu thập số liệu, hội đồng, hội thảo, văn phòng phẩm Nhà trường thông báo cho viên chức đăng ký học sau đại học và thực hiện đúng theo chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút nhân lực tỉnh Hậu Giang; và có nhiều viên chức được hưởng chế độ hỗ trợ sau đại học.

Căn cứ trên phiếu đăng ký đề tài NCKH, viết giáo trình của viên chức hằng năm. Nếu đề tài NCKH được phê duyệt thì có quyết định giao thực hiện và thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH đúng quy trình. Tất cả đề tài NCKH được nghiệm thu sẽ hỗ trợ, chi trả theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ.

Nhà trường cũng đã tham mưu và thực hiện tốt các chế độ hỗ trợ, giải quyết kinh phí thu hút nhân lực cho viên chức sau khi hoàn thành chương trình sau đại học và chi trả viết giáo trình cũng được thực hiện đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ ban hành nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo của trường [1.3.02], [1.3.04], [1.3.14], [6.1.01], [6.1.02], [6.1.03], [6.1.04], [6.1.05], [6.1.06], [6.1.07], [6.1.08], [6.1.019], [6.1.10], [6.1.11].

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Hằng năm, Nhà trường triển khai thông báo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học, nhiều sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực cho các công tác quản lý, đào tạo và hoạt động của nhà trường; và có quyết định giao đề tài NCKH, quyết định công nhận nhiều sáng kiến cải tiến phù hợp với tình hình thực tế [6.1.07], [6.2.01], [6.2.02].

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Hằng năm, trường có nhiều bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước và ngoài nước [6.1.09], [6.3.01].

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Trong những năm qua, nhà trường đã có các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến trong công tác quản lý và trong dạy học. Các đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy, các sáng kiến cải tiến là do từ tích lũy kinh nghiệm làm việc nên được ứng dụng hiệu quả hơn trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn [6.1.07], [6.2.01], [6.2.02].

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường thiết lập mối quan hệ đối tác với trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ ứng dụng Durham (Canada) thông qua Dự án Kỹ năng Nghề nghiệp Việt Nam (VSEP) do Bộ Ngoại giao, Thương mại và Phát triển Canada (DFATD) tài trợ và Công ty tư vấn Agriteam Canada quản lý.

Trong quá trình thực hiện dự án, trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ ứng dụng Durham đã đồng ý cho phép nhà trường tham khảo chương trình ngành/nghề Công nghệ Khoa học Thực phẩm và Dược phẩm để xây dựng chương trình đào tạo ngành/nghề Công nghệ Thực phẩm - Dược phẩm trình độ cao đẳng. Ban quản lý dự án VSEP cũng đã hỗ trợ, cung cấp các trang thiết bị cần thiết phục vụ giảng dạy thực hành, thí nghiệm đối với ngành/nghề học mới này. Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ ứng dụng Durham cử đoàn chuyên gia sang làm việc với cán bộ và nhà giáo của nhà trường về đối

mới phương pháp dạy học, kỹ năng hướng dẫn thực hành thí nghiệm. Đồng thời, nhà trường cũng đã cử đoàn cán bộ sang thăm và học tập kinh nghiệm tại trường đối tác – Durham. Bên cạnh đó, dự án VSEP cũng đã tài trợ 01 suất học bổng cho nhà giáo của nhà trường học tập nâng cao trình độ tại Canada để phục vụ giảng dạy ngành học mới; Hợp tác thực hiện dự án “Xây dựng mô hình đào tạo trực tuyến tạo công ăn việc làm cho người lao động ở tỉnh Hậu Giang trong thị trường ngành BPO (Dịch vụ Thuê ngoài Doanh nghiệp) ở Việt Nam”. Ngoài ra, Trường còn ký biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp có vốn nước ngoài để hợp tác đào tạo, tuyển dụng và cung ứng lao động [6.5.01], [6.5.02], [6.5.03].

2. Điểm tự đánh giá: 01 điểm.

3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

1. Mở đầu

Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang (Trường) là đơn vị hạch toán độc lập, có tài khoản và con dấu riêng. Năm 2022 Trường được phân loại là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định năm 2022 (giai đoạn 2022 - 2026) theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ (mức tự bảo đảm chi thường xuyên từ 10% đến dưới 30%), kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần chi thường xuyên. Công tác quản lý tài chính của Trường được thực hiện theo cơ chế tài chính theo quy định của Nhà Nước và nội dung chi bám sát quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

Hàng năm Trường phối hợp với Công đoàn trường tổ chức lấy ý kiến của Viên chức và người lao động và cập nhật văn bản mới về cơ chế tài chính để bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ, đồng thời gửi xin ý kiến của cơ quan quản lý trước khi ban hành. Kinh phí của Trường được phân bổ, sử dụng hiệu quả, đảm bảo minh bạch và đúng quy định.

Các nguồn kinh phí gồm: kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp, học phí của học sinh, sinh viên, các khoản thu từ hoạt động liên kết đào tạo, các nguồn thu từ dịch vụ. Được sử dụng cho các phục vụ công tác đào tạo, chi cho các hoạt động thường xuyên, mua sắm công cụ dụng cụ, trang thiết bị, sửa chữa và nâng cấp cơ sở vật chất trên tinh thần tiết kiệm và hiệu quả sử dụng nhằm mục đích nâng cao thu nhập cho viên chức và người lao động.

Các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập dựa vào nhu cầu thực tế, thông qua tình hình sử dụng kinh phí các năm trước, cân đối cho phù hợp, đúng mục đích và mục tiêu chiến lược phát triển của nhà trường. Công tác lập kế hoạch tài chính của nhà trường đạt chuẩn theo hướng dẫn, đáp ứng được yêu cầu về quản lý tài chính. Công tác quản lý tài chính của nhà trường đảm bảo đúng quy định của nhà nước, đảm bảo tính minh bạch, tiết kiệm và công khai. Thực hiện nghiêm luật ngân sách và luật kế toán.

Năm học 2021 - 2022 nhà trường đảm bảo nhiệm vụ thu và chi. Thực hiện kịp thời các khoản chi đào tạo, lương, phụ cấp, các khoản chi khác cho viên chức và người lao động và chi học bổng khuyến khích học tập, miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên, các khoản chi hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên theo quy định của Nhà nước.

Ngoài ra, nhà trường tự thực hiện công tác tự thanh kiểm tra tài chính và đánh giá hiệu quả nguồn tài chính để đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả và quản lý và sử dụng tài chính hàng năm.

Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 03 năm gần đây:

+ Năm 2020: 39.352.671.171 đồng.

+ Năm 2021: 26.717.000.000 đồng.

+ Năm 2022: 39.443.910.000 đồng

- Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 3 năm gần đây:

+ Năm 2020: 3.881.200.000 đồng.

+ Năm 2021: 3.301.660.000 đồng.

+ Năm 2022: 4.100.000.000 đồng

2. Những ưu điểm:

Trường luôn thực hiện công tác tài chính kế toán theo đúng quy định, có hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, có hệ thống sổ sách, chứng từ rõ ràng và chính xác. Thường xuyên cập nhật đầy đủ các văn bản mới, hằng năm nhà Trường đều có điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế của trường theo quy định của pháp luật.

Công tác quản lý và sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đơn vị thực hiện trích khấu hao và tính hao mòn tài sản cố định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Nhà trường luôn thực hiện nội dung công khai tài chính theo đúng quy định của nhà nước, nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính cho mục tiêu đào tạo, nâng cao mức thu nhập cho viên chức, người lao động an tâm công tác. Tất cả các khoản thu - chi đều có sự giám sát chặt chẽ của Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước và của tập thể.

Phòng Kế hoạch - Tài chính thực hiện tốt công tác lập, chấp hành dự toán và quyết toán thu chi. Trường có nguồn thu ổn định, được khai thác một cách hợp pháp và hiệu quả. Thông qua việc cân đối các nguồn tài chính, Trường đáp ứng được các hoạt động đào tạo và nâng cao thu nhập cho viên chức, người lao động. Công tác quản lý tài chính các nguồn kinh phí thực hiện đúng quy định và được theo dõi, hạch toán kế toán, sử dụng đúng mục đích, đúng yêu cầu và đặc biệt ưu tiên cho nhiệm vụ đào tạo.

Công tác quản lý tài chính và thực hiện nhiệm vụ tài chính đảm bảo đúng quy định của nhà nước, luôn đảm bảo tính minh bạch, công khai và hợp pháp.

3. Những tồn tại:

Việc phân bổ, sử dụng kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học còn hạn chế do thực hiện cơ chế tự chủ, chủ yếu chỉ là hỗ trợ văn phòng phẩm. Việc trang bị, bổ sung tài liệu cho thư viện và trang thiết bị cho công tác giảng dạy chưa nhiều.

Trường được giao tự chủ một phần chi thường xuyên trong giai đoạn đầu ổn định và dần tiến đến lộ trình tự chủ trong bối cảnh cạnh tranh lớn giữa các ngành nghề tuyển sinh làm ảnh hưởng đến nguồn thu.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí mua sắm và sửa chữa, vật tư thực tập, trang thiết bị cho các khoa phục vụ cho dạy và học. Bố trí và tăng dần nội dung chi các hoạt động nghiên cứu khoa học, giáo trình, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Trong thời gian tới nhà trường tiếp tục nghiên cứu phát triển mở rộng các loại hình dịch vụ và đào tạo nhằm tăng thêm các nguồn thu.

Điểm đánh giá tiêu chí 7:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính và công bố công khai về tài chính theo quy định nhà nước.

Năm 2022 Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang xây dựng phương án tự chủ tài chính và được cấp có thẩm quyền giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Từ cơ sở trên để quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu áp dụng thống nhất trong toàn Trường để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chi tiêu hợp lý, hiệu quả phù hợp với hoạt động đặc thù của Trường. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các tiêu cực khác, thực hiện công khai, dân chủ nhằm góp phần tích cực cho sự phát triển toàn diện của trường và tăng thu nhập tăng thêm cho viên chức và người lao động, Trường đã xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ [1.3.02].

Để thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính, nhà trường đã sử dụng phần mềm kế toán D-Soft theo dõi và tổ chức hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Từ đó giúp cho việc cung cấp, cập nhật số liệu chứng từ, sổ sách và các loại báo cáo được kịp thời, chính xác và đúng quy định [7.1.01].

Về quản lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ, năm 2020 nhà trường được Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang cấp phần mềm quản lý tài sản Misa. Hằng năm, nhà trường thực hiện bảo trì và cập nhật vào dữ liệu vào phần mềm để theo dõi và quản lý tài sản và công cụ dụng cụ theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công [7.1.02].

Hàng năm, căn cứ tình hình thực hiện thu - chi hoạt động của năm hiện hành, và yêu cầu nhiệm vụ của năm kế hoạch, nhà trường tiến hành lập kế hoạch, dự toán thu - chi ngân sách nhà nước báo cáo cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt, cấp dự toán và tổ chức thực hiện theo Nghị định số [163/2016/NĐ-CP](#) ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số [163/2016/NĐ-CP](#) ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước [7.1.03]; [7.1.04].

Đối với nguồn thu học phí, Trường căn cứ Nghị định 86/2015 ngày 02/10/2015 của Chính phủ, Quyết định 20/2016/QĐ-UBND ngày 02/08/2016 của UBND tỉnh Hậu Giang, Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 14/07/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ. Để có cơ sở quy định thu học phí, nhà trường ra quyết định thu học phí đối với từng năm học [7.1.05].

Để cân đối nguồn thu cũng như đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động, mỗi năm nhà trường tổng hợp danh mục các nguồn thu [7.1.06].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến của Viên chức và người lao động đóng góp, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế trước khi trình Sở Tài chính xem xét góp ý [7.1.07]. Nhà trường thực hiện công khai tài chính thông qua báo cáo hàng năm trong văn kiện Hội nghị viên chức và người lao động [7.1.08]; [7.1.09]. Bên cạnh đó nội dung về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tài chính đã được nhà trường công khai trên trang web của trường theo biểu mẫu của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ [7.1.10].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Trường thực hiện chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, tổ chức hạch toán kế toán đúng nội dung kết cấu tài khoản, đúng nội dung mục chi theo mục lục ngân sách nhà nước. Đồng thời mở đầy đủ hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán, báo cáo theo quy định. Các nguồn thu của Trường được quản lý chặt chẽ, thu - chi đúng quy định đối với từng khoản thu - chi. Đối với nguồn thu học phí, nhà trường có quy định mức thu hàng năm và thu học phí của sinh viên học sinh qua tài khoản ngân hàng của đơn vị không thu tiền mặt. Việc quản lý và sử dụng nguồn thu học phí được thực hiện theo Nghị định 86/2015 ngày 02/10/2015 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ [7.1.05].

Bên cạnh đó hàng năm nhà trường đều tổng hợp các nguồn thu để cân đối nguồn thu nhằm đảm bảo một phần kinh phí thường xuyên cho hoạt động thường xuyên theo

cơ chế tự chủ tài chính. Nguồn thu liên kết đào tạo với và nguồn thu cho thuê cơ sở vật chất, lệ phí xét tuyển thực hiện quản lý và sử dụng theo quy định hiện hành [7.1.06]. Nguồn thu liên kết đào tạo với các trường bạn thông qua Hợp đồng liên kết, trong hợp đồng thể hiện cụ thể mức. Khi kết thúc học kỳ 02 bên làm biên bản quyết toán [7.2.01]; [7.2.02].

Để công tác quản lý chặt chẽ và kịp thời cung cấp số liệu trong và ngoài đơn vị, nhà trường thực hiện Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, nhà trường mở hồ sơ, sổ sách kế toán để quản lý và theo dõi các nguồn thu và lưu trữ tại Phòng Kế hoạch - Tài chính đúng quy định [7.2.03].

Về việc cho thuê cơ sở vật chất thực hiện theo Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, nhà trường viết đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê trình ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tiến hành tổ chức đấu giá tài sản vào ngày 23/12/2021 để tiến hành ký hợp đồng cho thuê quyền khai thác, sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê [7.2.04].

Trên cơ sở dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được cấp trên phê duyệt, cấp dự toán, nhà trường tổ chức quản lý và sử dụng theo luật ngân sách nhà nước và chấp hành dự toán đã được phê duyệt [7.1.03]; [7.1.04].

Sở tài chính tỉnh Hậu Giang là cơ quan quản lý về mặt tài chính đối với trường, sau khi kết thúc năm tổ chức xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước cơ bản nội dung thu- chi, có hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính đầy đủ và thực hiện báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán được đánh giá đúng quy định [7.2.06]; [7.2.07].

Năm 2020, thanh tra tỉnh Hậu Giang thực hiện thanh tra trách nhiệm việc thực hiện theo quy định của pháp luật về công tác quản lý thu, chi tài chính; đầu tư xây dựng; mua sắm, quản lý tài sản đối với Hiệu trưởng Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang được đánh giá thực hiện tốt và đúng quy định [7.2.08]; [7.2.09].

Để công tác quản lý và sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo thực hiện đúng quy định và hiệu quả. Sau khi kết thúc năm nhà trường xây dựng kế hoạch tự kiểm tra tài chính mục đích nhằm đánh giá tình hình triển khai việc chấp hành dự toán ngân sách theo quy định của pháp luật về luật ngân sách nhà nước, tình hình chấp hành công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan. Đồng thời phát hiện những hạn chế để đề ra giải pháp hợp lý. Đánh giá chất lượng hoạt động, tình hình chấp hành cơ chế chính sách, quản lý các khoản thu - chi, quản lý và sử dụng tài sản tại cơ quan. Đồng thời phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các sai phạm, tổ chức rút kinh nghiệm, đánh giá những tồn tại và tìm ra nguyên nhân để đưa ra phương hướng, biện pháp khắc phục nhằm tăng cường công tác quản lý tài chính, kế toán tại đơn vị, hạn chế rủi ro về mặt khách quan [7.2.10]; [7.2.11]; [7.2.12].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường có nguồn tài chính ổn định, nguồn tài chính của trường được cấp từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

Nguồn ngân sách nhà nước được cấp ổn định cho nhà trường hàng năm thông qua công tác lập dự toán và được cấp có thẩm quyền quyết định giao dự toán hàng năm,

nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp chiếm tỷ lệ rất hơn 88% tổng số thu [7.1.03]; [7.1.04]. Sau khi kết thúc năm, Sở tài chính tỉnh Hậu Giang tổ chức xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm [7.2.06]. Về tổ chức công tác kế toán nhà trường thực hiện đúng quy định theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính và Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015 và Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 [7.2.07].

Nguồn thu liên kết đào tạo với các trường bạn thông qua Hợp đồng liên kết, biên bản quyết toán, nguồn thu này luôn đảm bảo theo số liệu dự toán đã lập [7.2.01]; [7.2.02]. Thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, nhà trường mở hồ sơ, sổ sách kế toán để quản lý và theo dõi các nguồn thu và lưu trữ tại Phòng Kế hoạch - Tài chính đúng quy định [7.2.03].

Ngoài ra Trường còn các nguồn thu hoạt động sự nghiệp như: học phí, lệ phí xét tuyển, thuê cơ sở vật chất... Nhìn chung các nguồn thu sự nghiệp của Trường luôn đảm bảo nguồn lực về tài chính theo cơ chế tự chủ tài chính là tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên giai đoạn 2022 - 2026 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ (mức tự bảo đảm chi thường xuyên từ 10% đến dưới 30%).

Với sự chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của Ban giám hiệu, phòng Kế hoạch - Tài chính tự thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính nhằm phát huy những mặt làm được, đồng thời phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các sai phạm, tổ chức rút kinh nghiệm, đánh giá những tồn tại và tìm ra nguyên nhân, đưa ra biện pháp khắc phục. Nhằm đảm bảo công tác quản lý tài chính, kế toán tại đơn vị thực hiện cơ quan đúng quy định, hạn chế sai sót trước khi trình cơ quan cấp trên quyết toán [7.2.10]; [7.2.11]; [7.2.12].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính. Tài chính của Trường được quản lý và phân bổ chi tiêu đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức chi tài chính hiện hành của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định. Nhà trường thực hiện việc quản lý tài chính bằng cách hạn chế thanh toán tiền mặt, các khoản thanh toán cho cá nhân, cho đơn vị cung ứng dịch vụ hầu hết được thanh toán qua hệ thống ngân hàng, kho bạc như: Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, ngân hàng Xây dựng, ngân hàng Scombank... Trong việc sử dụng và phân bổ nguồn kinh phí hằng năm nhà trường thực hiện theo đúng dự toán thu - chi đầu năm trong kế hoạch của năm tài chính trên cơ sở tuân thủ bám sát quy chế chi tiêu nội bộ. Định kỳ hàng năm quy chế chi tiêu nội bộ được cập nhật dựa vào quy định hiện hành và tình hình thực tế. Từ đó làm căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu, kiểm soát chi tại đơn vị tạo công bằng trong đơn vị, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi đảm bảo hiệu quả [1.3.02].

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của năm, nhà trường đều phản ánh và theo dõi trên phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp Dtssoft. Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, phần mềm sử dụng các bút toán kết chuyển lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, sổ sách kế toán để gửi báo cáo cơ quan có thẩm quyền và thực hiện lưu trữ đúng quy định theo luật kế toán 2015 [7.2.06].

Về việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán luôn đảm bảo số liệu chính xác khớp đúng giữa các báo cáo với nhau. Nhà trường đối chiếu số liệu báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán với bảng đối chiếu kho bạc theo Quyết định số 4377/QĐKBNN ngày 15 tháng 9 năm 2017 và Quyết định số 3519/QĐ-KBNN ngày 30/6/2020 [7.4.01].

Đề công tác quản lý tiền mặt tồn tại quỹ được lưu giữ tại két sắt đảm bảo đúng theo Thông tư 33/2017/TT-BTC ngày 20/4/2017 và Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Bên cạnh đó để tập trung tiền một nơi không được để ở nhiều nơi hoặc mang ra khỏi Trường, Phòng Kế hoạch - Tài chính cuối mỗi tháng phòng sẽ kiểm tra quỹ tiền mặt, đối chiếu số liệu quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt với kế toán các nguồn, qua kiểm kê quỹ tiền mặt thì công tác quản lý tài chính về tiền mặt thực hiện đúng quy định [7.4.02].

Phòng kế hoạch tài chính phối hợp với phòng Quản trị - thiết bị thư viện cập nhật số liệu về tình hình tăng, giảm tài sản và công cụ dụng cụ vào phần mềm quản lý tài sản misa do Sở Tài chính cấp. Nhìn chung công tác quản lý, sử dụng tài sản của nhà trường thực hiện đúng theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 của Bộ Tài chính [7.4.04].

Hàng năm nhà trường xây dựng dự toán thu - chi ngân sách trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhận quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước. Căn cứ vào quy định hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ, nhà trường tổ chức thực hiện dự toán theo luật ngân sách nhà nước và quy định hiện hành [7.1.03]; [7.1.04].

Định kỳ, Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang đến nhà trường kiểm tra chứng từ, hồ sơ, sổ sách và quyết toán tình hình sử dụng kinh phí các nguồn. Qua công tác quyết toán của Sở tài chính nhà trường được đánh giá về việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nhà Trường thực hiện nghiêm túc và chấp hành đúng quy định pháp luật [7.2.06].

Công tác thu - chi tài chính của Trường chủ yếu qua tài khoản ngân hàng, kho bạc, hạn chế thanh toán tiền mặt, các khoản thanh toán cho cá nhân, cho đơn vị cung ứng dịch vụ hầu hết được thanh toán qua hệ thống ngân hàng như: Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, ngân hàng Á Châu, Ngân hàng xây dựng. Hàng kỳ nhà trường thực hiện đối chiếu số liệu với ngân hàng qua sao kê tài khoản và sổ phụ ngân hàng [7.4.05].

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng năm, nhà trường đều thực hiện công tác phản ánh nội dung kinh tế và ghi chép vào sổ sách kế toán theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính, đảm bảo công tác quản lý và sử dụng, theo dõi chính xác và kịp thời [7.2.03].

Kinh phí hoạt động hàng năm của Trường bao gồm các nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn tài chính khác. Hoạt động tài chính vốn dĩ chứa đựng những rủi ro nhất định và việc công khai kinh phí hoạt động là việc phải thực hiện nhằm đảm bảo tính minh bạch. Nội dung này có ý nghĩa trong việc làm căn cứ để giải quyết các vụ việc khi có vấn đề phát sinh. Đồng thời tiếp thu ý kiến từ Viên chức và người lao động nhằm cải thiện tình hình hoạt động của cơ quan cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bên cạnh công khai nội quy, quy chế, chế độ, định mức, tiêu chuẩn là căn cứ để các chủ thể thực hiện đúng, đầy đủ và là cơ sở để xử lý khi có hành vi vi phạm. Các đối tượng chi, định mức chi, nội dung chi đều thể hiện rõ ràng, công khai và tất cả viên chức và người lao động trong nhà trường đều có thể tham gia ý kiến, kiểm tra, giám sát. Định

kỳ trong các cuộc họp Hội đồng, Hội nghị cán bộ công nhân viên chức, phòng Kế hoạch - Tài chính có báo cáo công khai dự toán thu chi hàng năm. Công khai danh mục mua sắm trang thiết bị, tài sản hàng năm, Công khai nội dung thu – chi quỹ phúc lợi, khen thưởng và các quỹ khác... Từ đó công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán đảm bảo tính công khai và minh bạch, giúp tập thể nhà trường đoàn kết và thống nhất và việc thực hiện sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước hiện hành và luật Kế toán 2015 [7.1.07]; [7.1.08]; [7.1.09]; [7.1.10].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Công tác tự kiểm tra tài chính kế toán được nhà trường thực hiện đầy đủ và kịp thời. Hằng năm, nhà trường xây dựng, tổ chức triển khai kế hoạch tự kiểm tra tài chính. Trong quá trình triển khai có tổ chức họp và có ghi biên bản tự kiểm tra tài chính, Trong biên bản, báo cáo thể hiện nội dung về công tác lưu trữ chứng từ, hạch toán kế toán, công tác thu - chi, các chế độ báo cáo... Từ đó nêu các vấn đề còn tồn tại cần khắc phục thể hiện qua biên bản, báo cáo. Đồng thời đề xuất phương hướng nâng cao hiệu quả công tác tài chính hàng năm để thực hiện tốt về công tác quản lý và sử dụng cũng như quyết toán kinh phí cho năm hiện tại và năm tiếp theo. Riêng năm 2022 thì công tác tự kiểm tra tài chính kế toán được thực hiện vào cuối quý 1 và đầu quý 2 [7.2.10]; [7.2.11]; [7.2.12].

Dựa vào báo cáo những điểm còn tồn tại, phòng Kế hoạch - Tài chính tổ chức nghiêm túc thực hiện các kết luận trong công tác tự kiểm tra tài chính và có báo cáo kết quả thực hiện 100% kết luận theo quy định trong công tác tự kiểm tra tài chính [7.5.01].

Trường thực hiện nghiêm công tác kiểm toán định kỳ và đột xuất theo quy định của Bộ Tài chính (nếu có).

Ngoài ra, cuối học kỳ và cuối năm học Phòng kế hoạch - tài chính tổng hợp báo công tác tháng và lập báo cáo tổng kết năm học. Trong báo cáo thể hiện mặt làm được và chưa làm được và đưa ra phương hướng hoạt động cho kỳ tiếp theo, báo cáo được gửi đến các bộ phận chức năng trong trường [7.5.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường, có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm Trường đều xây dựng kế hoạch đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính, đối tượng đánh giá là việc thực hiện, chấp hành dự toán, việc sử dụng nguồn kinh phí của toàn trường [7.6.01].

Nhà trường giao cho các phòng chuyên môn như phòng Kế hoạch Tài chính kết hợp với các đơn vị liên quan như phòng Đào tạo, phòng Tổ chức - Hành chính, ban thanh tra nhân dân... tổ chức triển khai kế hoạch, trong báo cáo có phản ánh các chỉ tiêu

về các nguồn thu - chi trong năm. Từ nhiệm vụ đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của Nhà trường như: Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch cho các bộ phận từ đầu năm so với dự toán phân bổ đầu năm, các khoản chi thường xuyên và không thường xuyên, rà soát, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ. Ngoài ra hàng năm Phòng Kế hoạch Tài chính có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo Nhà Trường các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng Tài chính như: Cắt giảm các khoản chi không cần thiết tránh lãng phí tài sản và nguồn lực của Nhà trường như: tiết kiệm điện, nước, xăng xe, văn phòng phẩm điều này được thể hiện trong báo cáo tài chính qua các năm. Bên cạnh đó xác định chênh lệch thu chi, nhìn chung các đơn vị đều thực hiện vượt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, cho thấy hoạt động của các đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ được giao [7.6.02]; [7.6.03].

Với sự chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của Ban Giám hiệu, sự tích cực thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao của các bộ phận phối hợp thực hiện. Qua công tác đánh giá hiệu quả sử dụng tài chính của trường, có nhiều ưu điểm. Bên cạnh những mặt ưu điểm, nhà trường còn một số mặt còn hạn chế, qua đó phòng Kế hoạch - Tài chính phát huy những mặt làm được đồng thời đã triển khai nghiêm túc thực hiện các mặt còn hạn chế và đề ra giải pháp tiết kiệm chi tăng thu nhập tăng thêm cho viên chức, tăng các nguồn trích lập các quỹ, nhằm đảm bảo mục đích phát triển trường, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, trang bị thêm trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học và thực hiện chế độ phúc lợi tốt cho người lao động an tâm công tác [7.6.04].

Để công tác đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính đi vào chiều sâu, nhà trường lấy ý kiến của viên chức, người lao động, học sinh sinh viên đối với các hoạt động của nhà trường thông qua kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát [1.1.10].

Riêng năm 2022 công đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường được thực hiện vào cuối quý 1 và đầu quý 2. Công tác này, Nhà trường thường xuyên duy trì đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính với mục đích làm tiền đề, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch tài chính và dự toán kinh phí cho những năm tiếp theo./.

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

1. Mở đầu:

Phòng Công tác Chính trị và Dịch vụ sinh viên (viết tắt là: CTCT&DVSV) là đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang được thành lập theo Quyết định số 203 /QĐ-CĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang; Phòng có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc tổ chức thực hiện công tác quản lý HSSV và hỗ trợ và cung cấp dịch vụ đối với học sinh, sinh viên (viết tắt là: HSSV); thực hiện giáo dục kỹ năng mềm cho HSSV; tổ chức và tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao trong, ngoài Trường; tham mưu thực hiện các chế độ chính sách theo quy định; công tác văn thư - lưu trữ theo quy chế công tác HSSV và quy chế đào tạo.

Tổ chức hoạt động thông tin, tuyên truyền và xây dựng đạo đức lối sống trong HSSV. Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển vào học theo quy định; Thống kê, tổng hợp dữ liệu; quản lý, lưu trữ hồ sơ và giải quyết các công việc hành chính liên quan đến HSSV; Theo dõi, đánh giá ý thức học tập, kết quả rèn luyện của HSSV; phát động,

tổ chức các phong trào thi đua, tạo điều kiện cho HSSV tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học; tham dự kỳ thi tay nghề các cấp; giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của HSSV; thường trực công tác khen thưởng và kỷ luật HSSV; Tham mưu Ban Giám hiệu trong quan hệ gắn kết với các doanh nghiệp trên địa bàn để tiếp cận thông tin và nắm yêu cầu của doanh nghiệp; tổ chức các hoạt động phối hợp giữa Nhà trường và doanh nghiệp, các tổ chức sử dụng người lao động nhằm tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho HSSV phù hợp với yêu cầu thực tiễn; khai thác các hoạt động với doanh nghiệp nhằm phục vụ hoạt động của Trường cũng như thông tin, tư vấn, giới thiệu hỗ trợ việc làm cho HSSV trong thời gian học và khi ra trường.

2. Những điểm mạnh:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch của hệ thống tổ chức quản lý HSSV thông qua các quy định, quy chế, các chính sách và bằng các phương pháp, biện pháp cụ thể, với những nội dung cụ thể nhằm đạt được các mục đích, yêu cầu của công tác HSSV. Công tác tổ chức hành chính, Công tác tổ chức, quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của HSSV (theo dõi, đánh giá ý thức học tập, rèn luyện của HSSV; phân loại, xếp loại HSSV; tổ chức thi đua, khen thưởng, kỷ luật HSSV; tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV”; tổ chức cho HSSV tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, thi HSSV giỏi, Olympic các môn học; tổ chức triển khai công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho HSSV; tổ chức cho HSSV tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ và các hoạt động ngoài giờ lên lớp khác; tổ chức đối thoại định kỳ giữa Hiệu trưởng nhà trường với HSSV; theo dõi công tác phát triển Đảng trong HSSV; tổ chức tư vấn học tập, nghề nghiệp, việc làm cho HSSV...);

Công tác y tế, thể thao; Thực hiện các chế độ, chính sách đối với HSSV; Thực hiện công tác an ninh chính trị, trật tự, an toàn, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; Thực hiện công tác quản lý HSSV nội trú, ngoại trú...

Trong những năm qua, thực hiện "Quy chế học sinh, sinh viên của nhà trường ban hành theo Quyết định số 176 /QĐ-CDCEĐ ngày 10/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang, với sự nỗ lực, cố gắng toàn diện của nhà trường, công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống cho HSSV của nhà trường đã thu được những kết quả tốt đẹp. Đa số HSSV có nhận thức đúng đắn về mục tiêu đào tạo, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có ý thức kỷ luật, có đạo đức, lối sống lành mạnh.

3. Những tồn tại:

Việc tổ chức các hoạt động nhằm tập hợp HSSV ngoại trú chưa được thực hiện, vẫn còn tình trạng buông lỏng quản lý đối với HSSV ngoại trú. Cơ sở vật chất trong khu nội trú chưa đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của HSSV, nhà ăn tập thể chưa phát huy được hiệu quả...

Phòng công tác HSSV, Hội sinh viên chưa xây dựng được các câu lạc bộ, các mô hình học thuật để tạo điều kiện giúp đỡ HSSV trong học tập, rèn luyện. Sự phối hợp giữa các phòng, khoa, giáo viên chủ nhiệm lớp với phòng Công tác HSSV chưa thật nhịp nhàng (do dịch covid -19 diễn biến phức tạp trong thời gian qua).

Do tình hình Covid-19 diễn biến phức tạp nên các năm 2019-2020, 2020-2021 không thực hiện phối hợp tổ chức Hội chợ việc làm cho Học sinh – sinh viên.

Một bộ phận HSSV còn thiếu trung thực trong học tập và thi cử, một số chưa có hoài bão, lý tưởng, một bộ phận có biểu hiện của lối sống hưởng thụ, đua đòi, chưa thực sự tự giác, tích cực trong học tập, rèn luyện.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Xây dựng kế hoạch nâng cao hiệu quả công tác quản lý HSSV và cung cấp các dịch vụ để hỗ trợ người học. Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, tổ chức hoạt động TDTT, văn nghệ.... Kịp thời tuyên dương, khen thưởng HSSV đạt thành tích cao trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác xã hội.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV. quản lý HSSV chặt chẽ, đánh giá chính xác, công bằng và khách quan, cán bộ quản lý HSSV phối hợp chặt chẽ với nhiều bộ phận để nắm bắt các thông tin về việc chấp hành của HSSV.

Nhà trường cần huy động mọi nguồn lực để nâng cấp, xây mới Kí túc xá HSSV đáp ứng nhu cầu nhà ở của các em. Nâng cao điều kiện phục vụ sinh hoạt về điện nước, đảm bảo an ninh trật tự nhằm thu hút HSSV vào ở trong khu Nội trú.

Xây dựng tiêu chí nhà trường đảm bảo an ninh trật tự và an toàn, nhà trường văn hoá, tuyên truyền pháp luật. Khơi gợi ý tưởng sáng tạo, khởi nghiệp trong HSSV

Điểm đánh giá tiêu chí 8:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	8
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1

Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Hằng năm Nhà trường tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa dành cho học sinh sinh viên khóa mới và triển khai những văn bản có liên quan đến người học, qua đó giúp học sinh, sinh viên an tâm học tập tại trường. [8.1.01]

Để đảm bảo quyền lợi dành cho học sinh sinh viên khi tham gia học tập tại trường mỗi học sinh, sinh viên khi trúng tuyển vào trường sẽ được cấp sổ tay học sinh sinh viên qua đó các em nắm bắt được tất cả các thông tin có liên quan đến người học. [8.1.02]

Nâng cao chất lượng đào tạo là nhiệm vụ hàng đầu trong từng năm học, bên cạnh đó giáo dục tư tưởng, lối sống đạo đức cho học sinh - sinh viên nhà trường, luôn quan

tâm để khi các em tốt nghiệp ra trường có đủ năng lực đạo đức tác phong công nghiệp. Nhà trường ban hành quy chế đánh giá điểm rèn luyện. [2.12.01]

Học sinh - sinh viên tham gia học tập tại trường sẽ được hưởng đầy đủ quyền lợi của người học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo Bộ lao động thương binh và Xã hội. Để học sinh - sinh viên nắm bắt kịp thời các văn bản nêu trên hàng năm nhà trường ban hành Quy chế công tác học sinh - sinh viên, quy chế đào tạo của trường. [8.01.03]

Nhà trường ban hành các chế độ, chính sách liên quan đến học sinh, sinh viên tham gia học tập tại trường và có hướng dẫn để HSSV thực hiện theo đúng quy định [8.01.04]

Học sinh sinh viên khi trúng tuyển vào trường theo nguyện vọng, Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện để các em an tâm học tập tuy nhiên để đạt được kết quả học tập tốt các em cần nghiêm chỉnh chấp hành Nội quy và quy định của nhà trường [8.01.05]

Hàng năm nhà trường tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa cho tân sinh viên được nhà trường xem là nhiệm vụ trọng tâm trong từng năm học đối với sinh viên khóa mới vì qua đó các em được nhà trường triển khai đầy đủ các chế độ chính sách của người học cũng như quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên và báo cáo kết quả học sinh đầu khóa. [8.01.06]

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh - sinh viên theo từng học kỳ và năm học được thực hiện nghiêm túc với sự tham gia của cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, các phòng ,khoa. Qua đó chất lượng đào tạo của nhà trường ngày càng nâng lên [8.01.07].

Thông báo tuyển sinh hàng năm của nhà trường được triển khai trên các phương diện thông tin đại chúng và đến tận các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông cho nên số lượng sinh viên trúng tuyển vào trường đủ các thành phần, hoàn cảnh gia đình khác nhau. Có những sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhưng sau thời gian tham gia học tập tại trường các em đã đạt được kết quả tốt. Để tạo điều kiện và khuyến khích các em hàng năm nhà trường có ban hành Quy chế cấp xét học bổng khuyến khích học tập [8.01.08].

Đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường dựa vào nhiều yếu tố từ sự quan tâm của các ngành các cấp, lãnh đạo chủ chốt của nhà trường đến các phòng khoa ban và học sinh sinh viên, hàng năm nhà trường có xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV [1.10.01].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường ban hành các chế độ, chính sách liên quan đến học sinh, sinh viên tham gia học tập tại trường và có hướng dẫn để HSSV thực hiện theo đúng quy định [8.01.04]

Hàng năm nhà trường thông kê các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách xã hội khác.[8.2.01]

Dựa vào kết quả trúng tuyển của học sinh sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng theo các ngành nghề đào tạo tại trường, xét hồ sơ trúng tuyển đầu vào từng năm và kết quả của học sinh sinh viên học ở trung học cơ sở, trung học phổ thông để thông kê số lượng chi trả kinh phí hỗ trợ học sinh sinh viên hằng năm; Chi tiết quyết toán cấp bù học phí cho học sinh sinh viên theo nghị định 86/2015/NĐ-CP; nghị định 81/2021/NĐ-CP hằng năm [8.2.02].

Nhà trường thường xuyên triển khai cập nhật các Quyết định, thông báo hỗ trợ học sinh - sinh viên trong từng năm học trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa để các em nắm bắt kịp thời [8.2.03].

Dựa vào danh sách học sinh sinh viên hưởng chế độ chính sách theo quy định nhà trường lập Sổ theo dõi xác nhận các chế độ chính sách HSSV năm học [8.2.04]

Học sinh, sinh viên hưởng chế độ chính sách được cập nhật hàng năm tại phòng Công tác chính trị và Dịch vụ sinh viên [8.2.05]

Trên cơ sở báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của các đơn vị trực thuộc trường, nhà trường báo cáo về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường tạo được sự phối hợp nhịp nhàng trong công việc giữa các phòng, khoa chức năng với nhau và phát triển theo định hướng của Trường [1.5.02].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Ngoài việc đảm bảo cho người học được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo. Người học phải lên cho mình một kế hoạch học tập thật khoa học, xác định được khối kiến thức, phân bổ thời gian cho từng loại kiến thức cụ thể để đạt thành tích tốt. Có kế hoạch, mục tiêu rõ ràng sẽ là động lực học tập. Bởi người học biết mình cần phải học vì cái gì, những loại kiến thức bạn học sẽ phục vụ vào công việc gì. Khi đó bạn sẽ chủ động học và tự học để có đủ kiến thức thực hiện mục tiêu mà bản thân đã đề ra.

HSSV thuộc diện chính sách được xếp vào nhóm ưu tiên trong hệ chính qui do nhà trường đào tạo, như: Học bổng khuyến khích học tập (HBKKHT) [8.3.01] là phần tài chính mà HSSV được hưởng trên cơ sở kết quả học tập và kết quả rèn luyện đạt được, nhằm khuyến khích học tập đạt kết quả tốt. Đối tượng được cấp học bổng khuyến học (HBKH)[8.3.02]. *Học bổng khuyến học được các tổ chức, Hội và các Quỹ trong và ngoài nhà trường tài trợ cho những HSSV có thành tích xuất sắc trong học tập, NCKH và rèn luyện, cho HSSV có hoàn cảnh thực sự khó khăn. Việc xét cấp học bổng này sẽ thông báo riêng về tiêu chuẩn đối với từng loại học bổng nhà tài trợ yêu cầu* [8.3.03].

Học sinh sinh viên thuộc chế độ chính sách theo quy định được nhà trường hướng dẫn đầy đủ các thủ tục để thực hiện một cách có hiệu quả cao nhất [8.3.04].

Thực hiện theo Quy định của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, tạo điều kiện cho học sinh sinh viên tham gia học tập tốt nhà trường hàng năm ban hành Quyết định Hỗ trợ HSSV khi tham gia học tập tại trường [8.3.05].

Phòng Công tác chính trị và Dịch vụ sinh viên phân công 01 cán bộ phụ trách công tác học sinh sinh viên thường xuyên cập nhật các văn bản có liên quan đến người học triển khai kịp thời đến cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm các lớp để triển khai đến sinh viên.[8.3.06].

Thực hiện kế hoạch hoạt động chung của nhà trường trong từng năm học các phòng chức năng các khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động của đơn vị sau cho phù hợp với nhiệm vụ được giao, góp phần cùng với nhà trường thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trong từng năm học [8.3.07].

Trên cơ sở báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của các đơn vị trực thuộc trường, nhà trường báo cáo về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường tạo được sự phối hợp nhịp nhàng trong công việc giữa các phòng, khoa chức năng với nhau và phát triển theo định hướng của Trường [1.5.02].

Đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường dựa vào nhiều yếu tố từ sự quan tâm của các ngành các cấp, lãnh đạo chủ chốt của nhà trường đến các phòng khoa ban và học sinh sinh viên, hàng năm nhà trường có xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV [1.1.10].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Thông báo tuyển sinh hàng năm của nhà trường được triển khai trên các phương diện thông tin đại chúng và đến tận các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông cho nên số lượng sinh viên trúng tuyển vào trường đủ các thành phần, hoàn cảnh gia đình khác nhau. Có những sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhưng sau thời gian tham gia học tập tại trường các em đã đạt được kết quả tốt. Để tạo điều kiện và khuyến khích các em hàng năm nhà trường có ban hành Quy chế cấp xét học bổng khuyến khích học tập [2.3.05].

Để đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên nhà trường đặc biệt là khu ký túc xá dành cho học sinh sinh viên nội trú hàng năm nhà trường ban hành Quy định ký túc xá để sinh viên thực hiện [8.4.01]

Trên cơ sở báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của các đơn vị trực thuộc trường, nhà trường báo cáo về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của trường tạo được sự phối hợp nhịp nhàng trong công việc giữa các phòng, khoa chức năng với nhau và phát triển theo định hướng của Trường [1.5.02].

Đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường dựa vào nhiều yếu tố từ sự quan tâm của các ngành các cấp, lãnh đạo chủ chốt của nhà trường đến các phòng khoa ban và học sinh sinh viên, hàng năm nhà trường có xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV [1.1.10].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá (KTX) đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Ký túc xá nội trú với tổng diện tích sàn 5.886 m², với số phòng ở là 116 phòng với diện tích 23m²/ phòng [8.5.01]; Ban giám hiệu nhà trường giao cho Phòng Công tác Chính trị HSSV tổ chức thực hiện việc quản lý Ký túc xá trường đảm bảo đủ chỗ cho học sinh sinh viên vào nội trú. Mỗi phòng được tách khu ở và khu vệ sinh riêng, Mỗi phòng bố trí có 6 đến 8 HSSV/4 giường đôi. Diện tích bình quân 2,8m²/HSSV. Khu KTX có 01 căn tin nhà ăn, nhà xe KTX, thư viện mở cửa về đêm (từ 6 giờ đến 9 giờ) phục vụ cho giảng viên lưu trú và HSSV ở KTX

Hiện nhà trường đang quản lý 100/100 người học có nhu cầu nội trú [8.5.02]. Các phòng được trang bị tiện nghi: 2 bàn học, hai tủ 4 ngăn, 4 ghế; thiết bị: 2 đèn 1m², 2 quạt trần, bình chữa cháy, ... tất cả đều đảm bảo điều kiện ăn, ở sinh hoạt và học tập của HSSV nội trú. Nhà trường có ban hành nội quy KTX, qui định cụ thể quyền và trách nhiệm đối với HSSV nội trú. Biên bản nhận hoặc trả phòng ở; phiếu báo chỉ số điện, nước hàng tháng. Phiếu báo, nghiệm thu thiết bị hư.

Xây dựng qui chế phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nhà trường trong công tác an ninh trật tự trường học. Thành lập đội tự quản trong HSSV nhất là khu KTX, cán bộ quản lý đã tuyên truyền, động viên, tổ chức cho người ở nội trú thành lập đội tự quản để làm tốt công tác tự quản, mỗi phòng ở là một gia đình nhỏ, KTX là ngôi nhà lớn. Nhiệm vụ đội tự quản trong HSSV làm nhịp cầu nối với phòng CTCT HSSV. Trong thời gian qua KTX đảm bảo tốt công tác an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, thực hiện thành công các tiêu chí: “Xanh Sạch, đẹp, an toàn, thân thiện”.Tạo sân chơi thể thao cho sinh viên sau giờ học tập như: sân bóng đá, bóng bàn, cầu lông,... [8.5.03]

Căn cứ vào kết quả trúng tuyển hàng năm phòng công tác chính trị và dịch vụ sinh viên thông kê số lượng sinh viên đang học tại cơ sở chính. [8.5.04]

Căn cứ vào đơn xin ở nội trú của học sinh sinh viên ban quản lý ký túc xá thường xuyên cập nhật số liệu học sinh sinh viên ở ký túc xá. [8.5.05]

Đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường dựa vào nhiều yếu tố từ sự quan tâm của các ngành các cấp, lãnh đạo chủ chốt của nhà trường đến các phòng khoa ban và học sinh sinh viên, hàng năm nhà trường có xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV [1.1.10].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường không có dịch vụ y tế, không có dịch vụ ăn uống, nhưng có khoa Y – Dược đủ thực hiện việc chăm sóc sức khỏe ban đầu tại trường: có Quyết định thành lập Khoa Y – Dược [8.6.01]; Có sơ đồ địa điểm phòng y tế học đường [8.6.02]; Có danh mục các thiết bị y tế cơ bản, tủ thuốc với các loại thuốc dự phòng dùng sơ cấp cứu ban

đầu [8.6.03]; Khi cấp phát thuốc cho học sinh sinh viên đều có ghi hồ sơ và lưu trữ hàng năm [8.6.04]; Hàng năm đều có báo cáo công tác y tế trường học [8.6.05].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Người học được tạo mọi điều kiện trong hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội như: Triển khai Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17-6-2016 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 Nhà trường trang bị đủ dụng cụ, xây dựng sân bãi đủ phục vụ dạy môn Giáo dục thể chất. HSSV được tham gia các hoạt động TDTT vào các ngày Lễ: Thành lập Đoàn thanh niên, Ngày Nhà giáo Việt Nam, Tổ chức mùa hè xanh Thành lập nhiều đoàn thể thao, văn nghệ tham gia Hội diễn trong và ngoài nhà trường [8.7.01].

Thực hiện phương hướng hoạt động của nhà trường trong từng năm học, các đoàn thể trong nhà trường Công đoàn, đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng đơn vị và phát động nhiều phong trào văn hóa văn nghệ thể dục thể thao [8.7.02].

Qua những lần tổ chức học sinh, sinh viên các khóa lớp tham gia tích cực đạt được những thành tích cao qua đó nhà trường lựa chọn cho HSSV tiêu biểu tham gia các phong trào cấp tỉnh thành phố góp [8.7.03].

Để đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội trong khuôn viên nhà trường hàng năm nhà trường kết hợp với công an xã Vị Tân xây dựng Quy chế phối hợp bảo vệ an ninh trật tự [8.7.04].

Phòng Quản trị thiết bị- thư viên thường xuyên theo dõi việc trực của các đ/c bảo vệ trong và ngoài giờ hành chính, đảm bảo các ca trực có đủ số lượng, thời gian 24/24 trong các ngày trong tuần kể cả thứ bảy chủ nhật [8.7.05].

Ban quản lý ký túc xá nhà trường được bố trí tại khu vực chính trong ký túc xá có phòng trực riêng được trang bị Camera để quản lý việc đi lại của học sinh sinh viên, cũng như theo dõi giờ giấc nghỉ trưa của các em. Ký túc xá được phân công trực 24/24 [8.7.06].

Thực hiện phương hướng hoạt động của nhà trường trong từng năm học, các đoàn thể trong nhà trường Công đoàn, đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng đơn vị và phát động nhiều phong trào văn hóa văn nghệ thể dục thể thao. Qua những lần tổ chức học sinh, sinh viên các khóa lớp tham gia tích cực đạt được những thành tích cao qua đó nhà trường lựa chọn cho HSSV tiêu biểu tham gia các phong trào cấp tỉnh thành phố [8.7.07].

Trên cơ sở báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của các đơn vị trực thuộc trường [1.5.01]

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm Nhà trường có lập các kế hoạch về việc tư vấn việc làm cho các Học sinh – sinh viên năm cuối để chuẩn bị cho học sinh sinh viên tốt nghiệp [8.8.01]. Phối hợp với các doanh nghiệp để lấy các thông tin tuyển dụng sau đó triển khai cho học sinh – sinh viên sắp tốt nghiệp của trường [8.8.02]. Thực hiện triển khai các thông tin về việc làm cho Học sinh – sinh viên căn cứ theo Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp liên kết đào tạo ký kết năm 2019 (hiệu lực 5 năm) [8.8.03].

Sau khi tổ chức công tác tư vấn việc làm cho Học sinh – sinh viên có Báo cáo cụ thể về công tác thực hiện [8.8.04]. Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020- 2021, 2021-2022, kế hoạch năm học 2022 – 2023 [1.1.10]

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án “Hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp”. Hàng năm đều tổ chức Hội chợ tư vấn và giới thiệu việc làm cho HSSV, giúp người học chủ động, sáng tạo trong học tập, am hiểu về ngành, nghề đang học để phát huy được năng lực nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp cũng như có những thông tin về thị trường lao động và tìm được việc làm phù hợp [8.9.01].

Nhà trường có gửi thư mời cho các đơn vị tham gia Hội chợ việc làm, phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm của tỉnh để tư vấn về việc làm sau tốt nghiệp cho các em Học sinh – sinh viên [8.9.02].

Nhà trường có lập kế hoạch cụ thể về việc phối hợp tổ chức Hội chợ việc làm cho Học sinh – sinh viên. [8.9.03]

Nhà trường có mời các đơn vị tuyển dụng như: Công ty mía đường Cần Thơ, Sở Nội vụ tỉnh, Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Y tế, ... Tư vấn người học khó khăn về kinh tế, tìm việc làm thêm bán thời gian [8.9.04]

Hàng năm, nhà trường đều có báo cáo kết quả công tác giới thiệu việc làm cho HSSV [8.9.05]. Bên cạnh đó, nhà trường còn lập phiếu khảo sát lấy ý kiến người học và người đã đi làm. Có thực hiện báo cáo tổng kết của Phòng CTCT&DVSV về việc phối hợp tổ chức Hội chợ việc làm. [8.9.06]

Đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường dựa vào nhiều yếu tố từ sự quan tâm của các ngành các cấp, lãnh đạo chủ chốt của nhà trường đến các phòng khoa ban và học sinh sinh viên, hàng năm nhà trường có xây dựng Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV [1.1.10].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9:

1. Mở đầu:

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức (khi có nhu cầu), xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức viên chức giai đoạn 2020-2025-2030 và những năm tiếp theo; có chủ trương khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đội ngũ tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị. Đội ngũ nhà giáo có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ; đạt chuẩn 100%, tỷ lệ trên chuẩn khá cao.

Tổ chức đánh giá và xếp loại viên chức và người Lao động đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy trình, quy định. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Giám sát, đánh giá chất lượng là các hoạt động có phối hợp để định hướng và kiểm soát của nhà trường về chất lượng. Việc giám sát và đánh giá về chất lượng nói chung bao gồm các hoạt động kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và cải tiến chất lượng. Trong những năm qua, nhà trường luôn quan tâm thực hiện việc cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo qua từng năm học. Nhà trường đã thực hiện báo cáo tự đánh giá, qua đó, nhà trường đã nhìn nhận được những điểm mạnh và những tồn tại yếu kém để có hướng khắc phục trong thời gian tới.

2. Những điểm mạnh:

Một số ngành đặc thù, HSSV sau khi tốt nghiệp có việc làm đúng ngành nghề đào tạo đạt 80% trở lên. Có lập phiếu khảo sát HSSV sau khi tốt nghiệp.

Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đúng quy định tại Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi, số lượng nhà giáo cơ hữu có tương đối đầy đủ để đảm nhận khối lượng công việc các ngành, nghề đào tạo theo quy định.

Đa số nhà giáo trẻ, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị. Tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học về chuyên môn đạt cao.

Ban Giám hiệu nhà trường được phân công, phân cấp rõ ràng và hợp lý; đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường Cao đẳng, là những người có tâm huyết, có trách nhiệm, đủ năng lực lãnh đạo trong quản lý, điều hành; thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn theo quy định.

Nhà trường đã thực hiện các báo cáo tự đánh giá theo đúng hướng dẫn của các Bộ chủ quản. Qua tự đánh giá nhà trường đã nhìn nhận được những điểm mạnh và những tồn tại yếu kém để có hướng khắc phục.

Trường luôn quan tâm thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo qua từng năm học thích ứng theo nhu cầu của xã hội.

3. Những tồn tại:

Một số ngành ngoài sư phạm, khối Y Dược thì các ngành còn lại chưa có cơ sở thống kê tỷ lệ có việc làm đúng với chuyên ngành.

Đội ngũ nhà giáo thừa, thiếu cục bộ (chủ yếu giảng viên dạy văn hóa, các môn chung).

Chưa thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo/ngành học.

Việc thực hiện thu thập ý kiến đánh giá của người học, doanh nghiệp, cán bộ quản lý và giáo viên còn hạn chế.

Phương án thu thập ý kiến đánh giá của người học chưa được phong phú, đa dạng. Đối tượng tham gia lấy ý kiến chủ yếu tập trung vào người học là sinh viên hệ chính quy.

Nhà trường chưa thực hiện được đánh giá ngoài.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trong thời gian tới sẽ tiến hành khảo sát ý kiến tối thiểu các đơn vị sử dụng lao động trong tỉnh và các tỉnh lân cận về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Phối hợp, để đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp sử dụng lao động với người lao động về tính chuyên môn của người lao động: đúng ngành nghề, lĩnh vực, trình độ,.. của nhà trường cần có sự tham gia phối hợp của các đơn vị tư vấn có chuyên môn và kinh nghiệm thực.

Liên hệ, phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm của các huyện, thị, thành và một số tỉnh lân cận khảo sát có việc tại các cơ sở tuyển dụng lao động có HSSV trường đào tạo sau khi tốt nghiệp có việc làm. Phối hợp với các đơn vị trực thuộc trường, tăng cường giáo dục kỹ năng sống để HSSV có thêm cơ hội tìm việc.

Tiếp tục rà soát, phân công, bố trí đội ngũ phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ đúng vị trí việc làm.

Thực hiện kế hoạch rà soát cơ cấu tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thỉnh giảng một số bộ môn còn thiếu giảng viên; cố gắng khắc phục tình trạng thừa, thiếu giảng viên.

Trong những năm tới, trường sẽ mở rộng đối tượng thu thập ý kiến đánh giá sang người học hệ vừa làm vừa học và hệ liên thông.

Có kế hoạch để từng bước cải tiến chất lượng giáo dục tiến đến thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 9:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang có học sinh sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành đào tạo. Vì vậy nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động [1.1.10], lập danh sách đơn vị sử dụng lao động và khảo sát lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, có báo cáo kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động, nhằm để phục vụ tốt cho công tác hướng nghiệp giúp HSSV tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp, đồng thời định hướng ngành nghề đào tạo của nhà trường trong việc đáp ứng nhu cầu lao động của xã hội. Sinh viên ra trường có kỹ năng nghề nghiệp tốt, đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng [9.1.01].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách có liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đầy đủ, đồng bộ về cơ cấu đội ngũ viên chức, người lao động có năng lực chuyên môn đáp ứng công việc được giao [3.3.01].

Thực hiện việc khảo sát thu thập ý kiến của viên chức quản lý và giảng viên hàng năm nhằm điều chỉnh kịp thời các chế độ chính sách, chương trình, quy trình cũng như đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo tại trường [9.2.01], có hơn 50% cán bộ quản lý, nhà giáo tham gia khảo sát [9.2.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng hiệu quả các hình thức, phương thức đào tạo chất lượng định vụ giảng dạy và việc làm.

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang có xây dựng kế hoạch khảo sát học sinh sinh viên ở các chuyên ngành đào tạo về chất lượng đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện các chế độ chính sách liên quan người học. Kế hoạch được triển khai rộng rãi đến toàn bộ học sinh, sinh viên đang học tại trường từ cao đẳng, trung cấp [1.1.10]. Khi học sinh đăng ký nhập học trường sẽ tiến hành xét và ra quyết định mở lớp [9.3.01], Xây dựng thêm kênh thông tin phản hồi để giúp các đơn vị chức năng xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ đào tạo, phục vụ người học tốt hơn. Học sinh, sinh viên cần hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và trung thực trong việc cung cấp thông tin theo mẫu phiếu. Thông tin phản hồi từ học sinh sinh viên được xử lý khách quan, trung thực và được sử dụng đúng mục đích. Phương pháp khảo sát bằng phiếu trực tiếp, làm qua mail, điện thoại trực tiếp, zalo phòng, ...Số lượng HSSV được khảo sát có tổng hợp, đánh giá, báo cáo [9.3.02].

2. Tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định. Hàng năm, để phục vụ công tác tự đánh giá, nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng [9.4.02], [9.4.03] thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng [9.4.01], hoàn thành báo cáo tự đánh giá chất lượng [9.4.04], [9.4.05] nộp đúng theo quy định và thực hiện công bố trên website của nhà trường [9.4.06].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

1. Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định. Sau kết quả tự đánh, trường luôn quan tâm thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá. Hàng năm, trường đều xây dựng kế hoạch hoạt động tổng thể của nhà trường trên các lĩnh vực hoạt động, trong đó có thể hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo [9.5.01] và báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm của nhà trường được thực hiện [9.5.02].

2. Điểm tự đánh giá: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp

1. Mô tả, phân tích, nhận định

Cuối mỗi học phần nhà trường có lập danh sách và tổ chức thi cho HSSV. Hàng năm nhà trường có thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện năm học và cuối khóa cho HSSV, đến cuối khóa học, nhà Trường thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp, hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp để xét tốt nghiệp và thi tốt nghiệp cho HSSV đủ điều kiện theo quy chế [2.14.13].

Việc chọn nghề phải phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, nhu cầu của xã hội, phù hợp với sở thích sở trường và sức khỏe của người lao động. Xem mình có thích, có cần, có yêu ngành nghề mình chọn không. Sau đó xây dựng kế hoạch cụ thể cho bản thân trong chọn ngành nghề, năng lực, nhận thức, thị trường lao động, nhu cầu xã hội, ... Xây dựng kế hoạch khảo sát theo tiến độ đào tạo nhà trường đối với HSSV năm cuối và HSSV đã tốt nghiệp. Sau chương trình đào tạo, nhà trường có phiếu thu thập số liệu HSSV tốt nghiệp có việc làm sau thời gian từ 6 tháng trở lên có việc làm qua mail, điện thoại trực tiếp [9.6.01]. Qua đó, đã thu thập được trên 80% HSSV ra trường có việc làm tại các trường THCS, các trường Mầm Non và một số công ty, doanh nghiệp trên địa bàn Hậu Giang và các tỉnh khác [1.1.10].

Bên cạnh đó còn một số HSSV ra làm trái ngành, trái nghề; một vài sinh viên còn chưa tìm được công việc phù hợp với hoàn cảnh gia đình cũng như chuyên môn nghề nghiệp.

2. Tự đánh giá: 1 điểm

PHẦN III

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Năm 2022, nhà trường đã tiến hành thực hiện tự đánh giá chất lượng theo quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hậu Giang. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá năm 2021, trường thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung minh chứng mới đối với các tiêu chuẩn đã được đánh giá đạt năm 2021; thực hiện cải tiến chất lượng, đánh giá lại đối với các tiêu chuẩn đánh giá chưa đạt trong năm 2021.

Kết quả tự đánh giá năm 2022, có 96/100 tiêu chuẩn đạt, đủ điều kiện đạt chuẩn chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn một số tiêu chuẩn chưa đạt yêu cầu trong đánh giá. Vì vậy trong thời gian tới, nhà trường sẽ tiếp tục giữ vững, duy trì, phát huy đối với các tiêu chuẩn đã đạt yêu cầu và cải tiến, nâng cao chất lượng đối với các tiêu chuẩn chưa đạt yêu cầu chất lượng.

Cụ thể, trong những năm tiếp theo trường sẽ tập trung thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng chủ yếu ở một số nội dung chính sau đây:

- Ban hành các chính sách còn thiếu so với yêu cầu của bộ tiêu chí.
- Rà soát chuẩn đầu ra đối với từng ngành nghề đào tạo.
- Tổng kết và đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường.
- Xây dựng kế hoạch cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.
- Đầu tư và đa dạng hóa các dịch vụ sinh viên.
- Thiết lập mối quan hệ với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để tạo điều kiện cho nhà giáo, sinh viên thực tập và tìm kiếm việc làm.
- Tiếp tục đánh giá thị trường lao động để xác định quy mô đào tạo và hình thức đào tạo.
- Xây dựng các chương trình kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường: công tác cán bộ, các chính sách liên quan đến CBVC và người học, công tác đào tạo, công tác giảng dạy...
- Đẩy mạnh công tác nâng cao chất lượng đào tạo: đổi mới phương pháp giảng dạy, đa dạng hóa cách đánh giá người học, ứng dụng phương tiện dạy học hiện đại...
- Xây dựng lộ trình thực hiện tự chủ.
- Tiếp tục tìm kiếm quan hệ hợp tác quốc tế.
- Đầu tư trang thiết bị và tài liệu phục vụ công tác dạy và học.
- Xây dựng thư viện điện tử và số hóa danh mục tài liệu lưu trữ.
- Xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của trường theo quy định.

PHẦN IV

ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ

Về kinh phí phục vụ cho công tác tự đánh giá: Hiện tại Tổng Cục Giáo dục Nghề nghiệp có ban hành công văn số 822/LĐTBOXH-TCGDNN ngày 11 tháng 3 năm 2020 V/v hướng dẫn nội dung và mức chi hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tuy nhiên các văn bản quy định chi tiết các khoản chi có liên quan đã hết hiệu lực. Do đó, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang khuyến nghị Tổng Cục Giáo dục Nghề nghiệp:

Xem xét ban hành văn bản quy định cụ thể mức chi hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập (trong thời gian sớm nhất)

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KT-KĐCL.

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Nguyễn Hữu Văn

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá

Phụ lục 3. Bảng mã minh chứng

Số: 285/QĐ-CĐCD

Hậu Giang, ngày 01 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng
cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HẬU GIANG

Căn cứ Quyết định số 4128/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-BLĐTBXH, ngày 12/3/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-CĐCD ngày 14/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 791/TCGDNN-KĐCL ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc thực hiện quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí - KĐCL.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2022 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2022 của nhà trường. Hội đồng bắt đầu làm việc kể từ ngày ký quyết định và giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Đoàn thể trực thuộc Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang và các Ông (Bà) có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT-KĐCL.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Văn

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số: 285/QĐ-CDCCD ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hữu Văn	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Ông Lý Thanh Tùng	Phó Hiệu trưởng	P. Chủ tịch HĐ	
3	Ông Trần Văn Trung	Phó Hiệu trưởng	P. Chủ tịch HĐ	
4	Ông Nguyễn Văn Hiền	P. Trưởng phòng KT-KĐCL	Thư ký	
5	Ông Phan Thanh Quốc	Trưởng phòng KT-KĐCL	Thành viên	
6	Ông Đoàn Văn Nuôi	P. Trưởng phòng TC-HC	Thành viên	
7	Ông Hà Văn Chiến	P. Trưởng phòng KH-TC	Thành viên	
8	Ông Nguyễn Hữu Thượng	Trưởng phòng QTTB-TV	Thành viên	
9	Ông Dương Mộng Tuấn	TP NCKH-HTQT&DN	Thành viên	
10	Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều	Trưởng phòng QLĐT	Thành viên	
11	Bà Phan Thị Diệp Thúy	Trưởng phòng CTCT&DVSV	Thành viên	
12	Ông Nguyễn Văn Thành	GV phụ trách Khoa Kinh tế	Thành viên	
13	Ông Trần Văn Hạnh	Trưởng khoa Y - Dược	Thành viên	
14	Ông Bùi Thanh Tùng	Phó khoa Khoa học CB	Thành viên	
15	Ông Lê Hoàng Thế	Trưởng khoa Nông nghiệp	Thành viên	
16	Ông Võ Văn Thắng	Trưởng khoa Điện - Điện tử	Thành viên	
17	Ông Nguyễn Tấn Tài	Trưởng khoa Xây dựng	Thành viên	
18	Ông Trần Minh Triết	Phó Trưởng khoa Cơ khí	Thành viên	
19	Ông Võ Văn Liệt	Trưởng khoa Công nghệ	Thành viên	
20	Ông Nguyễn Văn Thành	GD Chi nhánh nhà máy Dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Thành viên	
21	Ông Nguyễn Chí Tâm	Tổng Thư ký Hiệp Hội Doanh Nghiệp tỉnh Hậu Giang	Thành viên	

Số: 40/KH-CĐCD

Hậu Giang, ngày 17 tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2022

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 822/LĐTBXH-TCGDNN ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn nội dung và mức chi hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 791/TCGDNN-KĐCL ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc thực hiện quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 285/QĐ-CĐCD ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2022;

Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang phê duyệt Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2022.

I. MỤC TIÊU TỰ ĐÁNH GIÁ

- Nhằm đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề của Nhà trường để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác đào tạo.

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh toàn Trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Trường Cao đẳng, qua đó huy động tất cả các đơn vị cùng thực hiện công tác tự kiểm định.

- Thu thập và xử lý các minh chứng để chứng minh mức độ đạt chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các yêu cầu trong hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp Nhà

trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng Trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

- Chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài trong năm 2023 và những năm tiếp theo.

II. QUY TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ

Thực hiện tự đánh giá theo quy trình được quy định tại Mục 2 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp cụ thể như sau:

- 1) Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- 2) Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- 3) Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- 4) Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

III. CÔNG CỤ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Sử dụng Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2. Sử dụng Hướng dẫn đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chi tiết tại Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

3. Áp dụng các biểu mẫu, hướng dẫn gợi ý tìm minh chứng của Cục kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Sử dụng các văn bản Quy phạm pháp luật liên quan đến yêu cầu của từng chỉ số để tham chiếu.

5. Sử dụng phương pháp thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng.

IV. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Hoạt động chuẩn bị của Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

- Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp phân công cho thành viên phụ trách theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định.

- Nghiên cứu bộ tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan...

- Hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các đơn vị thuộc trường tiến hành thực hiện công tác tự đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ.

- Dự kiến nguồn lực tài chính để thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường.

2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2.1. Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng của đơn vị mình phụ trách theo nội dung và thời gian quy định.

- Tiến hành thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mỗi đơn vị.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có liên quan. Bên cạnh đó phân tích, chỉ rõ những điểm mạnh, những tồn tại và đề xuất kế hoạch nâng cao chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn của đơn vị mình phụ trách.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của đơn vị, gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng của nhà trường.

- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng cho các tiêu chí, tiêu chuẩn mà đơn vị phụ trách.

2.2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Hội đồng

- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của các đơn vị thuộc trường.

- Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Thu thập bổ sung thông tin, minh chứng (nếu cần thiết).

- Đối chiếu, đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Thống kê các văn bản pháp luật liên quan để làm cơ sở cho việc xây dựng các chuẩn mực đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp để đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của nhà trường, gửi các đơn vị thuộc trường để lấy ý kiến.

- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng nhà trường.

- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đúng thời hạn quy định.

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THEO CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CỤ THỂ

Stt	Đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách	Ghi chú
1	Ban Chấp hành Đảng bộ	<i>Tiêu chí 1: Tiêu chuẩn 9</i>	1 TC
2	Phòng Quản lý đào tạo	<i>Cơ sở dữ liệu: Giới thiệu về trường (Mục 4: Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường)</i> <i>Tiêu chí 1: Tiêu chuẩn 2</i> <i>Tiêu chí 2: Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 16, 17</i>	16 TC

		<i>Tiêu chí 3:</i> Tiêu chuẩn 6 <i>Tiêu chí 4:</i> Tiêu chuẩn 7, 9	
3	Phòng Khảo thí - KĐCL	<i>Cơ sở dữ liệu:</i> Kết quả tự đánh giá (Mục 1: Đặt vấn đề Mục 2: Tổng quan chung: Căn cứ, mục đích, yêu cầu, phương pháp và các bước tiến hành tự đánh giá) <i>Tiêu chí 1:</i> Tiêu chuẩn 7, 8 <i>Tiêu chí 2:</i> Tiêu chuẩn 12, 14, 15 <i>Tiêu chí 9:</i> Tiêu chuẩn 4, 5	7 TC
4	Phòng Tổ chức - Hành chính	<i>Cơ sở dữ liệu:</i> Giới thiệu về trường (Mục 1: Thông tin chung về trường Mục 2: Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường Mục 3: Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường) <i>Tiêu chí 1:</i> Tiêu chuẩn 1, 3, 4, 5, 6, 11, 12 <i>Tiêu chí 3:</i> Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 <i>Tiêu chí 9:</i> Tiêu chuẩn 2	22 TC
5	Phòng Kế hoạch - Tài chính	<i>Cơ sở dữ liệu:</i> Giới thiệu về trường (Mục 5. Tài chính) <i>Tiêu chí 7:</i> Tiêu chuẩn 1 đến 6	6 TC
6	Phòng QTTB - TV	<i>Cơ sở dữ liệu:</i> Giới thiệu về trường (Mục 5: Cơ sở vật chất, thư viện) <i>Tiêu chí 5:</i> Tiêu chuẩn 1 đến 15	15 TC
7	Phòng CTCT & DVSV	<i>Tiêu chí 8:</i> Tiêu chuẩn 1 đến 9 (trừ tiêu chuẩn 6) <i>Tiêu chí 9:</i> Tiêu chuẩn 1, 3, 6	11 TC
8	Phòng NCKH - HTQT&DN	<i>Tiêu chí 6:</i> Tiêu chuẩn 1 đến 5	5 TC
9	Các khoa chuyên môn	<i>Tiêu chí 2:</i> Tiêu chuẩn 9, 13 <i>Tiêu chí 4:</i> Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15. Riêng khoa y dược đánh giá thêm tiêu chuẩn 6 của tiêu chí 8	15 TC + 1 TC riêng của khoa Y Dược
10	Công đoàn, Đoàn thanh niên	<i>Tiêu chí 1:</i> Tiêu chuẩn 10	1 TC
Tổng cộng			100 TC

VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỦA LÃNH ĐẠO HỘI ĐỒNG (có phụ lục kèm theo)

VII. NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian	Nội dung công việc	Phụ trách
Từ 01/6 đến 09/6/2022	- Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.	Phòng Khảo thí - KĐCL

	- Xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chất lượng năm 2022.	
Từ 10/6 đến 23/6/2022	- Hội đồng tự đánh giá, hướng dẫn thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng năm 2022. - Các đơn vị xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chất lượng của đơn vị mình. - Phổ biến Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cho tất cả viên chức, nhân viên trong trường.	- Hội đồng TĐG - Trưởng các Phòng, Khoa, đơn vị thuộc trường
Từ 01/7 đến 30/7/2022	- Các đơn vị tiến hành thực hiện tự đánh giá chất lượng theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình. - Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của đơn vị. - Hội nghiệm thu cấp đơn vị dự thảo báo cáo tự đánh giá của đơn vị mình (<i>Có thể mời các thành viên Hội đồng tự đánh giá dự</i>) - Các đơn vị gửi báo cáo kèm theo hồ sơ minh chứng cho Hội đồng tự đánh giá (qua Ban thư ký).	Trưởng các Phòng, Khoa, đơn vị thuộc trường
Từ 15/8 đến 26/8/2022	- Hội nghiệm thu báo cáo tự đánh giá của các đơn vị.	- Hội đồng TĐG ĐV (nếu có) - Trưởng các Phòng, Khoa, đơn vị thuộc trường
Từ 29/8 đến 09/9/2022	- Các đơn vị chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá và viết phần cơ sở dữ liệu (có phân công cụ thể ở mục 5 của kế hoạch này) gửi cho Ban thư ký để tổng hợp.	Trưởng các Phòng, Khoa, đơn vị thuộc trường
Từ 12/9 đến 22/9/2022	- Ban thư ký tổng hợp báo cáo kết quả tự đánh giá (dự thảo lần 1)	- Ban thư ký
Từ 23/9 đến 14/10/2022	- Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo dự thảo lần 1.	- Hội đồng TĐG
Từ 17/10 đến 31/10/2022	Kiểm tra minh chứng	Ban thư ký
Từ 01/11 đến 15/11/2022	- Tổng hợp báo cáo dự thảo lần 2. - Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo dự thảo lần 2.	- Hội đồng TĐG - Ban thư ký
Từ 22/11 đến 10/12/2022	- Hoàn thiện, trình Hiệu trưởng ký duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng của nhà trường. - Công bố công khai báo cáo tự đánh giá chất lượng trong nội bộ nhà trường. - Lưu trữ, nộp báo cáo tự đánh giá chất lượng cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 25/12/2022.	- Hội đồng TĐG - Ban thư ký

*** Ghi chú:** Báo cáo kết quả tự đánh giá các đơn vị phải làm theo đúng mẫu quy định (có mẫu kèm theo), soạn thảo bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 13.

VIII. KINH PHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ

Có bảng dự trù kinh phí kèm theo

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của nhà trường, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân.

Yêu cầu tất cả các Phòng, Khoa, đơn vị thuộc trường phải thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KT-KĐCL.

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Nguyễn Hữu Văn

PHỤ LỤC

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHỈ ĐẠO CỦA LÃNH ĐẠO HỘI ĐỒNG

(Kèm theo Kế hoạch số: 40/KH-CDCD ngày 17 tháng 6 năm 2022

Về Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2022)

TT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị phụ trách chỉ đạo	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hữu Văn	Chủ tịch HĐ	- Phòng Tổ chức - Hành chính - Phòng Quản lý đào tạo - Phòng Kế hoạch - Tài chính - Phòng Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế và Doanh nghiệp - Trung tâm Liên kết Đào tạo và Bồi dưỡng thường xuyên	
2	Ông Trần Văn Trung	Phó Chủ tịch	- Phòng Quản trị - Thiết bị - Thư viện - Phòng Khảo thí - Kiểm định chất lượng - Khoa Điện - Điện tử - Khoa Công nghệ - Khoa Cơ khí - Khoa Nông nghiệp - Khoa Xây dựng	
3	Ông Lý Thanh Tùng	Phó Chủ tịch	- Phòng Công tác chính trị và Dịch vụ sinh viên - Khoa khoa học Cơ bản - Khoa Y- Dược - Khoa Kinh tế - Phụ trách Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên của Trường.	

V/v điều chỉnh phân công nhiệm vụ thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở Giáo dục Nghề nghiệp theo tiêu chí, tiêu chuẩn năm 2022

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang;
- Lãnh đạo các phòng, khoa chức năng.

Theo kết luận cuộc họp (ngày 27/10/2022) giữa Ban Giám hiệu Nhà trường với Lãnh đạo các phòng: Phòng Quản lý đào tạo, phòng Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế và doanh nghiệp, phòng Khảo thí – Kiểm định chất lượng, về việc giao nhiệm vụ thực hiện quy trình lựa chọn, xây dựng giáo trình giảng dạy của nhà trường.

Lãnh đạo đã thống nhất điều chỉnh phân công nhiệm vụ các đơn vị thực hiện tự đánh giá chất lượng (tại mục V về phân công nhiệm vụ các đơn vị thực hiện tự đánh giá chất lượng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn trong Kế hoạch số 40/KH-CĐCD ngày 17 tháng 6 năm 2022) cụ thể như sau:

Stt	Đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách	Ghi chú
1	Ban Chấp hành Đảng bộ	<i>Tiêu chí 1:</i> Tiêu chuẩn 9	1 TC
2	Phòng Quản lý đào tạo	<i>Cơ sở dữ liệu:</i> Giới thiệu về trường (Mục 4: Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường) <i>Tiêu chí 1:</i> Tiêu chuẩn 2 <i>Tiêu chí 2:</i> Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 16, 17 <i>Tiêu chí 3:</i> Tiêu chuẩn 6 <i>Tiêu chí 4:</i> Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	25 TC
3	Phòng Khảo thí - KĐCL	<i>Cơ sở dữ liệu:</i> Kết quả tự đánh giá (Mục 1: Đặt vấn đề Mục 2: Tổng quan chung: Căn cứ, mục đích, yêu cầu, phương pháp và các bước tiến hành tự đánh giá) <i>Tiêu chí 1:</i> Tiêu chuẩn 7, 8 <i>Tiêu chí 2:</i> Tiêu chuẩn 12, 14, 15 <i>Tiêu chí 9:</i> Tiêu chuẩn 4, 5	7 TC
4	Phòng Tổ chức - Hành chính	<i>Cơ sở dữ liệu:</i> Giới thiệu về trường (Mục 1: Thông tin chung về trường	22 TC

		Mục 2: Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường Mục 3: Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường) <i>Tiêu chí 1:</i> Tiêu chuẩn 1, 3, 4, 5, 6, 11, 12 <i>Tiêu chí 3:</i> Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 <i>Tiêu chí 9:</i> Tiêu chuẩn 2	
5	Phòng Kế hoạch - Tài chính	<i>Cơ sở dữ liệu:</i> Giới thiệu về trường (Mục 5. Tài chính) <i>Tiêu chí 7:</i> Tiêu chuẩn 1 đến 6	6 TC
6	Phòng QTTB - TV	<i>Cơ sở dữ liệu:</i> Giới thiệu về trường (Mục 5: Cơ sở vật chất, thư viện) <i>Tiêu chí 5:</i> Tiêu chuẩn 1 đến 15	15 TC
7	Phòng CTCT & DVSV	<i>Tiêu chí 8:</i> Tiêu chuẩn 1 đến 9 (trừ tiêu chuẩn 6) <i>Tiêu chí 9:</i> Tiêu chuẩn 1,3,6	11 TC
8	Phòng NCKH - HTQT&DN	<i>Tiêu chí 6:</i> Tiêu chuẩn 1 đến 5 <i>Tiêu chí 4:</i> Tiêu chuẩn 10, 11, 12, 13, 14, 15.	11 TC
9	Khoa Y dược	<i>Tiêu chí 8:</i> Tiêu chuẩn 6	1 TC
10	Công đoàn, Đoàn thanh niên	<i>Tiêu chí 1:</i> Tiêu chuẩn 10	1 TC
Tổng cộng			100 TC

*** Thời gian các đơn vị thực hiện:** Từ 01/11/2022.

Trên đây là nội dung điều chỉnh phân công nhiệm vụ các đơn vị thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2022 (Theo Kế hoạch số 40/KH- CĐCD ngày 17 tháng 6 năm 2022).

Đề nghị các đơn vị có liên quan nghiêm túc phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp (báo cáo);
- Sở Lao động - TB&XH (báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, Phòng KT-KĐCL.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Văn

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Đề án sáp nhập trường TC KT-KT-CN tỉnh Hậu Giang và trường TC KT-KT tỉnh Hậu Giang vào trường CĐCD Hậu Giang
2			1.1.02		Các quyết định thành lập trường (QĐ số 4128/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/8/2005 về việc thành lập trường CĐCD Hậu Giang của Bộ trưởng Bộ BGD&ĐT; Quyết định số 281/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang vào Trường CĐCD Hậu Giang)
3			1.1.03		Quyết định số 16/QĐ-CĐCD ngày 06/01/2022 của trường CĐCD Hậu Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường
4			1.1.04		Các quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang (Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2011-2020; Quyết định giai đoạn 2020 - 2030); Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01/06/2022 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030
5			1.1.05		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 44/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 08/6/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
6			1.1.06		Đường link công bố mục tiêu sứ mạng của trường trên, website của Trường.
7	1	2		1.1.05	Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 06/01/2016 của UBND tỉnh Hậu Giang Chương trình Thực hiện chính sách an sinh, phúc lợi xã hội; giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang
8				1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 44/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 08/6/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
9			1.2.01		Kế hoạch, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu sử dụng nhân lực của các Doanh nghiệp năm 2022, kế hoạch năm 2023
10			1.2.02		Kế hoạch, chương trình tổ chức Hội nghị gắn kết doanh nghiệp năm 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
11			1.2.03		Các biên bản ghi nhớ, hợp đồng hợp tác đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp các năm 2022
12			1.2.04		Báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực năm 2022
13			1.2.05		Bản đăng ký chỉ tiêu đào tạo của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang năm 2022
14			1.2.06		Dự án đầu tư ngành nghề trọng điểm đến năm 2025 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
15			1.2.01		Kế hoạch, Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu sử dụng nhân lực của các Doanh nghiệp năm 2022, kế hoạch năm 2023
16			1.2.02		Kế hoạch, chương trình tổ chức Hội nghị gắn kết doanh nghiệp năm 2022
17			1.2.03		Các biên bản ghi nhớ, hợp đồng hợp tác đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp các năm 2022
18			1.2.04		Báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực năm 2022
19			1.2.05		Bản đăng ký chỉ tiêu đào tạo của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang năm 2022
20			1.2.06		Dự án đầu tư ngành nghề trọng điểm đến năm 2025 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
21				1.1.04	Các quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang (Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2011-2020; Quyết định giai đoạn 2020 - 2030)
22	1	3		1.1.02	Các quyết định thành lập trường (QĐ số 4128/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/8/2005 về việc thành lập trường CĐCD Hậu Giang của Bộ trưởng Bộ BGD&ĐT; Quyết định số 281/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang vào Trường CĐCD Hậu Giang)
23			1.3.01		Các quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc trường (18 đơn vị trực thuộc)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
24				1.1.03	Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 06/01/2022 của trường CĐCĐ v/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường
25			1.3.02		Quyết định số 210/QĐ-CĐCĐ ngày 25/3/2022 về việc ban hành Quy chế chỉ tiêu nội bộ các năm 2022
26			1.3.03		Quyết định số 678/QĐ-CĐCĐ ngày 10/12/2021 của trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế thi đua khen thưởng của trường
27			1.3.04		Quyết định 706/QĐ-CĐCĐ ngày 20/12/2021 của trường CĐCĐ Hậu Giang v/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo GDNN
28			1.3.05		Quyết định số 425/QĐ-CĐCĐ ngày 08/8/2022 về ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động trường CĐCĐ Hậu Giang
29			1.3.06		QĐ số 156/QĐ-CĐCĐ ngày 10/03/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về Quy định về việc hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị cho viên chức người lao động
30			1.3.07		Quyết định 426/QĐ-CĐCĐ ngày 8/8/2022, của trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức trường CĐCĐ HG.
31			1.3.08		Quyết định số 26/QĐ-CĐCĐ ngày 18/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang v/v Quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
32			1.3.09		Quyết định số 36/QĐ-CĐCĐ ngày 19/01/2022 của trường CĐCĐ Hậu Giang v/v ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động trường CĐCĐ Hậu Giang
33			1.3.10		Quyết định số 545/QĐ-CĐCĐ ngày 4/11/2021 v/v ban hành quy định hoạt động nghiên cứu khoa học trường CĐCĐ Hậu Giang
34	1	4	1.4.01		Quyết định số 538/QĐ-TTC ngày 20/9/2020 về việc ban hành Quy định về việc rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý
35			1.4.02		Kế hoạch tổ chức rà soát các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường năm học 2021- 2022
36			1.4.03		Biên bản rà soát các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường năm 2020, 2021, 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
37			1.4.04		Báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy định, quy chế của nhà trường năm học 2021 - 2022
38			1.4.05		Các quy định, quy chế sửa đổi bổ sung theo kết quả rà soát năm học 2021 - 2022
39	1	5		1.1.03	Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 06/01/2022 của trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường
40				1.1.05	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 44/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 08/6/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
41			1.5.01		Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị trực thuộc các năm học 2021 - 2022
42			1.5.02		Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường CĐCĐ Hậu Giang năm học 2021 - 2022
43	1	6	1.6.01		Các quyết định thành lập Hội đồng trường Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 6/7/2021 về việc thành lập Hội đồng Trường
44			1.6.02		Quyết định số 418/QĐ-CĐCĐ ngày 6/9/2021 Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng trường CĐCĐ nhiệm kỳ 2021-2025
45			1.6.03		Các quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn khác (QĐ Số 66/QĐ-CĐCĐ ngày 26/01/2021 thành lập Hội đồng tuyển sinh...)
46				1.5.01	Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị trực thuộc các năm học 2021 - 2022
47			1.6.04		Các quyết định khen thưởng và công nhận danh hiệu của tập thể, cá nhân các năm học 2021 - 2022
48	1	7	1.7.01		Quyết định số 199/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Về việc thành lập phòng Khảo thí - KĐCL trực thuộc trường CĐCĐ Hậu Giang
49			1.7.02		Kế hoạch tổng thể về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến Hệ thống đảm bảo chất lượng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2025
50			1.7.03		Kế hoạch số 18/KH-CĐCĐ ngày 05/8/2019, số ngày tháng năm 2020, số ngày tháng năm 2021, số ngày tháng năm về xây dựng, vận hành, cải tiến hệ thống BDCL năm 2020, 2021, 2022
51			1.7.04		QĐ số 302/Q-CĐCĐ ngày 24/9/2010 về thành lập ban chỉ đạo xây dựng vận hành đánh giá và cải tiến hệ thống BDCL trường CĐCĐ hậu Giang

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
52			1.7.05		Bộ Báo cáo kết quả xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2019
53			1.7.06		QĐ số 113/QĐ-CĐCĐ ngày 05/3/2020 về việc Ban hành Sổ tay chất lượng năm học 2020 - 2021, Chính sách chất lượng giai đoạn 2020 - 2025, mục tiêu chất lượng và hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng năm 2020 - 2021 của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
54			1.7.07		QĐ số 313/QĐ-CĐCĐ ngày 16/6/2021 về việc Ban hành Sổ tay chất lượng năm học 2020 - 2021, Chính sách chất lượng giai đoạn 2020 -2025, mục tiêu chất lượng và hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng năm 2021 - 2022 của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
55			1.7.08		QĐ số .../QĐ-CĐCĐ ngày .../2022 về việc Ban hành Sổ tay chất lượng năm học 2020-2021, mục tiêu chất lượng và hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng năm 2022-2023 của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
56				1.1.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường (Quyết định số 158/QĐ-CĐCĐ ngày 14/4/2017; Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 14/01/2021; Quyết định số 16/QĐ-CĐCĐ ngày 06/01/2022) trong đó có mục tiêu sứ mạng của nhà trường
57			1.7.09		Link Website Trường dẫn đến Phòng Khảo thí - ĐBCL
58			1.7.10		Hệ thống Quy trình bảo đảm chất lượng Ban hành lần 1 năm 2020: 15 quy trình Ban hành lần 2 năm 2021: 16 quy trình
59			1.7.11		Quy định số .../QĐ-... ngày 05 tháng 3 năm 2020 quy định về việc sử dụng Quy trình, Công cụ bảo đảm chất lượng
60			1.7.12		QĐ số /QĐ-.... ngày 05 tháng 3 năm 2020 quy định về Hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường
61			1.7.13		Quyết định số .../QĐ-... ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng của Trường
62			1.7.14		QĐ số .../QĐ-.... ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc phân quyền truy cập Hệ thống thông tin ĐBCL theo cấp độ quản lý phục vụ việc ra QĐ quản lý, điều hành các hoạt động ĐBCL

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
63	1	8		1.7.01	Quyết định số 199/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Về việc thành lập phòng Khảo thí - KĐCL trực thuộc trường CĐCĐ Hậu Giang
64				1.5.01	Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị trực thuộc các năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023
65				1.5.02	Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường CĐCĐ Hậu Giang năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
66			1.8.01		Biên bản xét và quyết định công nhận các danh hiệu thi đua khen thưởng năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023
67				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
68	1	9	1.9.01		Quyết định số 4291 - QĐ/ĐUK ngày 06/7/2015 của Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh Hậu Giang về việc chuẩn y kết quả bầu cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Trường CĐCĐ Hậu Giang lần thứ III, nhiệm kỳ 2015 - 2020 và Quyết định số 424-QĐ/ĐUK ngày 04/6/2020 của Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Hậu Giang về việc chuẩn y Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Trường CĐCĐ Hậu Giang lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 – 2025.
69			1.9.02		Chuẩn y kết quả bầu cử 9 cấp ủy chi bộ lần thứ I, nhiệm kỳ 2022 - 2025 trực thuộc Đảng bộ Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang.
70			1.9.03		Chương trình số 06 - CTr/ĐU ngày 15/01/2021 của Đảng ủy Trường CĐCĐ Hậu Giang về thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2021.
71			1.9.04		Chương trình số 18 - CTr/ĐU ngày 25/01/2022 của Đảng ủy Trường CĐCĐ Hậu Giang về thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022.
72			1.9.05		Báo cáo số 37 - BC/ĐU ngày 02/11/2021 của Đảng ủy Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc tổng kết thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2021.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
73			1.9.06		Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2021 - 2022 của Trường CĐCD Hậu Giang.
74			1.9.07		Báo cáo số 68-BC/ĐU ngày 03/11/2022 của Đảng ủy Trường CĐCD Hậu Giang về việc tổng kết thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022. Bảng tự chấm điểm đánh giá tổ chức cơ sở Đảng năm 2022.
75			1.9.08		Các quyết định công nhận thành tích và khen thưởng của Cấp ủy cấp trên.
76			1.9.09		Quyết định số 24 - QĐ/ĐU ngày 13/01/2022 của Đảng ủy Trường CĐCD Hậu Giang về việc công nhận kết quả xếp loại chất lượng tổ chức đảng và đảng viên năm 2021.
77			1.9.10		Quyết định số 45 - QĐ/ĐU ngày 08/12/2022 của Đảng ủy Trường CĐCD Hậu Giang về việc công nhận kết quả xếp loại chất lượng tổ chức đảng và đảng viên năm 2022.
78			1.9.11		Quyết định số 25 - QĐ/ĐU ngày 14/01/2022 của Đảng ủy Trường CĐCD Hậu Giang về việc tặng giấy khen cho Chi bộ đạt danh hiệu “Trong sạch, vững mạnh tiêu biểu” năm 2021 và Quyết định số 26 - QĐ/ĐU ngày 14/01/2022 của Đảng ủy Trường CĐCD Hậu Giang về việc tặng giấy khen cho Đảng viên hoàn thành xuất sắc tiêu biểu năm 2021.
79			1.9.12		Quyết định số 46-QĐ/ĐU ngày 12/12/2022 của Đảng ủy Trường CĐCD Hậu Giang về việc tặng giấy khen cho Chi bộ đạt danh hiệu “Trong sạch, vững mạnh tiêu biểu” năm 2022 và Quyết định số 47-QĐ/ĐU ngày 12/12/2022 của Đảng ủy Trường CĐCD Hậu Giang về việc tặng giấy khen cho Đảng viên hoàn thành xuất sắc tiêu biểu năm 2022.
80	1	10	1.10.01		Quyết định số 353/QĐ-LĐLĐ ngày 09/10/2017 của Chủ tịch LĐLĐ tỉnh Hậu Giang v/v chuẩn y BCH, BTV, CT, PCT, UBKT CĐCS trường CĐCD Hậu Giang lần thứ IV, nhiệm kỳ 2017-2022
81			1.10.02		Quyết định số 486/QĐ-LĐLĐ ngày 03/3/2020 của Chủ tịch LĐLĐ tỉnh Hậu Giang v/v công nhận kết quả bầu bổ sung UVBCH CĐCS trường CĐCD Hậu Giang lần thứ IV, nhiệm kỳ 2017-2022
82			1.10.03		Quyết định số 03/QĐ-CD ngày 04/3/2019 của BCH Công đoàn trường CĐCD Hậu Giang v/v kiện toàn Ban Nữ công quần chúng CĐCS trường CĐCD Hậu Giang.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
83			1.10.04		- Quyết định số 126-QĐ/TĐTN-TCKT ngày 10/10/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Hậu Giang v/v công nhận BCH Đoàn TNCSHCM trường CĐCD Hậu Giang khóa V, nhiệm kỳ 2019-2022. - Quyết định số 349-QĐ/TĐTN-TCKT ngày 11/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Hậu Giang v/v công nhận BCH Đoàn TNCSHCM trường CĐCD Hậu Giang khóa V, nhiệm kỳ 2022-2024.
84			1.10.04		Báo cáo số 85-BC/ĐTN ngày 20/10/2021 của BTV Đoàn trường Tổng kết công tác Đoàn và Phong trào thanh niên năm 2021.
85			1.10.05		Kế hoạch số - KH/CĐ ngày /02/202 của CĐCS Trường CĐCD Hậu Giang về thực hiện nhiệm vụ năm 2020. Kế hoạch số 09-KH/CĐ ngày 24/02/2021 của CĐCS Trường CĐCD Hậu Giang về thực hiện nhiệm vụ năm 2021. Kế hoạch số 03-KH/CĐ ngày 18/02/2022 của CĐCS Trường CĐCD Hậu Giang về thực hiện nhiệm vụ năm 2022.
86			1.10.06		- Chương trình số 05-Ctr/ĐTN ngày 10/3/2020 của BTV Đoàn trường CĐCD Hậu Giang về Công tác đoàn và phong trào Thanh thiếu nhi năm 2020. - Chương trình số 07-Ctr/ĐTN ngày 18/3/2021 của BTV Đoàn trường CĐCD Hậu Giang về Công tác đoàn và phong trào Thanh thiếu nhi năm 2021. - Chương trình số 09-Chtr/ĐTN ngày 09/3/2022 của BTV Đoàn trường CĐCD Hậu Giang về Công tác đoàn và phong trào Thanh thiếu nhi năm 2022. * Một số hoạt động tiêu biểu hàng năm: * Năm 2020 - Kế hoạch số 04-KH/ĐTN ngày 06/01/2020 về việc tổ chức các hoạt động thăm hỏi, tặng quà cho mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng và các em HSSV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Tỉnh Hậu Giang nhân dịp Tết nguyên đán năm 2020 - Báo cáo số 13-BC/ĐTN ngày 10/2/2020 về việc tổ chức các hoạt động thăm hỏi, tặng quà cho mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng và các em HSSV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Tỉnh Hậu Giang nhân dịp tết nguyên đán 2020. - Kế hoạch số 05-KH/ĐTN ngày 10/2/2020 về việc tổ chức các hoạt động ngày chủ nhật xanh đồng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					loạt năm 2020 - Báo cáo số 29-BC/ĐTN ngày 12/10/2020 về việc thực hiện hoạt động “Ngày chủ nhật xanh đồng loạt năm 2020. - Kế hoạch số 09-KH/ĐTN ngày 17/7/2020 về việc tổ chức Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè năm 2020 - Báo cáo số 21-BC/ĐTN ngày 24/8/2020 về việc tổ chức Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè năm 2020. * Năm 2021 - Kế hoạch số 25-KH/ĐTN ngày 19/01/2021 về việc tổ chức các hoạt động thăm hỏi, tặng quà cho mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng và các em HSSV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Tỉnh Hậu Giang nhân dịp Tết nguyên đán năm 2021 - Báo cáo số 43-BC/ĐTN ngày 20/2/2021 về việc tổ chức các hoạt động thăm hỏi, tặng quà cho mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng và các em HSSV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Tỉnh Hậu Giang nhân dịp tết nguyên đán 2021. - Kế hoạch số 40-KH/ĐTN ngày 02/2/2021 về việc tổ chức các hoạt động ngày chủ nhật xanh đồng loạt năm 2021 - Báo cáo số 45-BC/ĐTN ngày 2/10/2021 về việc thực hiện hoạt động “Ngày chủ nhật xanh đồng loạt năm 2021. - Kế hoạch số 62-KH/ĐTN ngày 08/6/2021 về việc tổ chức Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè năm 2021 - Báo cáo số 79-BC/ĐTN ngày 17/8/2021 về việc tổ chức Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè năm 2021. * Năm 2022 - Kế hoạch số 72-KH/ĐTN ngày 29/12/2021 về việc tổ chức các hoạt động thăm hỏi, tặng quà cho mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng và các em HSSV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Tỉnh Hậu Giang nhân dịp Xuân Nhâm dần 2022 - Báo cáo số 75-BC/ĐTN ngày 20/2/2022 về việc tổ chức các hoạt động thăm hỏi, tặng quà cho mẹ

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng và các em HSSV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Tỉnh Hậu Giang nhân dịp Xuân Nhâm dần 2022. - Kế hoạch số 82-KH/ĐTN ngày 10/2/2022 về việc tổ chức các hoạt động ngày chủ nhật xanh đồng loạt năm 2022 - Báo cáo số 07-BC/ĐTN ngày 2/10/2022 về việc thực hiện hoạt động “Ngày chủ nhật xanh đồng loạt năm 2022. - Kế hoạch số 84-KH/ĐTN ngày 20/5/2022 về việc tổ chức Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè năm 2022 - Báo cáo số 110-BC/ĐTN ngày 15/8/2022 về việc tổ chức Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè năm 2022.
87			1.10.07		- QĐ số 01/QĐ-ĐTN ngày 15/10/2019 về ban hành Quy chế hoạt động của Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường CĐCD Hậu Giang Khóa V, nhiệm kỳ 2019 - 2022 - QĐ số 01/QĐ-ĐTN ngày 15/8/2022 về ban hành Quy chế hoạt động của Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường CĐCD Hậu Giang Khóa VI, nhiệm kỳ 2022 - 2024
88			1.10.08		Báo cáo số 18/BC-CĐCS ngày 05/11/2020 của BCH Công đoàn cơ sở Trường CĐCD Hậu Giang Báo cáo năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021. Báo cáo số 18/BC-CĐCS ngày 06/11/2021 của BCH Công đoàn cơ sở Trường CĐCD Hậu Giang Báo cáo năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022. Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động (Báo cáo số 47/BC-CĐCS ngày 25/10/2022 của BCH CĐ cơ sở Trường CĐCD Hậu Giang Báo cáo năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023
89			1.10.09		- Báo cáo số 28-BC/ĐTN ngày 30/9/2020 của BTV Đoàn trường Tổng kết công tác Đoàn và Phong trào thanh niên năm 2020. - Báo cáo số 85-BC/ĐTN ngày 20/10/2021 của BTV Đoàn trường Tổng kết công tác Đoàn và Phong trào thanh niên năm 2021. - Báo cáo số 10-BC/ĐTN ngày 22/10/2022 của BTV Đoàn trường Tổng kết công tác Đoàn và Phong trào thanh niên năm 2022.

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
90			1.10.10		Quyết định số 631-QĐ/LĐLĐ ngày 23/12/2020 của Liên đoàn Lao động tỉnh Hậu Giang về việc tặng Bằng khen của LĐLĐ tỉnh Hậu Giang. Quyết định số 674-QĐ/LĐLĐ ngày 02/12/2021 của Liên đoàn Lao động tỉnh Hậu Giang về việc tặng Bằng khen của LĐLĐ tỉnh Hậu Giang. Quyết định số 1028-QĐ/LĐLĐ ngày 19/9/2022 của Liên đoàn Lao động tỉnh Hậu Giang về việc tặng Bằng khen của LĐLĐ tỉnh Hậu Giang.
91			1.10.11		Quyết định số 206-QĐKT/TĐTN-VP ngày 28/12/2020 của BTV Tỉnh đoàn Hậu Giang Khen thưởng tổng kết công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi tỉnh Hậu Giang năm 2020. Thông báo số 54-TB/TĐTN-VP ngày 08/12/2021 của BTV tỉnh Đoàn Hậu Giang về việc thông báo kết quả phân loại và xếp hạng thi đua công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2021 Thông báo số 04-TB/TĐTN-VP ngày 02/12/2022 của BTV tỉnh Đoàn Hậu Giang về việc thông báo kết quả phân loại và xếp hạng thi đua công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2022. * Khen thưởng - Quyết định số 245-QĐKT/TWĐTN ngày 15/9/2020 của Ban Chấp hành TW Đoàn về việc khen thưởng tập thể có thành tích xuất sắc trong Chương trình Tiếp Sức mùa thi năm 2020. - Quyết định số 570-QĐKT/TWĐTN, ngày 30/11/2021 của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh v/v tặng bằng khen cho tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên đoàn trường CĐCD HG năm học 2020 - 2021 - Quyết định số 523-QĐKT/TWĐTN-VP, ngày 25/11/2022 của trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh v/v tặng bằng khen cho tập thể đã có thành tích xuất sắc trong triển khai chương trình thanh niên tình nguyện hè năm 2022 - Quyết định số 387-QĐKT/TWĐTN, ngày 20/09/2022 của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh v/v tặng bằng khen cho tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên đoàn trường CĐCD HG năm học 2021 - 2022
92	1	11	1.11.01		Quyết định số 08/QĐ-CĐCĐ ngày 10/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc thành lập Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
93			1.11.02		Quyết định số 167/QĐ-CĐCĐ ngày 31/8/2020, số 26/QĐ-CĐCĐ ngày 18/01/2021, của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc Ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang năm 2021
94			1.11.03		Kế hoạch số 09/KH-CĐCĐ ngày 15/01/2022, về việc Tự Kiểm tra - Thanh tra nội bộ việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp của Trường năm học 2021-2022
95			1.11.04		Trích biên bản tự kiểm tra, thanh tra nội bộ năm 2022
96			1.11.05		Báo cáo kết quả tự kiểm tra, thanh tra nội bộ năm 2022
97			1.11.06		Thông báo và Danh sách kê khai tài sản năm 2021
98			1.11.07		Các Quyết định Công nhận Ban thanh tra nhân dân và Quy chế hoạt động nhiệm kỳ 2021 - 2023
99	1	12		1.3.02	QĐ số 210/QĐ-CĐCĐ ngày 25/3/2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2022
100				1.3.03	Quyết định số 678/QĐ-CĐCĐ ngày 10/12/2021 của trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế thi đua khen thưởng của trường
101				1.3.06	QĐ số 156/QĐ-CĐCĐ ngày 10/03/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về Quy định về việc hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị cho viên chức người lao động
102				1.3.07	Quyết định 426/QĐ-CĐCĐ ngày 8/8/2022, của trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức trường CĐCĐ HG.
103			1.12.01		Báo cáo số 45/BC-CĐCĐ ngày 07/10/2022 về việc thực hiện chế độ chính sách cho viên chức và người lao động.
104			1.12.02		Danh sách và quyết định nhà giáo, viên chức được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp nặng nhọc, độc hại năm 2022
105			1.12.03		KH số 32 ngày 20/05/2022, của trường CĐCĐ Hậu Giang v/v ban hành Kế hoạch thực hiện và kết quả công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ năm 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
106			1.12.04		Kế hoạch Tổ chức các hoạt động của Công đoàn năm 2022
107			1.12.05		Báo cáo kết quả hoạt động Công đoàn và phương hướng nhiệm vụ các năm 2022
108	2	1		1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 44/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 08/6/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
109			2.1.01		Quyết định về ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo năm 2022 (Quyết định ban hành Quy định chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ đối với đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng: số 189/QĐ-CĐCĐ ngày 01/4/2021 của Hiệu trưởng trường CĐCĐ Hậu Giang)
110			2.1.02		Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, Trung cấp, sơ cấp năm 2022
111			2.1.03		Link website công khai chuẩn đầu ra
112				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2021-2022
113	2	2	2.2.01		Quyết định số 25/QĐ-CĐCĐ ngày 13/01/2022 về ban hành quy chế tuyển sinh TC, CĐ năm 2022
114			2.2.02		Quyết định số 01/ QĐ-CĐCĐ.QLĐT ngày 10/06/2022 về ban hành quy chế đào tạo thường xuyên năm 2022
115	2	3	2.3.01		Bản đăng ký chỉ tiêu đào tạo của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang năm 2022
116			2.3.02		Quyết định của Sở lao động thương binh và xã hội về việc phê duyệt Kế hoạch đăng ký chỉ tiêu đào tạo năm 2022
117			2.3.03		Quyết định của Hiệu trưởng về xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022
118			2.3.04		Kế hoạch tuyển sinh 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
119			2.3.05		Thông báo tuyển sinh và các tờ rơi, tài liệu tuyên truyền năm 2022
120			2.3.06		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh số 434/QĐ-CĐCĐ ngày 11/08/2022
121			2.3.07		Quyết định thành lập Ban tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp trực tiếp trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp của trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang số 173/QĐ-CĐCĐ ngày 07/03/2022,
122			2.3.08		Quyết định số 37/QĐ-CĐCĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc thành lập Ban Thư ký hội đồng tuyển sinh các năm 2022
123			2.3.09		Hồ sơ đăng ký học của HS năm 2022
124			2.3.10		Danh sách học sinh đăng ký tuyển sinh các đợt năm 2022
125			2.3.11		Biên bản họp xét tuyển của Ban thư ký và Hội đồng tuyển sinh năm 2022
126			2.3.12		Quyết định trúng tuyển các đợt tuyển sinh năm 2022
127			2.3.13		Danh sách HSSV trúng tuyển năm 2022
128			2.3.14		Các quyết định thành lập lớp kèm danh sách năm 2022
129			2.3.15		Kế hoạch thanh kiểm tra công tác tuyển sinh của nhà trường năm 2022
130			2.3.16		Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh của nhà trường năm 2022
131			2.3.17		Báo cáo kết quả thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2022
132			2.3.18		Kế hoạch về tổ chức Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh năm 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
133			2.3.19		Báo cáo và kết luận Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh năm 2022
134			2.3.20		Báo cáo định kỳ hàng quý về tuyển sinh gửi cơ quan chủ quản, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hậu Giang năm 2022
135				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
136	2	4		1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 44/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 08/6/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
137				2.2.02	Quyết định số 01/QĐ-CĐCĐ.QLĐT ngày 10/6/2022 về ban hành quy chế đào tạo trình độ Sơ cấp và đào tạo thường xuyên năm 2022
138			2.4.01		Quyết định số 479/QĐ-CĐCĐ ngày 07/9/2022 ban hành Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy các ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
139			2.4.02		Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung (kèm theo chương trình)
140			2.4.03		Kế hoạch đào tạo năm học 2021 - 2022
141			2.4.04		Tiến độ đào tạo năm học 2021 - 2022
142			2.4.05		Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2021 - 2022
143			2.4.06		TKB các lớp năm học 2021 - 2022
144			2.4.07		Sổ lên lớp các lớp năm học 2021 - 2022
145			2.4.08		Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2021 - 2022
146			2.4.09		Danh sách điểm kết thúc học phần của các lớp năm học 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
147			2.4.10		Danh sách người học và phương thức tổ chức đào tạo của trường: ngành/nghề, trình độ, số lượng tuyển sinh năm học 2021 - 2022
148			2.4.11		Quyết định số 481/QĐ-CĐCĐ ngày 04/10/2021 về ban hành quy định hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp
149				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2021 - 2022
150	2	5		1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 44/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 08/6/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
151				2.4.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung (kèm theo chương trình)
152				2.3.11	Biên bản họp xét tuyển của Ban thư ký và Hội đồng tuyển sinh năm 2022
153				2.3.12	Quyết định trúng tuyển các đợt tuyển sinh năm 2022
154				2.3.14	Các quyết định thành lập lớp kèm danh sách năm 2022
155				2.4.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2021 - 2022
156				2.4.04	Tiến độ đào tạo năm học 2021 - 2022
157				2.4.05	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2021 - 2022
158				2.4.06	TKB các lớp năm học 2021 - 2022
159				2.4.07	Sổ lên lớp các lớp năm học 2021 - 2022
160				2.4.08	Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2021 - 2022
161			2.5.01		Báo cáo tổng kết hoạt động phòng đào tạo năm học 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
162	2	6		2.4.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2021 - 2022
163				2.4.04	Tiến độ đào tạo năm học 2021 - 2022
164				2.4.05	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2021 - 2022
165			2.6.01		Kế hoạch của nhà giáo 2021 - 2022
166				2.4.06	TKB các lớp năm học 2021 - 2022
167				2.4.07	Sổ lên lớp các lớp năm học 2021 - 2022
168				2.4.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2021 - 2022
169				2.4.08	Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2021 - 2022
170				1.11.03	Kế hoạch về việc Tự Kiểm tra - Thanh tra nội bộ việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp của Trường năm học 2021 - 2022
171				1.11.05	Các biên bản tự kiểm tra, thanh tra nội bộ năm 2022
172				1.11.06	Báo cáo kết quả tự kiểm tra, thanh tra nội bộ năm 2022
173				2.5.01	Báo cáo tổng kết hoạt động phòng đào tạo năm học 2021 - 2022
174	2	7		2.4.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung (kèm theo chương trình)
175			2.7.01		Hợp đồng/BB thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho học sinh, sinh viên đi thực hành, thực tập năm 2022
176			2.7.02		KH Thực tập tại doanh nghiệp các lớp năm 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
177			2.7.03		Đề cương thực tập các lớp năm học 2022
178			2.7.04		Các Quyết định về việc cử sinh viên đi thực tập năm 2022
179			2.7.05		Các Quyết định cử giáo viên giảng dạy thực tập năm 2022
180			2.7.06		Danh sách giáo viên hướng dẫn thực hành tại các đơn vị năm 2022
181			2.7.07		Danh sách sinh viên thực tập năm 2022
182			2.7.08		Bảng điểm thực tập, thực hành của HSSV các năm 2022
183			2.7.09		Phiếu nhận xét HSSV thực tập tại doanh nghiệp các lớp năm 2022
184			2.7.10		Báo cáo kết quả thực tập của HSSV năm 2022
185			2.7.11		Báo cáo kết quả hướng dẫn thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động năm 2022
186	2	8		2.4.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung (kèm theo chương trình)
187				2.4.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2021-2022
188				2.4.04	Tiến độ đào tạo năm học 2021-2022
189				2.4.05	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2021-2022
190				2.4.06	TKB các lớp năm học 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
191				2.4.07	Sổ lên lớp các lớp năm học 2021 - 2022
192				2.4.08	Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2021 - 2022
193			2.8.01		Kế hoạch hội giảng các năm 2022
194			2.8.02		Báo cáo kết quả hội giảng 2022
195			2.8.03		Quyết định khen thưởng công tác hội giảng năm 2022
196				2.5.01	Báo cáo tổng kết hoạt động phòng đào tạo năm học 2021-2022
197			2.8.04		Kế hoạch kiểm tra, giám sát về hồ sơ, sổ sách, giờ giảng năm học 2021 - 2022 của nhà trường
198			2.8.05		Các BB kiểm tra hồ sơ đào tạo năm học 2021 - 2022, biên bản dự giờ tại các khoa
199			2.8.06		Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của phòng Đào tạo, Khảo thí và KĐCL năm học năm học 2021 - 2022
200				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2021 - 2022
201	2	9	2.9.01		Hợp đồng thuê viết hệ thống quản lý đào tạo UIIS
202			2.9.02		Tên phần mềm: Hệ thống quản lý đào tạo UIIS
203			2.9.03		Danh sách cấp tài khoản truy cập phần mềm của cán bộ, học sinh năm 2022
204			2.9.04		Danh mục các bài giảng - video điện tử của giáo viên năm học 2021 - 2022
205				1.5.02	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của trường năm học 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
206				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2021-2022
207	2	10		1.11.01	Quyết định của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc thành lập Ban Tự Kiểm tra - Thanh tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp tại các phòng, khoa chức năng trực thuộc trường CĐCD Hậu Giang
208				1.11.02	Quyết định của Hiệu trưởng Trường CĐCD Hậu Giang về việc Ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang năm 2022
209				1.11.03	Kế hoạch về việc Tự Kiểm tra - Thanh tra nội bộ việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp của Trường năm học 2021 - 2022
210				1.11.05	Các biên bản tự kiểm tra, thanh tra nội bộ năm 2022
211				1.11.06	Báo cáo kết quả tự kiểm tra, thanh tra nội bộ năm 2022
212				2.8.04	Kế hoạch kiểm tra, giám sát về hồ sơ, sổ sách, giờ giảng các năm học 2021 - 2022 của nhà trường
213				2.8.05	Các biên bản kiểm tra hồ sơ đào tạo năm học 2021 - 2022, biên bản dự giờ tại các khoa
214				2.8.06	Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của phòng Đào tạo, Khảo thí và KĐCL năm học năm học 2021 - 2022
215	2	11		2.8.04	Kế hoạch kiểm tra, giám sát về hồ sơ, sổ sách, giờ giảng các năm học 2021 - 2022 của nhà trường
216				2.8.05	Các biên bản kiểm tra hồ sơ đào tạo năm học 2021 - 2022, biên bản dự giờ tại các khoa
217				2.8.06	Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của phòng Đào tạo, Khảo thí và KĐCL năm học năm học 2021 - 2022
218				1.5.02	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của trường năm học 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
219				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
220	2	12		2.2.02	Quyết định số 01/QĐ - CĐCD.QLĐT ngày 10/6/2022 về ban hành quy chế đào tạo trình độ Sơ cấp và đào tạo thường xuyên năm 2022
221				2.4.01	Quyết định số 172/QĐ - CĐCD ngày 08/4/2020, 795/QĐ-CĐCD ngày 09/9/2020, 479/QĐ - CĐCD ngày 07/9/2022 ban hành Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy các ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
222			2.12.01		Quyết định số 177/QĐ - CĐCD ngày 10/4/2020 về ban hành quy chế đánh giá điểm rèn luyện học sinh sinh viên hệ chính quy
223			2.12.02		Quyết định số 331/QĐ - CĐCD ngày 26/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Ban hành quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng;
224			2.12.01		Quyết định số 331/QĐ - CĐCD ngày 26/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Ban hành quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng
225			2.12.03		Quyết định số 815/QĐ - CĐCD Về việc phê duyệt mẫu phôi chứng chỉ đào tạo, mẫu phôi giấy chứng nhận;
226			2.12.04		Các báo cáo xác nhận phôi bằng, chứng chỉ năm 2020, 2022 với cơ quan quản lý nhà nước
227	2	13		1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 44/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 08/6/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
228				2.4.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung (kèm theo chương trình)
229				2.1.02	Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, Trung cấp, sơ cấp năm 2022
230				2.7.01	Hợp đồng/BB thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho học sinh, sinh viên đi thực hành, thực tập năm 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
231				2.7.07	Danh sách sinh viên thực tập năm 2022
232				2.7.08	Bảng điểm thực tập, thực hành của HSSV các năm 2022
233				2.7.09	Phiếu nhận xét HSSV thực tập tại doanh nghiệp các lớp năm 2022
234				2.7.10	Báo cáo kết quả thực tập của HSSV năm 2022
235			2.13.01		Danh sách đại diện các đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả của người học năm 2022
236	2	14		2.2.02	Quyết định số 01/QĐ-CĐCĐ.QLĐT ngày 10/6/2022 về ban hành quy chế đào tạo trình độ Sơ cấp và đào tạo thường xuyên năm 2022
237				2.4.01	Quyết định số 172/QĐ-CĐCĐ ngày 08/4/2020, 795/QĐ - CĐCĐ ngày 09/9/2020, 479/QĐ-CĐCĐ ngày 07/9/2022 ban hành Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy các ngành thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.
238				2.12.01	Quyết định số 177/QĐ-CĐCĐ ngày 10/4/2020 về ban hành quy chế đánh giá điểm rèn luyện học sinh sinh viên hệ chính quy
239				2.12.02	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 26/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Ban hành quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng;
240			2.14.01		QĐ thành lập HĐ coi thi kết thúc học phần năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022
241			2.14.02		Biên bản chọn đề thi 2020 - 2021, 2021 - 2022
242			2.14.03		Hồ sơ tổ chức thi kết thúc học phần năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022
243			2.14.04		Danh sách HSSV dự thi kết thúc học phần năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022
244			2.14.05		Quyết định số 225/QĐ-CĐCĐ ngày 27/4/2021, số.... thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
245			2.14.06		Biên bản xét kết quả rèn luyện của học sinh năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022
246			2.14.07		Phiếu đánh giá điểm rèn luyện của học sinh năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022
247			2.14.08		Bảng tổng hợp kết quả điểm rèn luyện của học sinh năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022
248			2.14.09		Quyết định thành lập hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp năm 2020, 2021, 2022
249			2.14.10		Biên bản xét điều kiện dự thi tốt nghiệp năm 2020, 2021, 2022
250			2.14.11		Quyết định thành lập hội thi tốt nghiệp năm 2020, 2021, 2022
251			2.14.12		Quyết định thành lập các ban giúp việc hội đồng thi tốt nghiệp 2020, 2021, 2022
252			2.14.13		Hồ sơ tổ chức thi tốt nghiệp năm 2020, 2021, 2022
253			2.14.14		Quyết định thành lập hội đồng xét điều kiện tốt nghiệp năm 2020, 2021, 2022
254			2.14.15		Biên bản xét điều kiện nghiệp năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
255			2.14.16		Quyết định công nhận tốt nghiệp của học sinh năm 2020, 2021, 2022 kèm danh sách sinh viên tốt nghiệp
256			2.14.17		Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp năm học 2020, 2021, 2022
257			2.14.18		Đề nghị cấp phôi bằng để in năm 2020, 2021, 2022
258			2.14.19		Báo cáo tình hình sử dụng phôi bằng năm 2020, 2021, 2022
259				1.11.03	Kế hoạch số.../KH-CĐCĐ ngày .../2019, .../KH-CĐCĐ ngày .../2020, 03/KH-CĐCĐ ngày 18/01/2021, .../KH-CĐCĐ ngày/2022 về việc Tự Kiểm tra - Thanh tra nội bộ việc chấp hành

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					pháp luật về giáo dục nghề nghiệp của Trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023
260				1.11.05	Các biên bản tự kiểm tra, thanh tra nội bộ năm 2020, 2021, 2022
261				1.11.06	Báo cáo kết quả tự kiểm tra, thanh tra nội bộ năm 2020, 2021, 2022
262	2	15		1.4.01	Kế hoạch tổ chức rà soát các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường năm 2020, 2021, 2022
263				1.4.02	Biên bản rà soát các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường năm 2020, 2021, 2022
264				1.4.03	Báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy định, quy chế của nhà trường năm 2020, 2021, 2022
265				1.4.03	Báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy định, quy chế của nhà trường năm 2020, 2021, 2022
266				1.4.04	Các quy định, quy chế sửa đổi bổ sung theo kết quả rà soát năm 2020, 2021, 2022
267				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
268	2	16	2.16.01		Danh mục các ngành nghề đào tạo liên thông trình độ cao đẳng năm 2022
269			2.16.02		Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo liên thông
270			2.16.03		Quyết định tuyển sinh đào tạo liên thông năm 2022
271				1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 44/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 08/6/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
272				2.4.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung (kèm theo chương trình)
273			2.16.04		Kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, thông báo tuyển sinh hệ liên thông các năm học 2021 - 2022
274			2.16.05		Danh sách các ngành nghề tuyển sinh chương trình liên thông năm học 2021 - 2022
275			2.16.06		Báo cáo tổng kết hoạt động phòng đào tạo năm học 2021 - 2022 (có nội dung thực hiện tuyển sinh liên thông)
276			2.16.07		Báo cáo kết quả đào tạo liên thông năm học 2021 - 2022
277				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2021 - 2022
278	2	17	2.17.01		http://qltd.hgcc.edu.vn/
279			2.17.02		Hợp đồng ký kết về xây dựng và viết phần mềm quản lý đào tạo với Trung tâm công nghệ phần mềm - Đại học Cần Thơ năm 2015
280			2.17.03		Hợp đồng ký kết về quản trị dữ liệu trên phần mềm quản lý đào tạo với công ty viễn thông quốc tế FPT năm 2022
281			2.17.04		Quyết định số 1022/QĐ-CĐCĐ ngày 7/10/2020 về thành lập ban xây dựng trang thông tin điện tử trường cao đẳng cộng đồng Hậu Giang
282			2.17.05		Biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng trang thông tin điện tử trường CĐCĐ Hậu Giang năm 2018, 2020
283			2.17.06		Quyết định về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trang thông tin điện tử của trường
284			2.17.07		Quyết định về thành lập ban biên tập website của trường

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
285				1.5.01	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của các khoa, phòng, bộ môn và các đơn vị thuộc năm học 2021 - 2022
286				1.5.02	Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường CĐCD Hậu Giang năm học 2021 - 2022
287				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2021 - 2022
288	3	1		1.1.03	Quyết định số 16/QĐ-CĐCD ngày 06/01/2022 của trường CĐCD Hậu Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường
289			3.1.01		Quy trình tuyển dụng của trường CĐCD Hậu Giang
290			3.1.02		Văn bản quy hoạch của trường (Quyết định số 828/QĐ-CĐCD ngày 16/9/ 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Hậu Giang về việc phê duyệt chức danh trưởng phó, phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường CĐCD Hậu Giang giai đoạn 2020-2025 (A1); Quyết định số 852/QĐ-CĐCD ngày 22/9/ 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Hậu Giang về việc phê duyệt bổ sung chức danh phó phòng, khoa CTCT&DVSV thuộc Trường CĐCD Hậu Giang giai đoạn 2020-2025 (A1))
291			3.1.03		Quyết định số 341 ngày 08/07/2022, của trường CĐCD Hậu Giang v/v ban hành Quy định định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức quản lý và viên chức thuộc trường
292				1.12.05	Quyết định số 828/QĐ-CĐCD ngày 16/9/ 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Hậu Giang về việc phê duyệt chức danh trưởng phó, phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường CĐCD Hậu Giang giai đoạn 2020-2025 (A1) Quyết định số 852/QĐ-CĐCD ngày 22/9/ 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Hậu Giang về việc phê duyệt bổ sung chức danh phó phòng, khoa CTCT&DVSV thuộc Trường CĐCD Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2025 (A1)
293				1.3.05	Quyết định số 35/QĐ-CĐCD ngày 25/01/2021; Quyết định số 425/QĐ-CĐCD ngày 08/8/2022 về ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động trường CĐCD Hậu Giang

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
294	3	2		3.1.01	Quy trình tuyển dụng (QĐ số 313/QĐ-CĐCĐ Hậu Giang ngày 16/6/2021 V/v công bố Sổ tay chất lượng, Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng và Hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang)
295			3.2.01		Thông báo tuyển dụng năm 2022
296			3.2.02		Hồ sơ tuyển dụng trong các năm 2022 (quyết định thành lập hội đồng tuyển dụng, biên bản họp)
297			3.2.03		Hợp đồng lao động và phân công nhiệm vụ
298				3.1.02	Văn bản quy hoạch của trường (Quyết định số 828/QĐ-CĐCĐ ngày 16/9/ 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc phê duyệt chức danh trưởng phó, phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường CĐCĐ Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2025 (A1); Quyết định số 852/QĐ-CĐCĐ ngày 22/9/ 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc phê duyệt bổ sung chức danh phó phòng, khoa CTCT&DVSV thuộc Trường CĐCĐ Hậu Giang giai đoạn 2020-2025 (A1))
299			3.2.04		Các quyết định bổ nhiệm viên chức quản lý của trường năm 2022
300			3.2.05		Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng viên chức (QĐ số 313/QĐ-CĐCĐ Hậu Giang ngày 16/6/2021 V/v công bố Sổ tay chất lượng, Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng và Hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang)
301			3.2.06		Kế hoạch số 16/KH-CĐCĐ ngày 10/7/2019 Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, LLCT cho VC, NLĐ giai đoạn 2020-2030 và những năm tiếp theo.
302			3.2.07		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm học 2021 - 2022
303			3.2.08		Quyết định số 437/QĐ-CĐCĐ ngày 15/8/2022 về việc thành lập Hội đồng đánh giá, phân loại viên chức năm học 2021 - 2022
304			3.2.09		Quyết định số 543/QĐ-CĐCĐ ngày 20/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
305			3.2.10		Quyết định số 29/QĐ-CĐCĐ ngày 18/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế làm việc của Trường CĐCĐ Hậu Giang
306			3.2.11		KH số 44/KH-CĐCĐ ngày 08/07/2022 về Kế hoạch và Báo kết quả chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức trường CĐCĐ Hậu Giang năm 2022
307				1.3.02	Quyết định số 210/QĐ-CĐCĐ ngày 25/3/2022 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2022
308				1.12.01	Báo cáo số 45/BC-CĐCĐ ngày 07/10/2022 về việc thực hiện chế độ chính sách cho viên chức và người lao động.
309			3.2.12		Danh sách viên chức được hưởng phụ cấp ưu đãi 25% và 40% đối với giảng viên ngành sư phạm năm học 2021 - 2022.
310				1.12.02	Danh sách và quyết định nhà giáo, viên chức được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp nặng nhọc, độc hại các năm 2022
311	3	3	3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, viên chức, người lao động năm học 2021 - 2022
312			3.3.02		Hồ sơ quản lý nhà giáo, CBQL, viên chức, người lao động
313			3.3.03		Báo cáo về trình độ chuyên môn của viên chức (kèm danh sách trích ngang của đội ngũ nhà giáo).
314	3	4		1.1.03	Quyết định số 16/QĐ - CĐCĐ ngày 06/01/2022 của trường CĐCĐ Hậu Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường
315				3.3.03	Báo cáo về trình độ chuyên môn của viên chức (kèm danh sách trích ngang của đội ngũ nhà giáo).
316				3.3.02	Hồ sơ quản lý nhà giáo, CBQL, viên chức, người lao động
317				3.2.09	Quyết định số 543/QĐ - CĐCĐ ngày 20/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2021 - 2022
318			3.4.01		Biên bản đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2021-2022
319	3	5		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, viên chức, người lao động các năm học 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
320				1.3.04	Quyết định 706/QĐ-CĐCĐ ngày 20/12/2021 của trường CĐCĐ Hậu Giang v/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo GDNN
321				2.4.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2021 - 2022
322				2.4.04	Tiến độ đào tạo năm học 2021 - 2022
323				2.4.05	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2021 - 2022
324			3.5.01		Bảng tổng hợp giờ giảng nhà giáo năm học 2021 - 2022
325			3.5.02		Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ năm học 2021 - 2022
326			3.5.03		Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo
327	3	6		2.4.03	Kế hoạch đào tạo năm học 2021 - 2022
328				2.4.04	Tiến độ đào tạo năm học 2021 -2022
329				2.4.05	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2021 - 2022
330				2.4.07	Sổ lên lớp các lớp năm học 2021 - 2022
331				2.4.08	Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2021 - 2022
332			3.6.01		Danh sách các lớp đang đào tạo: Tổng cộng: 46 lớp (29 Cao đẳng, 17 Trung cấp)
333	3	7		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, viên chức, người lao động năm học 2021-2022
334				1.3.04	Quyết định 706/QĐ-CĐCĐ ngày 20/12/2021 của trường CĐCĐ Hậu Giang v/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo GDNN
335				3.2.05	Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng viên chức (Ban hành kèm theo QĐ số 113/QĐ-CĐCĐ Hậu Giang ngày 05/3/2020 v/v công bố Sổ tay chất lượng, Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng và Hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
336				3.2.06	Kế hoạch số 16/KH-CĐCĐ ngày 10/7/2019 Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, LLCT cho VC, NLĐ giai đoạn 2020-2030 và những năm tiếp theo.
337				3.2.07	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm học 2021 - 2022
338			3.7.01		Quyết định số 156 ngày 10/3/2021, của trường CĐCĐ Hậu Giang v/v Quy định hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức, người lao động

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
339			3.7.02		Thông báo về việc đăng ký bồi dưỡng các năm 2022
340			3.7.03		Biên bản xét cử viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng các năm 2022
341			3.7.04		Quyết định và Danh sách cử viên chức đi học tập năm 2022
342			3.7.05		Thông báo kết quả cử viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng các năm 2022
343	3	8		3.2.06	Kế hoạch số 16/KH-CĐCĐ ngày 10/7/2019 Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, LLCT cho VC, NLĐ giai đoạn 2020-2030 và những năm tiếp theo.
344				3.7.04	Quyết định và Danh sách cử viên chức đi học tập năm 2022
345					Bảng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận, hình ảnh của các lớp đào tạo, bồi dưỡng tập huấn các năm 2022
346	3	9		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, viên chức, người lao động năm học 2021-2022
347			3.9.01		Kế hoạch nhà giáo đi đào tạo, bồi dưỡng tại đơn vị sử dụng lao động của nhà trường năm học 2021 - 2022
348			3.9.02		Quyết định và Danh sách nhà giáo cơ hữu được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất hàng năm (có cả nội dung tìm hiểu)
349	3	10		1.5.01	Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường CĐCĐ Hậu Giang năm học 2021 - 2022
350	3	11		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, viên chức, người lao động năm học 2021-2022
351				3.3.02	Hồ sơ quản lý nhà giáo, CBQL, viên chức, người lao động
352				1.1.02	Quy tổ chức và hoạt động của trường (Quyết định số 16 ngày 06/01/2022)
353			3.11.01		Quyết định số 417/QĐ-CĐCĐ ngày 02/8/2022 của trường CĐCĐ Hậu Giang v/v Phân công nhiệm vụ Ban giám hiệu
354				3.4.01	Biên bản họp đánh giá viên chức (có thành viên BGH) năm học 2021 - 2022
355				3.2.09	Quyết định số 543/QĐ-CĐCĐ ngày 20/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2021-2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
356			3.11.02		Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức của UBND tỉnh năm 2021
357				1.5.01	Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường CĐCD Hậu Giang năm học 2021 - 2022
358				1.5.01	Báo cáo số 105/BC-CĐCD ngày 30/10/2021 về việc báo cáo tổng kết năm học 2020 - 2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021 - 2022.
359	3	12		1.1.03	Quyết định số 16/QĐ-CĐCD ngày 06/01/2022 của trường CĐCD Hậu Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường
360				3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, viên chức, người lao động năm học 2021 - 2022
361				1.1.01	Đề án sáp nhập trường TC KT-KT-CN tỉnh Hậu Giang và trường TC KT-KT tỉnh Hậu Giang vào trường CĐCD Hậu Giang
362			3.12.01		Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại (Hồ sơ theo quy trình của trường, Công văn trả lời thẩm định về tiêu chuẩn chính trị của Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; Văn bản trả lời của Sở Nội vụ về việc bổ nhiệm viên chức các năm 2022)
363				3.2.04	Các quyết định bổ nhiệm viên chức quản lý của trường năm 2022
364	3	13		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, viên chức, người lao động năm học 2021 - 2022
365				3.3.02	Hồ sơ quản lý nhà giáo, CBQL, viên chức, người lao động
366				1.5.01	Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường CĐCD Hậu Giang năm học 2021 - 2022
367				3.4.01	Biên bản họp đánh giá viên chức (có thành viên BGH) năm học 2021 - 2022
368				3.2.09	Quyết định số 543/QĐ - CĐCD ngày 20/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Hậu Giang về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2021 - 2022
369	3	14		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, viên chức, người lao động năm học 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
370				3.2.06	Kế hoạch số 16/KH-CĐCĐ ngày 10/7/2019 Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, LLCT cho VC, NLĐ giai đoạn 2020 - 2030 và những năm tiếp theo.
371				3.7.04	Quyết định và Danh sách cử viên chức đi học tập năm 2022
372				3.8.01	Bằng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận, hình ảnh của các lớp đào tạo, bồi dưỡng tập huấn các năm 2020, 2021, 2022
373	3	15		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, viên chức, người lao động các năm 2020, 2021, 2022
374				3.3.02	Hồ sơ quản lý nhà giáo, CBQL, viên chức, người lao động
375				3.2.07	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường năm học 2021 - 2022
376				3.7.04	Quyết định và Danh sách cử viên chức đi học tập năm 2022
377				3.8.01	Bằng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận, hình ảnh của các lớp đào tạo, bồi dưỡng tập huấn các năm
378				1.5.01	Báo cáo tổng kết và phương hướng của trường năm học 2021 - 2022
379	4	1		2.1.02	Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, Trung cấp, sơ cấp năm 2022
380				2.1.01	Quyết định về ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo năm 2022
381				1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 44/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 08/6/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
382			4.1.01		Danh sách thống kê CTĐT năm học 2021-2022
383				2.4.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung (kèm theo chương trình)

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
384			4.1.02		Bộ CTĐT năm 2022
385	4	2	4.2.01		Quy trình/quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT; rà soát, cập nhật, điều chỉnh bổ sung CTĐT ban hành năm 2018, 2021
386			4.2.02		QĐ V/v thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo các hệ ngành CĐ,TC năm 2022
387			4.2.03		Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, biên soạn CTĐT các cấp trình độ năm 2022 (cấp trường)
388			4.2.04		Kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng CTĐT năm 2022 (cấp khoa)
389			4.2.05		Biên bản họp nghiệm thu CTĐT năm 2022 (cấp khoa)
390			4.2.06		Các biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT các trình độ năm 2022
391			4.2.07		Kế hoạch tổ chức Hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia năm 2022
392			4.2.08		QĐ v/v thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các hệ ngành CĐ, TC năm 2022
393			4.2.09		Biên bản họp thẩm định và nghiệm thu CTĐT năm 2022
394				2.4.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung (kèm theo chương trình)
395				4.1.02	Bộ CTĐT năm 2022
396	4	3		4.2.02	QĐ V/v thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo các hệ ngành CĐ,TC năm 2022
397				4.1.02	Bộ CTĐT năm 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
398				2.1.02	Danh mục các nghề đào tạo theo trình độ Cao đẳng, Trung cấp, sơ cấp năm 2022
399				2.1.01	Quyết định về ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo năm 2022
400	4	4		4.2.02	QĐ V/v thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo các hệ ngành CĐ,TC năm 2022
401				4.1.02	Bộ CTĐT năm 2022
402				4.2.06	Các biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT các trình độ năm 2022
403				4.2.07	KH tổ chức hội thảo và phiếu lấy ý kiến của các chuyên gia năm 2022
404			4.4.01		Danh sách CBQL, NG, ĐVSDLĐ tham gia xây dựng CTĐT năm 2022 (Ban chủ nhiệm, hội đồng thẩm định, chuyên gia tham gia hội thảo)
405				4.2.09	Biên bản họp thẩm định và nghiệm thu CTĐT năm 2022
406				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát người học, nhà giáo, quản lý và các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2021 - 2022
407	4	5		4.2.02	QĐ V/v thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo các hệ ngành CĐ,TC năm 2022
408				4.2.06	Các biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT các trình độ năm 2022
409				4.2.07	KH tổ chức hội thảo và phiếu lấy ý kiến của các chuyên gia năm 2022
410 411				4.4.01	Danh sách CBQL, NG, ĐVSDLĐ tham gia xây dựng CTĐT năm 2022 (Ban chủ nhiệm, hội đồng thẩm định, chuyên gia tham gia hội thảo)
42				4.2.09	Biên bản họp thẩm định và nghiệm thu CTĐT năm 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
413				2.4.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung (kèm theo chương trình)
414				4.1.02	Bộ CTĐT năm 2022
415				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát người học, nhà giáo, quản lý và các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2021 - 2022
416	4	6		2.4.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung (kèm theo chương trình)
417				4.1.02	Bộ CTĐT năm 2022
418				2.16.02	Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo liên thông
419			4.6.01		Thỏa thuận/văn bản chấp thuận của cơ sở giáo dục đại học với trường.
420			4.6.02		Công văn phúc đáp/thông báo tuyển sinh liên thông năm 2022
421			4.6.03		Chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học của cơ sở giáo dục đại học.
422			4.6.04		Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành.
423				2.16.03	Quyết định tuyển sinh đào tạo liên thông năm 2022
424				2.16.04	Kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, thông báo tuyển sinh hệ liên thông các năm học 2021-2022
425				2.16.07	Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo liên thông của trường năm học 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
426	4	7		2.4.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung (kèm theo chương trình)
427				4.1.02	Bộ CTĐT năm 2022 (trong đó có chương trình đào tạo liên thông)
428				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát người học, nhà giáo, quản lý và các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2021 - 2022
429				4.2.03	Kế hoạch rà soát, điều chỉnh và ban hành CTĐT các cấp trình độ năm 2022
430			4.7.01		Báo cáo/văn bản thể hiện kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo năm 2022
431				4.2.01	Quy trình/quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT; rà soát, cập nhật, điều chỉnh bổ sung CTĐT năm 2018, 2021
432			4.7.02		Các quyết định về việc thành lập các ban rà soát, điều chỉnh bổ sung CTĐT năm 2022
433			4.7.03		Biên bản làm việc của ban rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2022
434			4.7.04		KH tổ chức hội thảo và phiếu lấy ý kiến của các chuyên gia về sửa đổi CTĐT năm 2022
435			4.7.05		Các quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT sửa đổi năm 2022
436				4.2.09	Biên bản họp thẩm định và nghiệm thu CTĐT năm 2022
437	4	8		2.4.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung (kèm theo chương trình)
438				4.1.02	Bộ CTĐT năm 2022
439				4.2.03	Kế hoạch rà soát, điều chỉnh và ban hành CTĐT các cấp trình độ năm 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
440			4.8.01		Danh mục các tài liệu tham khảo nước ngoài năm 2022
441			4.8.02		CTĐT nước ngoài đã tham khảo của các nghề năm 2022
442			4.8.03		Thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật năm 2022
443			4.8.04		Báo cáo về việc sử dụng kết quả tham khảo chương trình nước ngoài có liên quan đến chương trình đang đào tạo năm 2022
444				2.4.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung (kèm theo chương trình)
445	4	9		4.1.02	Bộ CTĐT năm 2022 (trong đó có chương trình đào tạo liên thông)
446				2.16.02	Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo liên thông năm 2022
447			4.9.01		Biên bản họp rà soát các mô-đun, môn học mà người học không phải học khi học chương trình liên thông từ trung cấp lên cao đẳng năm 2022
448			4.9.02		Quyết định về việc ban hành các mô-đun, môn học mà người học không phải học khi học chương trình liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng các ngành năm 2019
449				2.4.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo tất cả các nghề được cấp phép, kể cả các nghề bổ sung (kèm theo chương trình)
450	4	10		1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 110/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 22/9/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
451		10		1.1.07	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 71/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
452		10		1.1.08	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 44/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 08/6/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
435		10	4.10.01		Quyết định số 541/QĐ-CĐCĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 về việc ban hành danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các nghề trình độ trung cấp
453		10	4.10.02		Bản in GTĐT năm 2022
454		10	4.10.03		Danh mục thống kê CTĐT năm 2022
455		10	4.10.04		Danh mục GTĐT sử dụng cho các nghề trình độ trung cấp ban hành kèm theo quyết định số 541/QĐ-CĐCĐ ngày 16/9/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
456	4	11		4.10.01	Quyết định số 541/QĐ-CĐCĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 về việc ban hành danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các nghề trình độ trung cấp
457		11		4.10.02	Bản in GTĐT năm 2022
458		11		4.10.04	Danh mục GTĐT sử dụng cho các nghề trình độ trung cấp ban hành kèm theo quyết định số 541/QĐ-CĐCĐ ngày 16/9/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
459	4	12		1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 110/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 22/9/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
460		12		1.1.07	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 71/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
461		12		1.1.08	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 44/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 08/6/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
462		12		4.10.01	Quyết định số 541/QĐ-CĐCĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 về việc ban hành danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các nghề trình độ trung cấp
463		12		4.10.02	Bản in GTĐT năm 2022
464		12		4.10.04	Danh mục GTĐT sử dụng cho các nghề trình độ trung cấp ban hành kèm theo quyết định số 541/QĐ-CĐCĐ ngày 16/9/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
465	4	13		4.10.01	Quyết định số 541/QĐ-CĐCĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 về việc ban hành danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các nghề trình độ trung cấp
466		13		4.10.02	Bản in GTĐT năm 2022
467		13		4.10.04	Danh mục GTĐT sử dụng cho các nghề trình độ trung cấp ban hành kèm theo quyết định số 541/QĐ-CĐCĐ ngày 16/9/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
468	4	14			Không có minh chứng
469	4	15		4.10.01	Quyết định số 541/QĐ-CĐCĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 về việc ban hành danh mục giáo trình đào tạo sử dụng cho các nghề trình độ trung cấp
470		15		4.10.02	Bản in GTĐT năm 2022
471		15		4.10.04	Danh mục GTĐT sử dụng cho các nghề trình độ trung cấp ban hành kèm theo quyết định số 541/QĐ-CĐCĐ ngày 16/9/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
472	5	1		1.1.03	Các quyết định thành lập trường (QĐ số 4128/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/8/2005 về việc thành lập trường CĐCĐ Hậu Giang của Bộ trưởng Bộ BGD&ĐT; Quyết định số 281/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ tỉnh Hậu Giang và Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang vào Trường CĐCĐ Hậu Giang)
473			5.1.01		Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường
474			5.1.02		Sơ đồ mặt bằng thiết kế cung cấp điện, nước các khối công trình của trường
475			5.1.03		Sơ đồ vị trí và mô tả hệ thống giao thông tại địa điểm của trường thể hiện giao thông thuận tiện
476			5.1.04		Sơ đồ vị trí của trường trên địa bàn tỉnh
477			5.1.05		Quyết định số 1304/QĐ-UB ngày 10/9/2004 về việc giao đất cho Sở GDĐT để xây dựng trường CĐCĐ tỉnh Hậu Giang, 1358/QĐ-UB ngày 17/9/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang V/v

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					quy hoạch đất để đầu tư xây dựng trường CĐCĐ Hậu Giang; Lược đồ giải thửa, Quyết định số 1492/QĐ-UB ngày 30/8/2004 về quy hoạch đất cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội để đầu tư xây dựng Trường dạy nghề tỉnh Hậu Giang (nay sáp nhập vào trường CĐCĐ Hậu Giang); Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 06/7/2005 về thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
478			5.1.06		Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 về việc thu hồi một phần diện tích đất do Trường CĐCĐ Hậu Giang quản lý tại 8đường 19/8 xã Vị Tân, Tp Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
479			5.1.07		Quyết định số 2496/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang
480			5.1.08		Dự án đầu tư xây dựng trường (Quyết định số 1933/QĐ-CT.UB ngày 6/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 20/5/2011 về điều chỉnh khoản 7,9,10 Điều 1 Quyết định số 1933/QĐ-CT.UB)
481				1.1.01	Đề án sáp nhập trường TC KT-KT-CN tỉnh Hậu Giang và trường TC KT-KT tỉnh Hậu Giang vào trường CĐCĐ Hậu Giang
482			5.1.09		Danh sách thống kê khoảng cách đến các khu công nghiệp, nhà máy xí nghiệp quanh khu vực trường
483	5	2		5.1.01	Bản quy hoạch tổng thể mặt bằng trường
484			5.2.01		Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà trường
485			5.2.02		Bảng kê số liệu diện tích khu đất toàn trường, diện tích các công trình xây dựng, mật độ xây dựng công trình, diện tích cây xanh
486			5.2.03		Báo cáo diện tích đất Trường, diện tích các công trình xây dựng
487			5.2.04		Hồ sơ xây dựng trường
488			5.2.05		Hồ sơ thiết kế, hoàn công hạng mục sân vườn, rãnh thoát nước

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
499			5.2.06		Bộ hồ sơ hoàn công các khối công trình của trường
500			5.2.07		Hình ảnh khuôn viên nhà trường
501				5.1.10	Biên bản kiểm tra đánh giá của Sở Tài nguyên - Môi trường Nam Định về: Vị trí, địa chất; hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường; hệ thống xử lý nước thải, chất thải...
502				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
503	5	3		5.1.01	Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường
504				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
505	5	4		5.2.02	Bảng kê số liệu diện tích khu đất toàn trường, diện tích các công trình xây dựng, mật độ xây dựng công trình, diện tích cây xanh
506				5.2.03	Báo cáo diện tích đất Trường, diện tích các công trình xây dựng
507				5.2.04	Hồ sơ xây dựng trường
508				5.2.05	Hồ sơ thiết kế, hoàn công hạng mục sân vườn, rãnh thoát nước
509				5.1.01	Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường
510			5.4.01		Kế hoạch diễn tập PCCC, Biên bản tự kiểm tra an toàn về PCCC, Báo cáo về công tác phòng cháy, chữa cháy.
511			5.4.02		Phương án phòng cháy chữa cháy
512			5.4.03		Sơ đồ bố trí phương tiện PCCC và thoát nạn

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
513			5.4.04		Các biên bản kiểm tra về an toàn phòng cháy chữa cháy các năm 2020, 2021, 2022
514			5.4.05		Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt của trường CDCĐ Hậu Giang với Công ty cấp thoát nước công trình đô thị tỉnh Hậu Giang và các hóa đơn tiền nước (gồm cấp nước, thu gom rác thải)
515			5.4.06		Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc năm 2021, 2022
516			5.4.07		Quyết định số 257/QĐUBND ngày 12/2/2015 về phê duyệt quyết toán hạng mục công trình xây dựng trạm biến áp, lắp đặt trạm biến áp 800K VA -2/0,4KV, dây cáp dẫn từ điện trung thế và trạm biến áp 800kVA/220/0,4KV
517			5.4.08		Hợp đồng cung cấp điện với EVN Hậu Giang và các hóa đơn tiền điện
518			5.4.09		Hợp đồng ký với nhân viên lao công, vệ sinh của nhà trường năm 2020, 2021, 2022
519				5.1.10	Biên bản kiểm tra đánh giá của Sở Tài nguyên - Môi trường Hậu Giang về: Vị trí, địa chất; hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường; hệ thống xử lý nước thải, chất thải...
520				1.5.02	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
521				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
522			5.4.10		Kế hoạch mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và làm việc của trường CDCĐ Hậu Giang năm 2020, 2021, 2022 kèm danh mục sửa chữa, mua sắm
523			5.4.11		Các biên bản kiểm tra, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hàng năm.
524			5.4.12		Quy định số .../QC - ...ngày ... của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang về việc Quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật
525			5.4.13		Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của phòng QTĐS năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
526	5	5		5.1.01	Sơ đồ thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng trường
527			5.5.01		Báo cáo đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022
528			5.5.02		Thông kê, số lượng, diện tích vị trí của phòng học phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng chuyên môn hóa
529			5.5.03		Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm năm 2020, 2021, 2022
530			5.5.04		Hợp đồng kinh tế mua sắm trang thiết bị thực hành, Biên bản bàn giao thiết bị của nhà cung cấp và danh mục thiết bị kèm theo năm 2017, 2020, 2021, 2022
531			5.5.05		Sổ theo dõi tài sản, công cụ, dụng cụ năm 2020, 2021, 2022
532			5.5.06		Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị
533			5.5.07		Sổ theo dõi TTB giảng dạy của khoa
534				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
535	5	6		5.5.03	Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm năm 2020, 2021, 2022
536			5.6.01		Quyết định số 595/QĐ-CĐCĐ ngày 22/11/2021 về quy chế quản lý sử dụng tài sản công
537			5.6.02		QĐ về việc Ban hành quy định sử dụng, quản lý, bảo dưỡng, bảo trì, thường xuyên và định kỳ TSCĐ trường CĐCĐ Hậu Giang
538			5.6.03		Quy trình về quản lý phòng học, nhà xưởng
539			5.6.04		Quy trình về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
540				5.6.01	Quyết định số 595/QĐ-CĐCĐ ngày 22/11/2021 về quy chế quản lý sử dụng tài sản công
541	5	7	5.7.01		Qui định sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn
542				5.6.03	Quy trình về quản lý phòng học, nhà xưởng
543				5.6.04	Quy trình về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo
544			5.7.02		Báo cáo kết quả kiểm kê TSCĐ năm 2020, 2021, 2022
545			5.7.03		Báo cáo sử dụng phòng học, phòng thực hành năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022,
546			5.7.04		Bảng nội quy phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học tích hợp, phòng máy tính, phòng học ngoại ngữ
547			5.7.05		Biên bản giao tài sản, thiết bị, dụng cụ làm việc, thực hành cho các Khoa
548	5	8		5.5.03	Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm năm 2020, 2021, 2022 (so sánh đối chiếu với thiết bị tối thiểu ngành nghề)
549			5.8.01		Hình ảnh các thiết bị của các xưởng thực hành
550				5.7.03	Báo cáo kết quả kiểm kê TSCĐ năm 2020, 2021, 2022
551			5.8.02		Số liệu học sinh quy đổi năm 2020, 2021, 2022
552			5.8.03		Thỏa thuận hợp tác giữa Trường cao đẳng cộng đồng Hậu Giang với Doanh nghiệp, bệnh viện
553			5.8.04		Hợp đồng thuê thiết bị đào tạo các năm 2020, 2021, 2022
554				5.7.05	Biên bản giao tài sản, thiết bị, dụng cụ làm việc, thực hành cho các Khoa

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
555				2.4.06	TKB các lớp năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023
556	5	9		5.8.01	Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ đào tạo
557				5.5.07	Sổ theo dõi TTB giảng dạy của khoa
558				5.4.01	Biên bản kiểm tra phòng cháy, chữa cháy
559				5.1.10	Biên bản kiểm tra đánh giá của Sở Tài nguyên - Môi trường Hậu Giang về: Vị trí, địa chất; hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường; hệ thống xử lý nước thải, chất thải...
560			5.9.01		Bản vẽ hệ thống các phòng học, xưởng thực hành
561			5.9.02		Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ trong các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành
562				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
562	5	10		5.6.03	Quy trình về quản lý phòng học, nhà xưởng
564				5.6.04	Quy trình về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo
565				5.6.02	Quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các công trình của Trường
566	5	11		5.5.03	Danh mục thiết bị đào tạo của Trường
567				5.7.02	Báo cáo kết quả kiểm kê TSCĐ năm học 2019-2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
568				5.7.05	Biên bản bàn giao thiết bị đào tạo cho các khoa nghề và bảng chi tiết thông số kỹ thuật kèm theo năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 -2022
569				5.5.07	Sổ theo dõi TTB giảng dạy của khoa
570			5.11.01		Hồ sơ bảo dưỡng, sửa chữa năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022 gồm: Dự trù vật tư, linh kiện, phụ tùng thay thế; Giấy xin mua, Báo giá của nhà cung cấp, Quyết định phê duyệt giá và lựa chọn nhà cung cấp, Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; Phiếu xuất kho, Biên bản nghiệm thu, bàn giao
571				5.4.10	Kế hoạch mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và làm việc của trường CĐCD Hậu Giang năm 2020, 2021, 2022 kèm danh mục sửa chữa,mua sắm
572				5.4.11	Các biên bản kiểm tra, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hàng năm.
573				5.4.12	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của phòng QTĐS năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
574			5.11.02		Báo cáo công tác quản lý bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị của phòng Tổ chức năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
575			5.11.03		Báo cáo đánh giá tài sản cố định của phòng Tài chính - Kế toán năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
576	5	12	5.12.01		Định mức tiêu hao vật tư
577			5.12.02		Quyết định giao khoán cho các khoa về việc mua sắm và sử dụng vật tư tiêu hao các ngành nghề
578			5.12.03		Bảng/Phiếu đề xuất vật tư của các khoa theo từng học kỳ
579			5.12.04		Sổ ghi chép cấp phát vật tư năm học 2019-2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
580			5.12.05		Báo cáo thống kê công tác quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo và thực hiện định mức tiêu hao vật tư năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
581			5.12.06		Hồ sơ quản lý vật tư đào tạo, gồm: Giấy xin mua vật tư, Báo giá của nhà cung cấp, Quyết định lựa chọn nhà cung cấp; Hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng cung cấp vật tư, Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Hóa đơn, ủy nhiệm chi, Biên bản bàn giao vật tư cho cán sự lớp, Biên bản kiểm kê, thu hồi vật tư sau thực hành
582			5.12.07		Quyết định phân công cán bộ quản lý xưởng thực hành của các khoa
583			5.12.08		Hình ảnh kho/ lưu trữ vật tư đào tạo của các xưởng thực hành
584				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
585	5	13	5.13.01		Nội quy thư viện, Nội quy phòng đọc, thời gian mở cửa thư viện
586			5.13.02		Nội quy sử dụng phòng Internet
587			5.13.03		Quyết định phân công cán bộ phụ trách thư viện trường + văn bằng, chứng chỉ của cán bộ liên quan đến nghiệp vụ thư viện
589				1.1.06	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 110/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 22/9/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
590				1.1.07	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 71/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 07/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
591				1.1.08	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: số 44/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 08/6/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
592			5.13.04		Danh sách giáo trình đã được nhà trường phê duyệt

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
593			5.13.05		Danh mục đầu sách thư viện năm 2019, 2020, 2021, 2022
594			5.13.06		Danh mục các địa chỉ website tra cứu tài liệu tham khảo
595			5.13.07		Danh mục giáo trình, tài liệu lưu hành nội bộ
596			5.13.08		Danh mục sách chuyên môn theo từng nghề
597			5.13.09		Bản vẽ thiết kế mặt bằng có thư viện của trường
598			5.13.10		Báo cáo diện tích thư viện
599			5.13.11		Hình ảnh thư viện
600	5	14		5.13.01	Nội quy thư viện
			5.14.01		Sổ theo dõi mượn tài liệu của học sinh sinh viên năm 2019, 2020, 2021, 2022
601			5.14.02		Sổ theo dõi mượn tài liệu của cán bộ, giáo viên 2019, 2020, 2021, 2022
602			5.14.03		Hướng dẫn tra cứu mục lục truyền thống
603			5.14.04		Hướng dẫn tra cứu tài liệu OPAC
604			5.14.05		Tổng hợp số liệu điều tra của bạn đọc năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021; 2021 - 2022
605			5.14.06		Quyết định phân công cán bộ phụ trách thư viện trường + văn bằng, chứng chỉ của cán bộ liên quan đến nghiệp vụ thư viện

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
606			5.14.07		Kế hoạch hoạt động thư viện các năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
607			5.14.08		Nội dung phổ biến về thư viện trong tuần học định hướng kèm theo Kế hoạch tuần định hướng
608				5.13.01	QĐ số ... ngày ./2019 về việc ban hành Nội quy thư viện
609			5.14.09		Thông báo giới thiệu sách mới năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
610			5.14.10		Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện các năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
611				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
612	5	15	5.15.01		Biên bản nghiệm thu thiết bị thư viện Trung tâm công trình trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
613			5.15.02		Danh mục thiết bị máy tính phục vụ thư viện bổ sung năm 2022
614			5.15.03		Sơ đồ mạng máy tính thư viện
615			5.15.04		Phần mềm quản lý thư viện
616			5.15.05		Danh mục tài liệu điện tử
617			5.15.06		Website của trường, Nội quy thư viện
618			5.15.07		Hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
619			5.15.08		Danh mục giáo trình của trường được số hóa
620			5.15.09		Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa
621	6	1		1.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2020, 2021, 2022 (Quyết định số 134 ngày 24/3/2020, Quyết định số 171 ngày 29/03/2021, Quyết định số 210 ngày 25/3/2022)
622				1.3.04	Quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo GDNN (Quyết định số 397 ngày 04/6/2020 sửa đổi một số điều quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo GDNN ban hành kèm theo Quyết định số 347 ngày 14/11/2017; Quyết định số 64/QĐ-CĐCĐ ngày 26/01/2021 về việc quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo; Quyết định 706 ngày 20/12/2021)
623				1.3.14	Quy định về công tác nghiên cứu khoa học các năm
624			6.1.01		Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học và thu hút nhân lực tỉnh Hậu Giang.
626			6.1.02		Văn bản hỗ trợ của Sở Nội vụ (Công văn số 1954/SNV-TCCB ngày 20/8/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang về việc hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với viên chức; Công văn số 2061/SNV-TCCB ngày 01/9/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang về việc hỗ trợ đào tạo sau đại học.
627			6.1.03		Công văn 1961/UBND-NCTH ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh về việc bổ sung kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học
628			6.1.04		Thông báo số 1049/TB-CĐCĐ ngày 15/10/2020 về việc đăng ký đề tài NCKH và viết giáo trình của tập thể, cá nhân năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo; Thông báo số 74/TB-CĐCĐ ngày 13/9/2021 về việc đăng ký đề tài NCKH và viết giáo trình của tập thể, cá nhân năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo.
629			6.1.05		Công văn về việc đăng ký học sau đại học các năm (Công văn 1027/CĐCĐ ngày 09/10/2020 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc đăng ký học sau đại học năm 2021)
630			6.1.06		Kế hoạch triển khai công tác NCKH các năm 2020, 2021, 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
631			6.1.07		Danh sách đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến cấp trường trở lên năm 2020, 2021, 2022
632			6.1.08		Danh sách luận văn thạc sỹ và luận án tiến sĩ của nhà trường năm 2020, 2021, 2022
633			6.1.09		Danh sách bài báo đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế các năm 2020, 2021, 2022
634			6.1.10		Danh sách cán bộ, giáo viên tham gia và Giấy khen/Giấy chứng nhận/Quyết định khen thưởng Hội giảng cấp trường trở lên năm 2020, 2021, 2022
635			6.1.11		Danh sách cán bộ, giáo viên tham gia và Giấy khen/Giấy chứng nhận/Quyết định khen thưởng Hội thi thiết bị dạy học tự làm/Mô hình cấp trường trở lên năm 2020, 2021, 2022
636	6	2		6.1.07	Danh sách đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến cấp trường trở lên năm 2020, 2021, 2022
637			6.2.01		Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học năm 2020, 2021, 2022 (bao gồm các quyết định giao đề tài, hồ sơ bảo vệ đề tài, quyết định công nhận đề tài...)
638			6.2.02		Biên bản nghiệm thu đề tài
639	6	3		6.1.09	Danh sách bài báo đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế các năm 2020, 2021, 2022
640			6.3.01		Bài báo, đường link bài báo (có thể hiện ngày tháng năm đăng bài)
641	6	4		6.1.07	Danh sách đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến cấp trường trở lên năm 2020, 2021, 2022
642				6.2.01	Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học năm 2020, 2021, 2022 (bao gồm các quyết định giao đề tài, hồ sơ bảo vệ đề tài, quyết định công nhận đề tài...)
643				6.2.02	Biên bản nghiệm thu đề tài
644	6	5	6.5.01		Thỏa thuận chung về hợp tác giữa Trường CĐCD Hậu Giang với Trường Cao đẳng nghệ thuật và ứng dụng công nghệ Durham

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
645			6.5.02		Công văn số 2683/TCGDNN-ĐTCQ ngày 26/9/2016 của Tổng cục GDNN về việc thí điểm đào tạo trình độ cao đẳng; Thông báo số 40/TB-CĐCĐ ngày 30/3/2017 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc thông báo tuyển sinh trình độ CĐ, TC chính quy năm học 2017-2018; Quyết định số 255A/QĐ-CĐCĐ ngày 15/8/2017 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ CĐ đợt 2 chính quy năm học 2017-2018; Quyết định số 267/QĐ-CĐCĐ ngày 11/9/2018 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc công nhận sinh viên nhập học trình độ CĐ chính quy năm học 2018-2019 khóa 13; Quyết định số 408/QĐ-CĐCĐ ngày 20/12/2018 của Trường CĐCĐ Hậu Giang về việc công nhận bổ sung sinh viên nhập học trình độ CĐ chính quy năm học 2018 - 2019 khóa 13 - 14;
646			6.5.03		Biên bản ghi nhớ “Hợp tác thực hiện dự án: Xây dựng mô hình đào tạo trực tuyến tạo công ăn việc làm cho người lao động ở tỉnh Hậu Giang trong thị trường ngành BPO (dịch vụ thuê ngoài doanh nghiệp) ở Việt Nam; Biên bản ghi nhớ phối hợp thực hiện công tác đào tạo cung ứng lao động giữa trường CĐCĐ Hậu Giang và cty TNHH giấy LEE & MAN VN; Biên bản ghi nhớ làm việc giữa trường CĐCĐ Hậu Giang và cty TNHH UNIPAX Vị Thanh.
647	7	1		1.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2020, 2021, 2022 (Quyết định số 134/QĐ-CĐCĐ ngày 24/3/2020, Quyết định số 171/QĐ-CĐCĐ ngày 29/03/2021, Quyết định số 210/QĐ-CĐCĐ ngày 25/3/2022)
648			7.1.01		Hợp đồng mua bản quyền phần mềm kế toán D-soft, hóa đơn bảo trì năm 2020, 2021, 2022
649			7.1.02		Hợp đồng mua bản quyền phần mềm quản lý tài sản Misa, hóa đơn bảo trì năm 2020, 2021, 2022
650			7.1.03		Dự toán thu chi ngân sách năm 2020, 2021, 2022
651			7.1.04		Quyết định giao dự toán kinh phí năm 2020, 2021, 2022
652			7.1.05		Quyết định về quy định mức thu học phí năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
653			7.1.06		Danh mục các nguồn thu từ hoạt động đào tạo năm 2020, 2021, 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
654			7.1.07		Biên bản hội nghị viên chức và NLĐ năm 2020, 2021, 2022
655			7.1.08		Báo cáo công khai tài chính của bộ phận kế toán - Phòng kế hoạch tài chính năm 2020, 2021, 2022
656			7.1.09		Nghị Quyết Hội nghị Công nhân viên chức năm 2020, 2021, 2022
657			7.1.10		https://hgcc.edu.vn/Uploads/public/CongKhaiDuToanNam2022.pdf?gidzl=98MJCmmB5M8jcPCr0nSTOogUdJeSHaniOip3EKb2J60moC8q6a8NOc7Ac64R41erCPYSR38OlBTX3GqMPm
658	7	2		7.1.05	Quyết định về quy định mức thu học phí năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023
659				7.1.06	Danh mục các nguồn thu từ hoạt động đào tạo năm 2020, 2021, 2022
660			7.2.01		Các Hợp đồng liên kết đào tạo năm 2020, 2021, 2022
661			7.2.02		Các biên bản quyết toán các lớp liên kết đào tạo năm 2020, 2021, 2022
662			7.2.03		Sổ kế toán các tài khoản thu năm 2020, 2021, 2022
663			7.2.04		Hợp đồng thuê quyền khai thác sử dụng tài sản công năm 2021
664			7.2.05		Hóa đơn cho thuê cơ sở vật chất năm 2020, 2022
665				7.1.03	Dự toán thu chi ngân sách năm 2020, 2021, 2022
666				7.1.04	Quyết định giao dự toán kinh phí năm 2020, 2021, 2022
667			7.2.06		Biên bản phê duyệt quyết toán năm 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
668			7.2.07		Bộ báo cáo tài chính. Báo cáo quyết toán năm 2020, 2021, 2022
669			7.2.08		Kế hoạch, Biên bản, báo cáo thanh kiểm tra tài chính của thanh tra tỉnh năm 2020, 2021, 2022
670			7.2.09		Báo cáo thực hiện kết luận của thanh tra tỉnh
671			7.2.10		Kế hoạch tự thanh kiểm tra tài chính của nhà trường năm 2020, 2021, 2022
672			7.2.11		Biên bản tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022
673			7.2.12		Báo cáo tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022
674	7	3		7.1.03	Dự toán thu chi ngân sách năm 2020, 2021, 2022
675				7.1.04	Quyết định giao dự toán kinh phí năm 2020, 2021, 2022
676				7.2.06	Biên bản phê duyệt quyết toán năm 2020, 2021
677				7.2.07	Bộ báo cáo tài chính. Báo cáo quyết toán năm 2020, 2021, 2022
678				7.2.01	Các Hợp đồng liên kết đào tạo năm 2020, 2021, 2022
679				7.2.02	Các biên bản quyết toán các lớp liên kết đào tạo năm 2020, 2021, 2022
680				7.2.03	Sổ kế toán các tài khoản thu năm 2020, 2021, 2022
681				7.2.10	Kế hoạch tự thanh kiểm tra tài chính của nhà trường năm 2020, 2021, 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
682				7.2.11	Biên bản tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022
683				7.2.12	Báo cáo tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022
684	7	4		1.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2020, 2021, 2022 (Quyết định số 134/QĐ-CĐCĐ ngày 24/3/2020, Quyết định số 171/QĐ-CĐCĐ ngày 29/03/2021, Quyết định số 210/QĐ-CĐCĐ ngày 25/3/2022)
685				7.2.07	Bộ báo cáo tài chính. Báo cáo quyết toán năm 2020, 2021, 2022
686			7.4.01		Bảng đối chiếu Kho bạc năm 2020, 2021, 2022
687			7.4.02		Biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt năm 2020, 2021, 2022
688			7.4.03		Sổ theo dõi tài sản năm 2020, 2021, 2022
689			7.4.04		Sổ kế toán các tài khoản năm 2020, 2021, 2022
690				7.1.03	Dự toán thu chi ngân sách năm 2020, 2021, 2022
691				7.1.04	Quyết định giao dự toán kinh phí năm 2020, 2021, 2022
691				7.2.06	Biên bản phê duyệt quyết toán năm 2020, 2021
693			7.4.05		Sổ phụ tài khoản ngân hàng năm 2020, 2021, 2022
694				7.2.03	Sổ kế toán các tài khoản thu năm 2020, 2021, 2022
695				7.1.07	Biên bản hội nghị công nhân viên chức năm 2020,2021,2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
696				7.1.08	Báo cáo công khai tài chính của bộ phận kế toán - Phòng kế hoạch tài chính năm 2020, 2021, 2022
697				7.1.09	Nghị Quyết Hội nghị Công nhân viên chức năm 2020, 2021, 2022
698				7.1.10	https://hgcc.edu.vn/Uploads/public/CongKhaiDuToanNam2022.pdf?gidzl=98MJCmmB5M8jcPCr0nSTOogUdJeSHaniOip3EKb2J60moC8q6a8NOc7Ac64R41erCPYSR38OlBTX3GqMPm
699	7	5		7.2.10	Kế hoạch tự thanh kiểm tra tài chính của nhà trường năm 2020, 2021, 2022
700				7.2.11	Biên bản tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021
701				7.2.12	Báo cáo tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021
702			7.5.01		Báo cáo của nhà trường về việc thực hiện các kết luận trong báo cáo tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021
703			7.5.02		Báo cáo tổng kết của phòng Kế toán - tài chính năm 2020, 2021, 2022
704	7	6	7.6.01		Kế hoạch hằng năm về công tác đánh giá hiệu quả nguồn tài chính của trường 2020, 2021
705			7.6.02		Biên bản họp đánh giá sử dụng nguồn tài chính năm 2020, 2021
706			7.6.03		Báo cáo đánh giá hiệu quả nguồn tài chính của trường năm 2020, 2021
707			7.6.04		Báo cáo thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính năm 2020, 2021
708				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
709	8	1	8.1.01		Các Kế hoạch của Hiệu trưởng về việc tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa cho học sinh, sinh viên năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023
710			8.1.02		Sổ tay học sinh, sinh viên năm học: 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
711				2.12.01	Quyết định số 177/QĐ-CĐCĐ ngày 10/4/2020 về ban hành quy chế đánh giá điểm rèn luyện học sinh sinh viên hệ chính quy
712			8.1.03		QĐ số 176 ngày 10/04/2020 về ban hành Quy chế công tác HS-SV
713			8.1.04		Hướng dẫn về chế độ, chính sách cho học sinh sinh viên
714			8.1.05		Nội quy và quy định của Nhà trường
715			8.1.06		Báo cáo kết quả thực hiện công tác sinh hoạt chính trị đầu khóa của HSSV năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
716			8.1.07		Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp của Trường;
717			8.1.08		Quy định về việc xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với HS-SV (Quyết định 179 ngày 10/03/2022)
718				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
719	8	2		8.1.04	Hướng dẫn về chế độ, chính sách cho học sinh sinh viên
720			8.2.01		Thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách xã hội khác mà trường đã và đang áp dụng
721			8.2.02		Danh sách chi trả kinh phí hỗ trợ học sinh sinh viên hằng năm; Chi tiết quyết toán cấp bù học phí cho học sinh sinh viên theo nghị định 86/2015/NĐ - CP; nghị định 81/2021/NĐ - CP hằng năm;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
722			8.2.03		Các Quyết định, Thông báo hỗ trợ học sinh, sinh viên năm học: 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
723			8.2.04		Sổ theo dõi xác nhận các chế độ chính sách HSSV năm học: 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
724			8.2.05		Bảng thống kê số liệu HSSV hưởng chế độ chính sách năm học: 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
725				1.5.02	Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường CĐCD Hậu Giang năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
726	8	3	8.3.01		QĐ số 319/QĐ-CĐXDND ngày 27/6/201... về ban hành Quy chế công tác HSSV;
727			8.3.02		Quy định số .../QĐ - ngày 20 tháng 08 năm 2019 Quy định về cơ chế hỗ trợ người học
728			8.3.03		Quyết định khen thưởng HSSV đính kèm Danh sách học sinh, sinh viên được khen thưởng năm học: 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
729			8.3.04		Đơn xin miễn giảm học phí của HSSV năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
730			8.3.05		Quyết định Hỗ trợ HSSV năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
731			8.3.06		Văn bản/tài liệu thể hiện người học được hỗ trợ trong quá trình học tập tại trường hàng năm.
732			8.3.07		Kế hoạch hoạt động năm của Phòng công tác chính trị và dịch vụ sinh viên
733				1.5.02	Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường CĐCD Hậu Giang năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
734				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
735	8	4		2.3.05	Thông báo tuyển sinh và các tờ rơi, tài liệu tuyên truyền năm 2020, 2021, 2022, 2023
736			8.4.01		Quy định ký túc xá của Trường
737				1.5.02	Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của trường CĐCD Hậu Giang năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
738				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
739	8	5	8.5.01		Hồ sơ thiết kế nhà KTX
740			8.5.02		Báo cáo thông tin ký túc xá năm học 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
741			8.5.03		Báo cáo đánh giá ký túc xá năm học 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021-2022
742			8.5.04		Bảng thống kê số liệu HSSV tại cơ sở chính năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
743			8.5.05		Bảng thống kê số liệu HSSV nội trú năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
744				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
745	8	6	8.6.01		Quyết định số .../QĐCĐCD, ngày .../2019 về việc thành lập khoa Y – Dược của Hiệu trưởng trường CĐCD Hậu Giang
746			8.6.02		Thông tin địa điểm phòng y tế học đường năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
747			8.6.03		Danh mục thiết bị y tế

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
748			8.6.04		Hồ sơ cấp phát thuốc năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
749			8.6.05		Báo cáo đánh giá về công tác y tế trường học năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
750				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
751	8	7	8.7.01		Thông tin khu thể thao, văn hóa
752			8.7.02		Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
753			8.7.03		BC kết quả tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
754			8.7.04		Quy chế phối hợp bảo vệ ANTT với công an phường năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
755			8.7.05		Phân công trực bảo vệ
756			8.7.06		Phân công trực KTX
757			8.7.07		Các kế hoạch và báo cáo về nội dung tham gia hoạt động văn nghệ, TDTT của các đơn vị cấp trên
758				1.5.01	Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị trực thuộc các năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
759	8	8	8.8.01		Kế hoạch tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
760			8.8.02		Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp năm học 2020, 2021, 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
761			8.8.03		Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp liên kết đào tạo năm 2019 (Hiệu lực 05 năm)
762			8.8.04		Báo cáo thực hiện công tác tư vấn việc làm sau khi tốt nghiệp cho HSSV năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
763				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
764	8	9	8.9.01		Các Kế hoạch phối hợp tổ chức hội chợ việc làm; Tham gia sàn giao dịch việc làm với TT Dịch vụ việc làm năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
765			8.9.02		Hình ảnh tham gia hội chợ việc làm; ngày hội việc làm tỉnh năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
766			8.9.03		Thư mời các đơn vị tham gia Hội chợ việc làm, sàn giao dịch việc làm của TT Dịch vụ việc làm tỉnh năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
767			8.9.04		Các Kế hoạch tổ chức hội chợ việc làm tại Trường năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
768			8.9.05		Thư mời các doanh nghiệp tham gia hội chợ việc làm tại Trường năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
769			8.9.06		Báo cáo kết quả tổ chức và phối hợp tổ chức hội chợ việc làm cho HSSV năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
770			8.9.07		Các Báo cáo tổng kết của Phòng Đào tạo và CTHSSV về tổ chức và phối hợp tổ chức hội chợ việc làm năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022
771				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
772	9	1		1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
773			9.1.01		Danh sách các đơn vị sử dụng lao động được khảo sát các năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
774	9	2		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, viên chức, người lao động năm học 2021-2022
775			9.2.01		Kế hoạch khảo sát cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về các chế độ chính sách của nhà trường
776			9.2.02		Danh sách viên chức, người lao động được khảo sát
777	9	3		1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
778			9.3.01		Quyết định kèm danh sách mở lớp các năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
779			9.3.02		Danh sách HSSV được thu thập ý kiến năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
780	9	4	9.4.01		Quyết định số 759/QĐ-CĐCĐ ngày 31/8/2020, 234/QĐ-CĐCĐ ngày 4/5/2021, 285/QĐ-CĐCĐ ngày 01/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020, 2021, 2022
781			9.4.02		Kế hoạch số 760/KH-CĐCĐ ngày 31/8/2022, 32/KH-CĐCĐ ngày 12/9/2021, số 40/KH-CĐCĐ ngày 17/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020, 2021, 2022
782			9.4.03		Kế hoạch hoạt động tự đánh giá năm 2020, 2021, 2022 của các nhóm chuyên trách các nghề trọng điểm của nhà trường
783			9.4.04		Biên bản họp của Hội đồng tự đánh giá các năm 2020, 2021, 2022
784			9.4.05		Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN các năm 2020, 2021, 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
785			9.4.06		Link báo cáo tự đánh giá chất lượng Nhà trường đăng web trường các năm học
786				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
787	9	5		9.4.05	Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN các năm 2020, 2021, 2022
788			9.5.01		Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo các năm học (lập vào đầu tháng 1 hàng năm) năm 2020, 2021, 2022
789			9.5.02		Báo cáo thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo các năm 2020, 2021, 2022
790				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023
791	9	6		2.14.13	Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
792			9.6.01		Danh sách người học tốt nghiệp được khảo sát các năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022
793				1.1.10	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát CB, giảng viên, HSSV, đơn vị sử dụng lao động đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, kế hoạch năm học 2022 - 2023